

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐẠO UYỂN

XUÂN 2018

25

ĐẠO UYỂN XUÂN 2018

NXB HỒNG ĐỨC

ISBN: 978-604-89-2115-6



Sách ấn tổng. Không bán.



 **NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI chủ biên

ĐẠO UYÊN XUÂN 2018

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý – Tập 25

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**
Hà Nội 2018

MỤC LỤC

Giao Cảm – Đạo Uyên	4
THÁNH GIÁO	
Đàn Khai Xuân Năm Xưa – Đức Hiến Thế Đạo Nhơn, Đức Thiên La Đạo Nhơn, Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt	5
KHẢO CỨU / SÁNG TÁC / TRAO ĐỔI	
Đôi Nét Về Tiên Bối Thiên La Tinh – Thanh Căn	22
Tiên Bối Thiên La Tinh Qua Dòng Thánh Giáo – Huệ Khải	35
Khái Niệm Về Tính Mệnh – Lê Anh Minh	39
Trở Về Chánh Đạo – Trần Dã Sơn	43
Vài Nét Về Đoàn Tiên Hiệp Minh Ở Cái Khế – Huệ Khải	61
Đức Thịnh Thời Hưng – Diệu Nguyên	75
Hoa Đào Năm Trước – Lộc Đình	95
Cụ Phan Và Lòng Dân – Lộc Đình	101
Canh Hiếu – Như Không Đặng Công Tạo	105
Tôi Học Tiểu Học ... – Như Không Đặng Công Tạo	109
Những Gánh Hát Xưa – Kha Tiệm Ly	121
Gió Bốn Phương – Huệ Khải	133
Thơ Đỗ Thị Kết 129 Hoàng Nguyên 141, 142 Hồ Xoa 74 Mai Sau Le 130, 132 Nguyễn Quốc Huân 94, 104, 143 Phan Thành Minh 120 Trần Dã Sơn 108 Võ Văn Pho 42, 73, 93, 94, 107, 140 Vương Trọng 74	
Kinh Sách Mới In / Phương Danh Ấn Tổng	144, 146

Bìa 1: Tòa Thánh Tây Ninh:

Đồng nhi đọc kinh (có ban nhạc lễ)

Ảnh: **Quinn Ryan Mattingly**

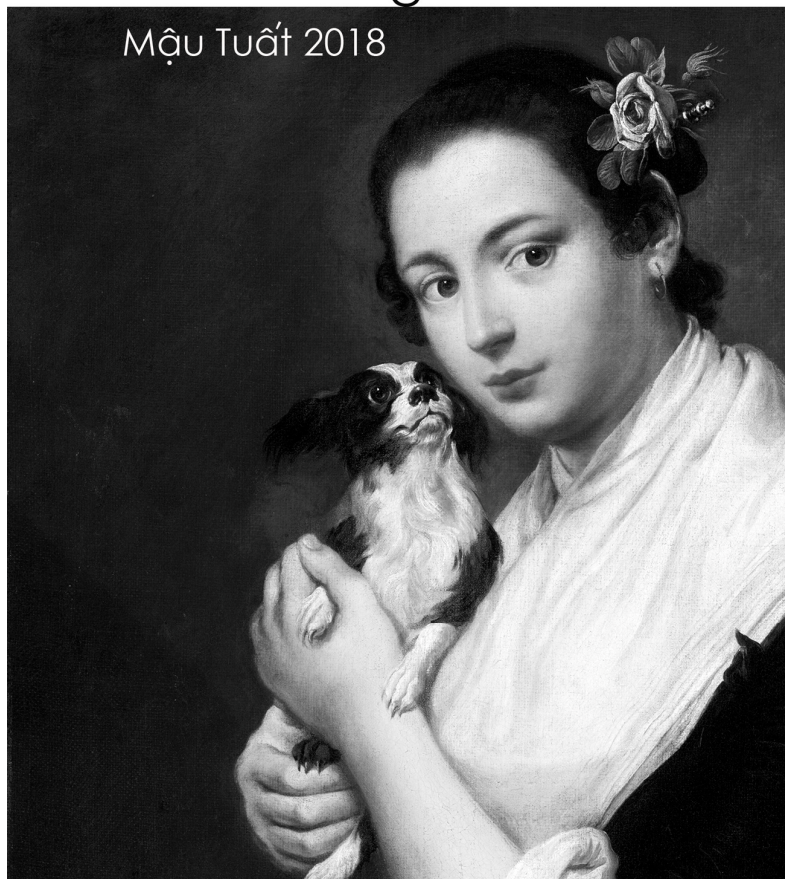
<https://lorcanlovett.com/2015/06/21/...>

Bìa 4: Dáng xuân.

Ảnh: **Kim Trúc** (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài)

<https://www.facebook.com/kimtruc.kimtruc.58>

Chúc Mừng Năm Mới Mậu Tuất 2018



Trích tranh Giacomo Ceruti (1698-1767), danh họa Ý

Sau sáu năm (2012-2017) cùng với quý đạo hữu gần xa dẫn mình vào cuộc chơi chữ nghĩa trần gian, *Đại Đạo Văn Uyển* đã dừng lại với tập 24. Dừng lại để thay đổi chút ít.

GIÀO CẨM

Giờ đây, *Đạo Uyển* ra đời và quý đạo hữu thấy ngay rằng *Đại Đạo Văn Uyển* được rút gọn thành *Đạo Uyển* 道苑, nghĩa là “Vườn Đạo”. Bởi thế, như một kế tục của *Đại Đạo Văn Uyển*, con số thứ tự là tập 25, để cuộc hành trình của chúng ta chẳng hề gián đoạn. Hằng năm cũng ra bốn tập và tạm gọi Xuân, Hạ, Thu, Đông theo quy ước thời gian; do đó, chúng ta cùng chào năm mới Mậu Tuất với *Đạo Uyển Xuân 2018* (Hiệp tuyển thơ văn đạo lý, tập 25).

Ngoài những thay đổi tí ti ấy, chúng ta vẫn duy trì mục đích là tạo nên một “sân chơi” be bé cho những tâm hồn áo trắng trái lòng thương Thầy mến Đạo, nâng niu ý thức hệ Cao Đài, và cùng hướng lòng về một ngày mai không còn sắc phái địa phương, không còn một thực trạng phân hóa dai dẳng đã và đang làm chậm lại công cuộc Phổ Độ Kỳ Ba của Đại Đạo.

Chào năm mới Mậu Tuất, chúng ta cùng thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ và Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn ban bố phúc lành cho toàn thể con cái của Thầy Mẹ trên cõi dinh hoàn này.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn.

ĐÀN KHAI XUÂN NĂM XƯA

Thánh tịnh Ngọc Minh Đài

Tuất thời, 01-01 Giáp Dần (Thứ Tư 23-01-1974)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam

Pháp Đàn: Huệ Chơn; Đồng Tử: Thanh Thủy;

Độc Giả: Hồng Mai;

Diễn Ký: Ngọc Kiều, Hồng Cẩm, Kim Nhung, Lập Hạnh.

THI

HIỂN linh nhờ trước biết tu hành

THẾ sự ⁽¹⁾ xem thường chữ lợi danh

ĐẠO đức lập tâm bồi cội phước

NHƠN tình thương kẻ lỡ đường quanh.

HIỂN THẾ ĐẠO NHƠN ⁽²⁾

Huệ Khải chú thích:

⁽¹⁾ **thế sự** 世事: Việc đời; việc trên đời; việc trần tục. | *Secular affairs; worldly affairs.*

⁽²⁾ **Hiển Thế Đạo Nhơn** 顯世道人: Thế danh là Phan Văn Thanh (1890-1950). Sinh thời, tiền bối hành đạo tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài (đường Nguyễn Khoái, quận 4). Vì trót phạm lỗi lầm nên sau khi thoát xác tiền bối phải chịu đầu thai làm quái nhân trong sáu năm để đền tội xưa. May được

Chào chư Thiên ân hướng đạo,⁽³⁾ chư đạo tâm lưỡng phái. Mừng các em đồng nhi, lễ sĩ. Mừng hiền nương ⁽⁴⁾ Diệu Hạnh.

Tê Huynh rất mừng cho các em đã chung tâm lo gìn giữ và phát triển họ đạo sở tại.⁽⁵⁾ Nhờ tâm thành của các em nên chư Thiên hộ pháp ⁽⁶⁾ đã hộ trì ⁽⁷⁾ cho các em bằng cách rửa sạch, quét dọn rác rến, trở ngại chung

bá tánh xót thương bố thí nên trong sáu năm làm quái nhân, tiền bối đã giúp song thân thoát cảnh cơ hàn và xây chùa làm nơi lánh đục tìm trong. Nhờ công quả trợ giúp mẹ cha trong việc xây dựng sự nghiệp đạo đức này, tiền bối trả xong nợ tiền khiên, mãn kiếp được trở về cung Thái Ất tịnh luyện trong chín năm, đặc vị Hiển Thế Đạo Nhơn. Tiền bối giảng cơ tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài ngày 10-5 Ất Tỵ (Thứ Tư 09-6-1965) kể lại ngọn ngành việc trả quả trong sáu năm ấy. Xem: Diệu Nguyên, *Câu Chuyện Đức Tin*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2012, tr. 23-25. Quyển 25-3 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.

⁽³⁾ **hướng đạo** 向導: Người dẫn dắt đạo hữu. | *Those who lead their coreligionists.* || **Thiên ân hướng đạo** 天恩向導: Người thọ ơn Trời để dẫn dắt đạo hữu. | *Those who receive Heaven's favours to lead their coreligionists.*

⁽⁴⁾ **hiền nương** 賢娘: Vợ hiền (tiếng lịch sự khi gọi vợ mình). | *A polite form of address to one's wife.*

⁽⁵⁾ **họ đạo sở tại** 所在教區: Họ đạo địa phương. | *Local parish.*

⁽⁶⁾ **chư Thiên hộ pháp** 護法諸天: Các Đấng thiêng liêng bảo vệ chánh pháp. | *The dharma-protecting gods.*

⁽⁷⁾ **hộ trì** 護持: Giữ gìn và ủng hộ. | *Protecting and supporting.*

quanh.⁽⁸⁾ Các em đã có một Ban Cai Quản lành mạnh thì còn lo gì không có ngày cùng toàn Đạo trên đường phổ tế độ nhơn.⁽⁹⁾

Năm mới, nhân dịp xuân về, Tệ Huynh chúc mừng chư liệt vị ⁽¹⁰⁾ và các em.

THI

*Xuân đến nổi lòng đạo chứa chan
Xuân tâm, xuân hạnh đức huy hoàng
Trời xuân dầu có bao thay đổi
Thượng Đế hồng ân vẫn bố ban.*

Còn thằng Tôn, cháu được như vậy Bác mừng.

Chư liệt vị và các em thành tâm tiếp Lão Huynh Thiên La Đạo Nhơn.⁽¹¹⁾ Tệ Huynh xin giã từ chư liệt vị và các

⁽⁸⁾ **rửa sạch, quét dọn rác rến, trở ngại chung quanh:** Ngụ ý nói không còn những tệ nạn xã hội chung quanh ngôi thánh tịnh ở quận Tư, nơi thường được coi là đất dụng võ của giới giang hồ. | *Clearing all the surrounding rubbish and obstacles; clearing all the social evils around the holy house.*

⁽⁹⁾ **phổ tế độ nhơn** 普濟度人: Cứu giúp cho mọi người biết tu hành để họ giải thoát. | *Universally help humans cultivate themselves for their own freedom from samsara.*

⁽¹⁰⁾ **(chư) liệt vị** (諸)列位: Quý vị, quý ngài. | *All of you present; ladies and gentlemen.*

⁽¹¹⁾ **Thiên La Đạo Nhơn** 天羅道人: Thê danh Lê Văn Nghĩa (1881-1972), thánh danh Thiên La Tinh 天羅星, làm Đầu Họ Đạo thánh tịnh Ngọc Minh Đài.

em. Giã từ hiền nương Diệu Hạnh. Lui.

TIẾP ĐIỂN

THIÊN LA ĐẠO NHƠN

Tệ Huynh xin chào chư Thiên ân hướng đạo. Mừng các em đạo hữu địa phương.

Nhân dịp đầu xuân Giáp Dần, Tệ Huynh đến trước để báo tin có Đức Lê Đại Tiên giáng. Trong lúc chờ đợi, Tệ Huynh cần có vài điều đạo sự muốn hàn huyên, dặn dò các em đạo hữu địa phương. Vậy Tệ Huynh xin thỉnh chư Thiên ân hướng đạo và các em đồng an tọa.

Hỡi các em!

PHÚ LỐI VẦN

*Giáp Dần là năm mở đầu
cho một chu kỳ thập niên ⁽¹²⁾ thay đổi,
Nghiệp quả đầ ⁽¹³⁾ có dịp trả xong,
Người tu hành phải cố gắng bền lòng,
Giữ hạnh đạo và bồi công lập đức.*

⁽¹²⁾ **thập niên** 十年: Mười năm. | *A decade.* (Nói *thập kỷ* là sai.) || **chu kỳ** 周期: Khoảng thời gian giữa hai lần lặp lại liên tiếp của một sự việc. | *A cycle* || **chu kỳ thập niên** 十年周期: Cứ hết mười năm thì lặp lại một lần. / *A decade cycle.*

⁽¹³⁾ **đầ**: Đầ (cách biến âm, chuyển thanh trắc [đầ] ra thanh bằng [đầ] cho hợp luật thơ. Thí dụ: *Nay đầ rõ đặng nguồn cơn / Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.* [Lục Vân Tiên])

Cảnh Tiên tục tuy nay xa cách,
 Nhưng tình đệ huynh vẫn như tự thuở nào,
 Hễ mỗi lần có dịp gặp nhau,
 Lời khuyên đạo ⁽¹⁴⁾ là mở đầu cho câu chuyện.
 Em còn nhớ các thời kỳ chuyển biến,
 Từ bốn mươi lăm ⁽¹⁵⁾ cho đến ngày nay,
 Đất nước này lắm lúc đổi thay,
 Từ thôn dã đến ngay thành thị.
 Cảnh quốc phá gia vong ⁽¹⁶⁾ tự thi, ⁽¹⁷⁾
 Nếp thanh bình đảo lộn khắp nơi nơi,
 Xã hội này tan tác tả tơi,
 Từ tập tục cho đến thói đời cũng đổi.
 Sống tạm bợ, ở thì ăn xối, ⁽¹⁸⁾
 Chỉ biết ngày nay, mặc trời ⁽¹⁹⁾ cho ngày mai.
 Nào thanh liêm, ⁽²⁰⁾ nào tiết tháo ⁽²¹⁾ mấy ai?

Nào địa vị, nào tiền tài lắm kẻ!
 Nào ái quốc, nào ái quần ⁽²²⁾ hiếm thế,
 Nào danh nhân, nào sĩ khí ⁽²³⁾ đâu nào?
 Kẻ khốn nàn kêu có vọng đến Trời cao?
 Người đói khổ thét gào không thấu Chúa!
 Lớp trọc phú ⁽²⁴⁾ xa hoa nhẩy múa,
 Bên cạnh người thiếu áo thiếu cơm.
 Trai bạc bài, nghiện ngập, du côn, ⁽²⁵⁾
 Dưới quần túm, đầu chơm bươm tai tóc.
 Gái trang sức hở hang cạnh góc,
 Còn đâu nào vóc ngọc thân ngà!
 Chữ chính chuyên ⁽²⁶⁾ liễu yếu quần thoa,
 Câu tứ đức, ⁽²⁷⁾ từng ba ⁽²⁸⁾ đâu còn nữa!

⁽¹⁴⁾ **khuyến đạo** 勸導: Khuyên bảo. | *Admonishing, advising.*

⁽¹⁵⁾ **bốn mươi lăm**: Năm 1945.

⁽¹⁶⁾ **quốc phá gia vong** 國破家亡: Nước tan, nhà mất. | *The country was ruined and families were scattered.*

⁽¹⁷⁾ **tự thi** (thủy) 自始: Từ đầu, từ ban đầu. | *From the outset; from the beginning; ab initio.* || **Cảnh quốc phá gia vong tự thi**: Từ khi bắt đầu xảy ra cảnh nước tan, nhà mất.

⁽¹⁸⁾ **ở thì ăn xối**: Ăn xối ở thì; chỉ tính chuyện tạm bợ trước mắt, không nghĩ đến chuyện lâu dài. | *Day-to-day (adj); without consideration for the future.*

⁽¹⁹⁾ **mặc trời**: Mặc kệ; trời kệ; không thèm quan tâm đến. | *So much the worse for something or somebody.*

⁽²⁰⁾ **thanh liêm** 清廉: Trong sạch, không ăn hối lộ, không tham nhũng. | *Honest; uncorrupted.*

⁽²¹⁾ **tiết tháo** 節操: Ngay thẳng; cương trực. | *Integrity.*

⁽²²⁾ **ái quần** 同胞愛: Yêu đồng bào. | *Love for fellow citizens.*

⁽²³⁾ **sĩ khí** 士氣: Tiết tháo của người có học. | *The learned's integrity.*

⁽²⁴⁾ **trọc phú** 濁富: Kẻ giàu có mà lòng dạ bẩn thỉu. | *A vile, moneyed person*

⁽²⁵⁾ **du côn**: Kẻ hay gây sự và hành hung. | *A violent troublemaker; hooligan.*

⁽²⁶⁾ **chính chuyên**: Trọn vẹn tiết hạnh. | *Chaste.*

⁽²⁷⁾ **tứ đức** 四德: Bốn nét của phụ nữ: công 功 (giỏi việc nhà), dung 容 (vẻ mặt hòa ái), ngôn 言 (lời nói đúng đắn), hạnh 行 (cử chỉ đoan trang). | *The four virtues of a female:*

Lại nhảy nhót đua đòi sanh sửa,⁽²⁹⁾
 Lại bình quyền má tựa môi kề,
 Nếu không vậy, e thiên hạ nói mình quê,⁽³⁰⁾
 Trà, rượu, thuốc, ô kê, thôi đủ thứ.
 Nào đức hạnh đâu còn gìn giữ,
 Nào nét na thực nữ,⁽³¹⁾ thiên duyên,⁽³²⁾

efficiency in housework, loveliness in countenance, propriety in speech, propriety in behaviour.

⁽²⁸⁾ **tùng ba**: Tam tùng (tòng) 三從: *Tại gia tùng phụ, xuất giá tùng phu, phu tử tùng tử.* 在家從父,出嫁從夫,夫死從子. Khi còn ở trong nhà thì theo cha, khi lấy chồng thì theo chồng, khi chồng chết thì theo con trai. | *The three obediences for a female: obeying her father before marriage, her husband when married, and her sons in widowhood.*

⁽²⁹⁾ **sanh sửa**: Cũng như *trở chứng* (đổi ra tánh xấu). Văn liệu: “Chừng Thị Lựu có ghen con Quyên, chị ta sanh sửa, đòi cất nhà riêng mà ở.” (Hồ Biểu Chánh, *Cha Con Nghĩa Nặng*. 1929) || “Chuộng hư vinh, ham hư danh, tham tư lợi, ưa sắc dục, mê cờ bạc, vui rượu trà, ghiền thuốc phiện đều do nơi mất cái lễ bình thường mà *sanh sửa*.” (Hoàn Hôn Sơn, *Đôi Lời Về Khổng Giáo Bàn Cùng Phan Khôi Tiên Sanh*, đăng nhật báo *Thần Chung*. Sài Gòn 1930) || “Dè dặt, cuộc làm ăn vừa khá thì anh chồng biến chứng *sanh sửa* chuyện nọ kia, mèo mửa bê tha...” (Vương Hồng Sển, *Sài Gòn Năm Xưa*. Sài Gòn 1960)

⁽³⁰⁾ **quê**: Quê mùa, không sành điệu. | *Unsophisticated.*

⁽³¹⁾ **thực nữ** 淑女: Phụ nữ khôn ngoan, đức hạnh. | *A wise and virtuous female.*

⁽³²⁾ **thiên duyên** 婣娟: Phụ nữ đẹp. | *A beautiful female.*

Nào anh thư⁽³³⁾ tiết liệt⁽³⁴⁾ thánh hiền,
 Chỉ biết có bạc tiền là trên hết.
 Mẹ Tổ Quốc đang trên giường giấy chết,
 Bệnh lâu năm sức kiệt thân mòn.
 Chỉ trông nhờ cậy ở đàn con,
 Ôi thanh thiếu! Ôi mầm non! Ôi hy vọng!
 Các em muốn sống một cuộc đời đáng sống,
 Đừng chạy theo cái bóng mà buông hình,
 Rồi quên đi truyền thống anh linh,⁽³⁵⁾
 Quên dân tộc, vô tình vong bản.⁽³⁶⁾
 May phước gặp Đạo Trời khai sáng,
 Học cho thông và ráng tu hành,
 Trước vẹn phần thế đạo thân sanh,
 Rồi nuôi dưỡng tâm linh cho mãi tuệ.⁽³⁷⁾
 Tu phải nhớ gìn lời minh thệ,⁽³⁸⁾

⁽³³⁾ **anh thư** 英姐: Phụ nữ tài giỏi hơn người. | *An outstanding female.*

⁽³⁴⁾ **tiết liệt** 節烈: Có lòng trinh bạch kiên cường. | *Indomitably chaste*

⁽³⁵⁾ **anh linh** 英靈: Linh hồn bậc anh hùng liệt sĩ. | *Soul of someone who died for his country.*

⁽³⁶⁾ **vong bản**: [a] 亡本: Mất gốc, không giữ được cội gốc của mình. | *Losing one's roots or origin; deracinated.* || [b] 忘本: quên nguồn gốc, không nhớ tới cội gốc của mình. | *Forgetting one's roots or origin.*

⁽³⁷⁾ **mẫn tuệ** 敏慧: Thông minh, thông tuệ. | *Intelligent.*

⁽³⁸⁾ **minh thệ** 盟誓: Lời thề. | *Oath; pledge; vow* || Theo Thánh

Tu phải thông luật lệ quy điều,
 Tình đạo đồng ⁽³⁹⁾ phải biết thương yêu,
 Nghèo không trách, đừng kiêu khi khá giả.
 Nên cần kiệm để góp phần công quả,
 Nên khoan dung mà hỷ xả cho nhau,
 Lựa lời nói nhã nhặn ngọt ngào,
 Tiếng độc ác mau mau chừa tránh.
 Thành đạo bởi nhờ nơi tu tánh, ⁽⁴⁰⁾
 Tu tánh thuần, đức hạnh mới cao,
 Phật Tiên xưa cũng thế chớ khác nào,
 Trước tu tánh để vào luyện mạng. ⁽⁴¹⁾

Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, đàn ngày Thứ Năm 22 rạng Thứ Sáu 23-4-1926, Đức Chí Tôn dạy người nhập môn Cao Đài quỳ trước bàn thờ, xưng họ tên và minh thệ như sau: “Thề rằng từ đây biết một đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng dối dạ dối lòng, hiệp đồng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì thiên tru địa lục.”

⁽³⁹⁾ **tình đạo đồng**: Tình đồng đạo (đồng đạo chỉ tình 同道之情), tình thân giữa những người cùng một tôn giáo. | *Close relationship between coreligionists.*

⁽⁴⁰⁾ **tu tánh** (tính) 修性: *Cultivating one's innate nature.* Xem bài *Khái Niệm Về Tính Mệnh* của Lê Anh Minh trong *Đạo Uyển Xuân 2018*, tr. 39-41.

⁽⁴¹⁾ **luyện mạng** (mệnh) 煉命: Tu mạng (mệnh) 修命. | *Cultivating one's life.* || Văn liệu: *Chỉ tu tánh bất tu mạng thử thị tu hành đệ nhất bệnh.* 只修性不修命, 此是修行第一病. (Chỉ tu tánh mà không tu mạng là sai lầm hạng nhứt của việc tu luyện.) | *Cultivating only innate nature without cultivating life, this is the first fault of refinement practice.*

Tánh mà được hồn nhiên bình thản,
 Tâm lần hồi rực sáng ⁽⁴²⁾ minh linh, ⁽⁴³⁾
 Phát điển quang bao phủ quanh mình,
 Làm cái vỏ vô hình bảo vệ.
 Các thời cúng mõ chuông kinh kệ,
 Phải thành tâm hiến lễ nghiêm trang,
 Đừng miêng thì đọc rót oang oang,
 Tâm phóng ngoại cả ngàn cây số.
 Kèm tâm tánh hướng về một chỗ,
 Tai lắng nghe cho rõ tiếng kinh,
 Thân quỳ ngay, chẳng chút nghiêng chinh,
 Hai mắt đứng chú nhìn Thiên Nhân.
 Sự nghèo giàu do nơi số mạng,
 Đừng tự ti ⁽⁴⁴⁾ rồi không lai vãng ⁽⁴⁵⁾ thất chùa,
 Cúng hành hương nhiều ít hơn thua,
 Nào phải chổ bán mua mà so sánh!
 Rồi mặc cảm ⁽⁴⁶⁾ nhiều lần xa lánh,

⁽⁴²⁾ **bực sáng**: Bật sáng, bừng sáng. | *Brightening up.*

⁽⁴³⁾ **minh linh** 明靈: Thông tuệ, sáng suốt khác thường. | *Extraordinarily intelligent.*

⁽⁴⁴⁾ **tự ti** 自卑: Tự thấy mình thua kém người khác; cũng là *mặc cảm tự ti*. | *Inferiority complex* (người Hoa gọi là *tự ti* tình kết 自卑情結, *tự ti cảm* 自卑感).

⁽⁴⁵⁾ **lai vãng**: Vãng lai 往來; qua lại, tới lui. | *Frequently visiting a place or someone.*

⁽⁴⁶⁾ **mặc cảm**: Tức là *mặc cảm tự ti* (xem chú thích *tự ti*); đối nghịch với nó là **mặc cảm tự tôn** 優越情結 (*ưu việt tình*

Bền vững nhờ ai trước ⁽⁵⁷⁾ điểm tô,
 Hậu học ⁽⁵⁸⁾ rước voi ⁽⁵⁹⁾ cho chúng xéo,
 Tiểu sanh ⁽⁶⁰⁾ công rắn ⁽⁶¹⁾ để người xô.
 Khăn tu lau ráo ⁽⁶²⁾ ngàn mi ướt,
 Áo đạo phủ choàng vạn cốt ⁽⁶³⁾ khô,
 Sa mạc tiếng vang hồn quốc sĩ,⁽⁶⁴⁾

疆域. | Territory.

⁽⁵⁷⁾ **trước**: Trước kia, xưa kia. | *In former times.*

⁽⁵⁸⁾ **hậu học** 後學: Kẻ học trò đời sau này (lời tự xưng khiêm tốn). Trong bài thánh thi trên đây, *hậu học* có nghĩa là *hậu nhân* 後人 (người đời sau | *the later generation*), trái nghĩa với *tiền nhân* 前人 (người đời trước | *the former generation*). Trong bài thơ thất ngôn bát cú (luật bằng vần bằng) thì chữ thứ hai của câu thứ ba phải là thanh trắc, nên phải dùng chữ *học* thay cho chữ *nhân* (thanh bằng).

⁽⁵⁹⁾ **rước voi**: Rước voi giày mã tổ (thành ngữ); đem quân đội nước ngoài vào tàn phá quê hương. | *Bringing in elephants to trample down one's ancestral tombs; turning to foreign invaders for support.*

⁽⁶⁰⁾ **tiểu sanh** (sinh) 小生: Kẻ học trò nhỏ này (lời tự xưng của người học trò). Trong bài thánh thi trên đây, *tiểu sanh* có nghĩa là *tiểu nhân* 小人 (những kẻ hèn hạ, dè hèn | *vile people*), trái nghĩa với *chính nhân* 正人 (những người ngay thẳng, cương trực | *righteous people*).

⁽⁶¹⁾ **công rắn**: Công rắn cắn gà nhà (thành ngữ); đem người bên ngoài vào giết hại người nhà. | *Setting the fox to keep the geese.*

⁽⁶²⁾ **lau ráo**: Lau khô, lau cho hết. | *Wiping off; wiping away.*

⁽⁶³⁾ **cốt** 骨: Xương. | *Bones.*

Anh hùng chính khí ⁽⁶⁵⁾ ở nơi mô?

ĐẠI TIÊN LÊ VĂN DUYỆT

Lão mừng chư hiền đệ, hiền muội. Đầu xuân Giáp Dần, thừa lệnh Tòa Tam Giáo, Lão giảng trần trước để khai xuân cho thánh tịnh Ngọc Minh Đài, sau ban ơn và chúc lành cho chư hiền đệ, hiền muội. Vậy, Lão miễn lễ, chư hiền đồng an tọa.

Này chư hiền đệ, hiền muội! Thiên địa năng hành,⁽⁶⁶⁾ bốn mùa tám tiết ⁽⁶⁷⁾ không một giây phút nào ngừng nghỉ. Vạn vật nhờ đó mà sanh trưởng phát triển điều hòa, thảo mộc nhờ đó mà trở lá kết hoa, thú cầm nhờ đó mà sanh sôi nẩy nở, v.v...

Vạn vật có sinh tồn là nhờ biết giao cảm được với lẽ

⁽⁶⁴⁾ **quốc sĩ** 國士: Người tài giỏi, danh tiếng của đất nước. | *Eminent scholars of a country.*

⁽⁶⁵⁾ **chính khí** 正氣: Tính ngay thẳng và can đảm. | *Righteous and courageous character.*

⁽⁶⁶⁾ **năng hành**: Luôn luôn vận hành; chuyển động không ngừng nghỉ. | *Operating unceasingly.*

⁽⁶⁷⁾ **tứ thời** 四時: Bốn mùa. | *The four seasons.* || **bát tiết** 八節: Tám tiết tính theo khí hậu trong năm: Lập Xuân 立春, Lập Hạ 立夏, Lập Thu 立秋, Lập Đông 立冬, Xuân Phân 春分, Thu Phân 秋分, Hạ Chí 夏至, Đông Chí 冬至. | *Beginning of Spring; Beginning of Summer; Beginning of Autumn; Beginning of Winter; Spring Equinox; Autumn Equinox; Summer Solstice; Winter Solstice.*

vận hành của trời đất mà hòa mình cùng thiên địa. Con người là vật tối linh ⁽⁶⁸⁾ đã được trực tiếp thọ nhận ân điển từ nơi Thượng Đế và có thể thay Trời đem ánh sáng đạo lý phổ cập ⁽⁶⁹⁾ khắp trần gian, kiến tạo ⁽⁷⁰⁾ cõi dinh hoàn ⁽⁷¹⁾ nơi này nên đời thượng ngươn thánh đức.

Lão mừng thấy chư hiền đệ đã ý thức được cái chơn lý ấy mà chịu khép mình trong cửa đạo, trau sửa thân tâm để trở thành hiền nhân, thánh triết.

Đầu năm mới, Lão chúc mừng chư hiền đệ, hiền muội:

THI

Ánh sáng thiên xuân bủa khắp tràn
Soi vào Tổ Khiếu ⁽⁷²⁾ chiếu hào quang
Ma ha ⁽⁷³⁾ gọi rửa, tâm thanh tịnh

⁽⁶⁸⁾ **tối linh** 最靈: Hữu hiệu nhất, có hiệu quả nhất. | *The most efficacious.*

⁽⁶⁹⁾ **phổ cập** 普及: Phổ biến 普遍; tới được khắp nơi. | *Widespread.*

⁽⁷⁰⁾ **kiến tạo** 建造: Xây dựng. | *Constructing, building.*

⁽⁷¹⁾ **dinh (doanh) hoàn** 瀛寰: Thế gian, địa cầu. | *The world; the globe; the earth.*

⁽⁷²⁾ **Tổ Khiếu** 祖竅 (*Ancestral Cavity*): Cũng gọi là Nê Huồn Cung 泥丸宮 (*Mud Pellet Palace*); Thượng Đôn Điền 上丹田 (*Upper Elixir Field*).

⁽⁷³⁾ **ma ha** 摩訶; 麼賀: Lớn, nhiều | *Great, numerous.* || Bao trùm khắp nơi. | *All pervading.* || Bao quát tất cả. | *All-embracing.* || Vượt trội. | *Surpassing.* || Huyền diệu. |

Phép báu gọi nhuần, thể phách an
Quá khứ oan khiên ⁽⁷⁴⁾ không chấp chứa
Vị lai ⁽⁷⁵⁾ nghiệp lực chẳng vương mang
Nhẹ mình trỗi bước đường thiên lý
Phản bốn huồn nguyên ⁽⁷⁶⁾ nhập niết bàn.

Lão chúc mừng Đầu Họ Đạo và Ban Cai Quản Ngọc Minh Đài.

THI

Cầm đuốc từ bi rọi chỉ đường
Dắt dìu khách tục khắp muôn phương
Đói no chẳng quản chung tay gánh
Thiếu đủ không sờn tự đảm đương
Gióng trống Lôi Âm truyền chánh giáo
Hồi chuông Bạch Ngọc Đạo hoằng dương
Nếu chưa đắc quả thành Tiên Phật

Mysterious. || Không thể nghĩ bàn được; bất khả tư nghị 不可思議. | *Beyond comprehension.* || Chỗ nào cũng có; vô sở bất tại. | *Omnipresent.* 體無所不在.

Trong bài thánh thi ở trên, **ma ha** là **nước ma ha**, nước đạo pháp diệu huyền, màu nhiệm (*the maha water*).

⁽⁷⁴⁾ **oan khiên** 冤牽: Oan nghiệp 冤業, oan nghiệt 冤孽, những nợ nần, thù oán từ kiếp trước, sang kiếp này chúng đòi người mắc nợ phải trả. | *Predestined enemy.*

⁽⁷⁵⁾ **vị lai** 未來: Chưa tới; tương lai. | *Future.*

⁽⁷⁶⁾ **phản bốn huồn nguyên** 反本還源: Trở về nguồn cội của mình là cõi trời. | *Returning to one's origin which is the heaven.*

Cũng được Thánh Nhân ở thế đường.

(...)

Thanh thiếu niên,⁽⁷⁷⁾ đồng nhi, lễ sĩ, nghe Lão ban ơn.

THI

*Lễ là trật tự nhạc hòa tâm
Hợp xướng đồng nhi nhịp vững cầm
Tế trí kỳ nghiêm ⁽⁷⁸⁾ nên trang đạo
Ban ơn các trẻ buổi đầu năm.*

(...)

Lão ban ơn lành cho chư hiền đệ, hiền muội hiện diện hôm nay.

THI

*Một năm vui đạo, một năm tròn
Lập đức vun bồi cội nước non
Hướng đạo hòa mình cùng đại chúng
Giã từ trở lại chốn Thiên môn.⁽⁷⁹⁾*

Thăng.

⁽⁷⁷⁾ **thanh thiếu niên** 青少年: Lứa tuổi khoảng từ 13 tới 19. | *Juveniles, adolescents, teenagers.*

⁽⁷⁸⁾ **tế trí kỳ nghiêm** 祭置其嚴: việc sắp đặt cúng kiếng phải trang nghiêm.

⁽⁷⁹⁾ **Thiên môn** 天門: Cửa trời. | *The Heaven's gate.*

ĐÔI NÉT VỀ TIỀN BỐI THIÊN LA TINH (1881-1972)

Tiền bối **Lê Văn Nghĩa** (1881-1972) có ba người con, ngày nay không biết ở đâu; người bạn đường đã qua đời trước khi tiền bối nhập môn Cao Đài.

Khoảng năm 1927, tiền bối Phan Văn Thanh (1890-1950, đặc quả Hiến Thế Đạo Nhơn) hướng dẫn tiền bối Lê Văn Nghĩa vào tu ở thánh thất Nam Thành (quận 1, Sài Gòn).

Khi thánh tịnh Ngọc Minh Đài khánh thành thì Phan tiền bối mời Lê tiền bối về trông coi thánh tịnh. Như vậy, Lê tiền bối về đó khoảng cuối tháng 02-1937, bởi vì Đại Hội Long Vân thứ Tư của Liên Hòa Tổng Hội nhóm tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài và kết hợp với lễ khánh thành thánh tịnh trong ba ngày 10, 11, 12 tháng Giêng Đinh Sửu (từ Thứ Bảy 20 đến Thứ Hai 22-02-1937).

Sinh thời, Lê tiền bối giữ gìn giới luật rất tinh nghiêm, thọ pháp tịnh luyện, và nghe nói tiền bối biết cả bí pháp trừ tà trục quỷ để cứu giúp bá tánh. Tiền bối được Ôn trên ban thánh danh là **Thiên La Tinh** và giữ nhiệm vụ Đầu Họ Đạo thánh tịnh Ngọc Minh Đài cho đến khi quy thiên (1972). Sau đó, Ngài đặc quả **Thiên La Đạo Nhơn** và được Thiên Đình ban ơn cho giảng cơ dạy đạo.

THANH CĂN

TIỀN BỐI THIÊN LA TINH QUA DÒNG THÁNH GIÁO

HUỆ KHẢI

I. Tiền bối Lê Văn Nghĩa (1881-1972) là một trong những vị sâu dày công đức hành đạo độ đời ở thánh tịnh Ngọc Minh Đài (quận 4, Sài Gòn), thuộc Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên. Ngài quy thiên năm 1972, đắc quả Thiên La Đạo Nhơn.

Thánh danh **Thiên La Tinh** của tiền bối Lê Văn Nghĩa khiến tôi nhớ tới nhân vật Trần Đồng 陳彤. Theo *Phong Thần Diễn Nghĩa* của Hứa Trọng Lâm 許仲琳 (?-1560) thì Trần Đồng là tướng của vua Trụ trong thời gian trấn ải Đồng Quan bị Hoàng Thiên Hóa (con trai Hoàng Phi Hổ) giết chết (chương ba mươi mốt và ba mươi hai). Về sau Khương Tử Nha phụng mệnh Trời, đọc sắc phong cho hồn Trần Đồng được làm Thiên La Tinh, tức là ngôi sao Lưới Trời (chương chín mươi chín).

Trong đạo Cao Đài, có khá nhiều vị được Ơn Trên ban thánh danh mang tên một vì sao. Chẳng hạn ở thánh tịnh Minh Kiến Đài (quận Gò Vấp) thuộc Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên có tiền bối Trần Văn Dưỡng (1907-1980) được ban thánh danh **Liêm Trinh Tinh** 廉貞星. Ai nghiên cứu tử vi đẩu số đều biết tới sao Liêm Trinh (sao thứ năm trong nhóm bảy vì sao Bắc Đẩu 北斗).

Cũng tại thánh tịnh Minh Kiến Đài có tiền bối Lê Ngọc Rảnh (quy thiên ngày 23-7 Kỷ Mão, Thứ Năm 02-9-1999) được ban thánh danh **Địa Tráng Tinh** 地壯星. Sao Địa Tráng là vì sao thứ sáu mươi bảy trong nhóm bảy mươi hai vì sao có tên chung là Thất Thập Nhị Địa Sát Tinh 七十二地煞星. Theo *Phong Thần Diễn Nghĩa* thì Khương Tử Nha phụng mệnh Trời, đọc sắc phong cho hồn Võ Diễn Công 武衍公 được làm Địa Tráng Tinh (chương chín mươi chín).

II. Tìm trong các thánh giáo do bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam thông công trong các năm 1965-1975, tôi thu thập được những đoạn thánh ngôn rất quý, có thể giúp chúng ta biết thêm về hành trạng của tiền bối Thiên La Tinh.

1. Tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, đàn giờ Tuất, ngày 15- 10 Đinh Mùi (Thứ Năm 16-11-1967), Đức Hiển Thế Đạo Nhơn dạy:

*Đạo trưởng **Thiên La Tinh**! Tệ Đệ mời đạo trưởng vào đây để Tệ Đệ gửi gắm tất lòng. Tệ Đệ mời đạo trưởng ngồi.*

THI

*Chẳng quản việc đời ở thế gian
Mạnh tay phải sạch cả muôn vàn
Gia thân hành đạo không nao núng
Chí dốc phô trương mối Đạo vàng.*

Đạo trưởng! Tệ Đệ thông cảm và nhìn thấy mọi việc đã bao quanh đạo trưởng, lắm lúc cũng làm đạo trưởng phiền hà cho hơn tình thế thái. Người xưa đã thành công hoặc đắc quả trong khó khăn thì sự thành công đắc quả đó mới thật hiển hách.

*Vì suy lễ khó làm căn
Khó mà làm đặng thiết rằng lòng tu.*

Mỗi sự việc phũ phàng hoặc không may đưa đến là những cơ hội tốt, nếu người tu can đảm rước lấy để trừ oan khiên nghiệp chướng. Còn trái lại, rất rủi và rất xấu đối với những người yếu đức tin, đầu hàng và bỏ dở.

Đạo trưởng hãy ghi nhớ lời dạy của các Đấng dẫn dò từ trước, kiên tâm bền chí, giữ gìn gìn giữ mối Đạo nơi này. Trên đã có Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng hộ trì, bên cạnh có Đức Lê Đại Tiên và Tệ Đệ ủng trợ,⁽¹⁾ đạo trưởng hãy vui lên để tiếp nhận mọi công quả sắp đến.

2. Sau biến cố Tết Mậu Thân (1968), tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, đàn giờ Tuất, ngày 15-4 Mậu Thân (Thứ Bảy 11-5-1968), Đức Hiển Thế Đạo Nhơn Phan Văn Thanh dạy:

Mấy ngày vừa qua, thấy các anh em, chị em khùng khiếp hoang mang, chạy đây chạy đó để tìm sự sống cho bản thân và gia đình. Tuy nhiên, cũng còn một thiểu số rất vững đức tin và nhớ lời dạy của Tiên Phật, đã ở lại và

⁽¹⁾ ủng trợ: Ủng hộ 擁護 và trợ giúp. | Supporting.

*càng trọng tâm tụng niệm, cầu nguyện nhiều hơn. Đó là hiểu lời Ôn Trên dạy bảo và hành đúng lúc để ứng phó với thời cơ. Tệ Đệ để lời ngợi khen và khích lệ đạo huynh **Thiên La Tinh** Đầu Họ Đạo đã làm gương tốt đạo đức cho các em.*

Sau nữa, Tệ Đệ dặn thêm một ý kiến này: Trong lúc thập phương bá tánh đến thánh tịnh tỵ nạn, là đã sẵn có lòng tin nơi đây sẽ có Thần Linh, Trời Phật phù hộ che chở. Nhân tiện đó, các em có phận sự sở tại ⁽²⁾ nên giúp đỡ họ trên hai phương diện:

1. Là thu xếp chỗ nơi tạm trú trong hoàn cảnh sở hữu cùng khả năng.

2. Là nên đem lời đạo lý ra an ủi vỗ về và khuyên họ hãy dành thì giờ vào thánh đường cầu nguyện, thay vì hoảng hốt chạy tới chạy lui, gây cảnh náo loạn. Hãy vào quỳ trước chánh điện hoặc cầu nguyện, hoặc tập trung hết đức tin ngó vào Thiên Nhân và chỉ dạy cho họ một câu, chỉ một câu niệm thôi. Đó là mười hai tiếng danh hiệu Chí Tôn.⁽³⁾

Ngoài ra, về phương diện trợ giúp vật chất, nếu ai có phương tiện tùy hỷ, vì:

*Miếng khi đói, gói khi no
Một ly hồi khát, của kho ngày thường.*

⁽²⁾ sở tại 所在: Tại thánh tịnh, tại chỗ.

⁽³⁾ Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

3. Tại thánh thất Nam Thành, đàn giờ Tý, ngày 23-8 Canh Tuất (Thứ Tư 23-9-1970), Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư giảng cơ, ban trao hai sắc lệnh của Đức Đông Phương Lão Tổ. Sắc lệnh thứ hai liên quan tới việc làm lại cột phước cho thánh tịnh Ngọc Minh Đài. Nội dung sắc lệnh như sau:

- Thừa lệnh Tòa Tam Giáo,

- Chiếu tâm thành khẩn nguyện của Đầu Họ Đạo ⁽⁴⁾ và Ban Cai Quản Ngọc Minh Đài,

- Chiếu tâm thành của bốn đạo sở tại địa phương về việc tái tạo trụ phước cho thánh tịnh,

Điều thứ 1: Chấp thuận nguyện cầu và đặc ân cho địa phương được tái thiết trụ phước.

Điều thứ 2: Ngày giờ triệt hạ trụ phước cũ định vào đúng Ngọ thời ngày 27 tháng 8 Canh Tuất.⁽⁵⁾

Điều thứ 3: Ngày giờ khởi công đào móng cho việc tái thiết vào đúng giờ Ngọ ngày mùng 4 tháng 9 Canh Tuất.⁽⁶⁾

Điều thứ 4: Đồ án, ni tắc và chiều cao do tâm thành đã phác họa được chấp thuận như nguyện.

Điều thứ 5: Ngày khởi sự đào móng, nghi lễ sẽ được

thiết lập với một bàn hương án tại chỗ. Tổng Lý Minh Đạo Huệ Lương,⁽⁷⁾ Đầu Họ Đạo **Thiên La Tinh** chứng lễ nguyện cầu cho công cuộc đào móng.

Điều thứ 6: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Đầu Họ Đạo và Ban Cai Quản Ngọc Minh Đài chiếu thi hành sắc lệnh này.

ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN ấn ký.

4. Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, đàn giờ Tuất, ngày 10-10 Canh Tuất (Chủ Nhật 08-11-1970), Đức Bạch Liên Tiên Trưởng (thế danh Phan Thanh) giảng cơ, để chuyển hai sắc lệnh của Đức Đông Phương Chưởng Quản. Trong đó, sắc lệnh thứ hai liên quan thánh tịnh Ngọc Minh Đài, nội dung như sau:

Chiếu sự đồng tâm nhứt trí của Ban Cai Quản và Đầu Tộc Đạo ⁽⁸⁾ cũng như bốn đạo sở tại trong việc kiến thiết

⁽⁴⁾ Tiền bối Thiên La Tinh.

⁽⁵⁾ Chủ Nhật 27-9-1970.

⁽⁶⁾ Thứ Bảy 03-10-1970.

⁽⁷⁾ Huệ Lương: Thế danh Trần Văn Quế (1902-1980), là Tổng Lý Minh Đạo đầu tiên của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (quận 1, Sài Gòn). Ngài đắc quả Quảng Đức Chơn Tiên. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được Ôn Trên thành lập năm 1965. Từ năm 1965, thánh tịnh Ngọc Minh Đài được Ôn Trên cho làm “thí điểm” của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý trong việc phổ thông giáo lý, do đó thánh giáo còn gọi thánh tịnh này là “thí điểm Ngọc Minh Đài”. Đó là lý do việc tạo tác trụ phước mới của thánh tịnh lại có vị lãnh đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý cùng chứng lễ hiệp tâm và nguyện cầu.

⁽⁸⁾ Đầu Họ Đạo, tức là tiền bối Thiên La Tinh.

trụ phước và tạo thành lá phước mới, nay cho phép địa phương sở tại Ngọc Minh Đài được khánh thành cả trụ phước và lá phước vào giờ Tý ngày rằm tháng 10 Canh Tuất (đầu giờ Tý).⁽⁹⁾

Lá phước được để vào trong một cái mâm, trịnh trọng di chuyển đến Nam Thành thánh thất vào đàn cơ 14⁽¹⁰⁾ để được trấn thần. Hội Trưởng, Ban Cai Quản, và Trưởng Ban Tương Tế sở tại phụ trách việc di chuyển mâm đựng lá phước đến Nam Thành thánh thất và sau đó được hoàn về Ngọc Minh Đài để trước Thiên Bàn chờ đợi giờ thượng phước.

Nghi tiết thượng phước: Thiết lập một bàn hương án tại vị trí trụ phước. Mâm phước sau khi được cầu nguyện tại chánh điện, Chánh Hội Trưởng và Trưởng Ban Tương Tế phụ trách di chuyển phước từ Thiên Bàn đến bàn hương án.

Về nhân sự phụ trách lễ thượng phước: Tổng Lý Minh Đạo Huệ Lương, Đầu Tộc Đạo **Thiên La Tinh** đứng giữa, mặt hướng về bàn hương án, lưng hướng vào thánh tịnh; bên hữu, Trưởng Ban Tương Tế; bên tả, Chánh Hội Trưởng; hàng ngang bốn vị, thấp hương cầu nguyện. Phía sau lưng bốn vị ấy là toàn thể đồng nhi nam nữ đọc kinh thượng phước. Ngoại Giao Vụ Trưởng Thiện Bảo,⁽¹¹⁾

⁽⁹⁾ Thứ Sáu 13-11-1970.

⁽¹⁰⁾ Thứ Năm 12-11-1970.

⁽¹¹⁾ *Thiện Bảo*: Thế danh Ngô Chí Bình (1906-1987), là vị

Nội Chánh Vụ Trưởng Đạt Minh,⁽¹²⁾ Trưởng Ban Lễ Nguyễn Văn Thông phụ trách việc kéo lá phước song song với lúc đồng nhi đọc kinh. Ngoài ra còn có bốn đạo sở tại, nhơn viên các cấp Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Nữ Chung Hòa đứng một vòng bao quanh cột phước thành hình bầu dục. Sau ba hồi chuông trống, lá phước được từ từ kéo lên với bài kinh thượng phước đọc một lần. Sau đó, tất cả đều trở vào chánh điện bái tạ Thiên Liêng.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Đầu Tộc Đạo, và Ban Cai Quản Ngọc Minh Đài chiếu thi hành sắc lệnh này.

ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN ấn ký.

5. Tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, đàn giờ Tuất, ngày 09-5 Tân Hợi (Thứ Ba 01-6-1971),⁽¹³⁾ Đức Lê Đại Tiên dạy:

Đây Ban Cai Quản trong nhiệm kỳ mới hãy nghe Lão ban ân phủ dụ:

Tổng Lý Minh Đạo thứ nhì (nhiệm kỳ 1985-1987) của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, kế nhiệm tiền bối Huệ Lương Trần Văn Quế. Trước đó, tiền bối là Quyền Tổng Lý Minh Đạo kiêm Hiệp Lý Minh Đạo (nhiệm kỳ 1981-1984) của Cơ Quan. Tiền bối đắc quả Bảo Tịnh Chơn Thánh.

⁽¹²⁾ *Dạt Minh*: Thế danh Lê Văn Non (1913-1985), chức vụ trước khi quy thiên là Tham Lý Minh Đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. tiền bối đắc quả Quang Minh Huệ Tiên.

⁽¹³⁾ Hôm sau, mừng 10-5 Tân Hợi (Thứ Sáu 02-7-1971), là lễ kỷ niệm ngày thành lập thánh tịnh Ngọc Minh Đài.



◀ Thánh
tịnh
Ngọc
Minh
Đài

THI BÀI

*Lãnh sứ mạng trong thời nguơn hạ
Tấm lòng son vàng đá không phai
Làm sao cho rạng anh tài
Điểm tô bằng tiếng Cao Đài Kỳ Ba.
Đem chí cả sơn hà xây dựng
Đem tinh thần hưởng ứng công trình
Cảm đời giác ngộ chí linh
Xứng ngôi môn đệ Ngọc Minh tên đề.*

*Minh minh đức, tu tề từ thuở
Khiến cho đời quày trở vị xưa
Vị xưa trong phẩm tam thừa
Bước lên từng nấc, chiều trưa chẳng màng.*

Thiên La Tinh Đạo vàng đặc ngộ
Công quả đầy phổ độ nhơn sanh
Công phu cho vững mối manh
Đường tu chánh quả viên thành không lâu.

6. Tiền bối Thiên La Tinh đang mang trọng bệnh. Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, đàn giờ Tuất, ngày 30-12 Tân Hợi (Thứ Hai 14-02-1972), Đức Đông Phương Chương Quân dạy:

*Bần Đạo gửi lời thăm viếng hiền đệ Đầu Họ Đạo **Thiên La Tinh Lê Văn Nghĩa**. Bần Đạo nhờ vị Tả Chương Nghiêm Pháp Quân giúp cho một ly bạch thủy để Bần Đạo hộ điển phù trợ cho Lê Văn Nghĩa.*

[Tiền bối Thiện Bảo dâng bạch thủy. Đức Đông Phương dạy tiếp:]

THI

*Tạm dùng bạch thủy giữ tâm thanh
Đãi ngộ **Thiên La** chí kính thành
Mấy chục năm dư hòa đạo mạch
Nặng vì đạo đức, nhẹ thân sanh.*

7. Sau khi tiền bối Thiên La Tinh quy thiên, tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, đàn giờ

Tuất, ngày 15-02 Nhâm Tý (Thứ Tư 29-3-1972), Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế kim viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát dạy:

*Việc trước nhứt là Thầy cho các con hay rằng **Thiên La Tinh** tục danh **Lê Văn Nghĩa** vừa trở về châu Thầy. Các con mỗi đứa ráng làm tròn phận sự của mình trong các tư kỳ phận ⁽¹⁴⁾ để được như **Nghĩa** vậy.*

8. Kỷ niệm ngày thành lập thánh tịnh Ngọc Minh Đài, đàn giờ Tuất, ngày 10-5 Nhâm Tý (Thứ Ba 20-6-1972) tại thánh tịnh, Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh dạy:

Bần Đạo mừng chư hiền đệ, hiền muội.

Nhân danh Tam Trấn Oai Nghiêm Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,⁽¹⁵⁾ Bần Đạo đến giờ này để ban hồng ân ⁽¹⁶⁾ cho toàn thể đạo tâm, đạo hữu, chức sắc, chức việc sở tại Ngọc Minh Đài được thọ hưởng ân lành tu tiến trên đường đạo đức.

Bần Đạo hoan hỷ chứng minh những tấm lòng thành kính của chư hiền đệ, hiền muội đã đóng góp vun bồi ngôi

⁽¹⁴⁾ các tư kỳ phận 各司其分: Mỗi người làm phần việc của mình. | *Each performs his duties.*

⁽¹⁵⁾ Tức là gồm ba vị: Nhứt Trấn Oai Nghiêm (Lý Thái Bạch), Nhị Trấn Oai Nghiêm (Quan Âm Như Lai), và Tam Trấn Oai Nghiêm (Quan Thánh Đế Quân).

⁽¹⁶⁾ hồng ân 洪恩:Ơn huệ to tát. | *Great grace; great favour.*

thánh tịnh, mặc dù không nguy nga đồ sộ, nhưng cũng thể hiện được sự tâm thành hành đạo của chư hiền.

(...)

*Chư hiền đệ, hiền muội an tọa. Do công trình thành đạt của bốn đạo sở tại cũng như công nghiệp của người quá cố, Bần Đạo đã cho chư thần linh đến cung Thái Ất rước **Thiên La Tinh Lê Văn Nghĩa** đến trong ngày kỷ niệm này để hội ngộ cùng chư hiền đệ, hiền muội hầu chung mừng lễ lạc thành trong giờ sau.*

(...)

*Bá Phước Linh Thần đã rước **Thiên La Tinh** đến. Bần Đạo ban ơn chư hiền đệ muội. Hãy bình thân ⁽¹⁷⁾ để tiếp chuyện cùng Thiên La Tinh trong một vài phút. Bần Đạo hồi thiên thượng.⁽¹⁸⁾ Thăng.*

TIẾP ĐIỂN

THIÊN LA TINH thế danh **LÊ VĂN NGHĨA**

Chào mừng chư Thiên ân sứ mạng. Chào mừng các em sở tại Ngọc Minh. Được Đức Giáo Tông cho chư Thần đưa về hội ngộ trong giờ phút này, rất cảm đội ơn Thiêng Liêng. Xin mời chư Thiên ân sứ mạng ngồi, ngồi nghe Huynh hỏi thăm một vài lời.

⁽¹⁷⁾ bình thân 平身: Khỏi quỳ, được phép ngồi.

⁽¹⁸⁾ hồi thiên thượng 回天上: Trở về trời. | *Returning to heaven.*

Mặc dầu Huynh được về ngôi xưa vị cũ, nhưng đúng theo thời gian ấn định của Thiên luật nên Huynh còn lưu lại cung Thái Ất. Nay Huynh về để mừng, mừng cái nhà Thiên Phong ⁽¹⁹⁾ hoàn thành đẹp đẽ quá!

Hồi Huynh có dặn để cho Huynh một căn phòng. Bây giờ Huynh xin nhường lại cho người có chí thay Huynh hành đạo là Sanh.⁽²⁰⁾ Chí Thành hiền đệ, ở căn phòng của Huynh để thay trách nhiệm Huynh mà tế độ nhân sanh, để làm sáng danh Thầy danh Đạo nghe.

Huynh cũng không quên Thanh Chơn ⁽²¹⁾ đã tận tâm cầu cho Huynh, cũng như toàn bốn đạo Ngọc Minh Đài đối với Huynh một thâm tình quý mến. Tiếc vì giờ phút cuối cùng của Huynh chưa nói được như bây giờ, nên có sự hiểu lầm của nội gia thân quyến.

Vậy nhân dịp, Huynh xin hiền đệ hãy chuyển lời cảm ơn của Huynh đến tất cả quý vị và bỏ lỗi cho nghe. Huynh cũng xin phép có vài lời với các con Lê Thị Mới, Lê Văn Kỳ, và nhắn với Trong rằng cha đã được đắc vị. Con cái nên mừng mà noi theo đường tu hành, đừng xa Đạo. Nếu

⁽¹⁹⁾ Thiên Phong Đường 天封堂. Cái nhà ngang cất phía sau thánh thất (thánh tịnh) nối liền Đông Lang và Tây Lang như hình chữ U, là nơi làm việc của các chức sắc Thiên phong nam nữ. | *The Hall of Dignitaries Conferred by God.*

⁽²⁰⁾ Tiền bối Nguyễn Quang Sanh, thánh danh Chí Thành, đắc quả Thuận Hạnh Huệ Tiên.

⁽²¹⁾ Thế danh Mai Văn Ròng.

không tu thì cha sẽ chết mất như người thế gian họ chết. Còn các con tu thì cha vẫn sống với các con đó. Lời căn dặn cần thiết của cha không thể nói nhiều hơn nữa vì Đức Lê Đại Tiên sắp đến.

Chư Thiên ân sứ mạng ời! Bây giờ hay hồi trước cũng vậy, Huynh mới biết Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là một Cơ Quan tối cần cho Đại Đạo, cũng như cho cuộc đời ly loạn hiện tại.

Chư Thiên ân sứ mạng ráng, ráng đừng thối chí trước cơn khảo đảo. Cái khảo đảo là cái đục của nhà chuyên viên chạm trở đó. Thôi, xin hẹn về sau bạn mình gặp nữa.

Giã từ bạn đạo trần gian
Nương mây cỡi gió băng ngàn thiên không
Thành tâm tiếp Đức Lê Công ⁽²²⁾
Hẹn khi đắc vị trùng phùng ⁽²³⁾ nhiều hơn.

Xin lui gót.

9. Tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, đàn khai xuân, giờ Tuất, mừng một Tết Giáp Dần (Thứ Tư 23-01-1974). Xem thánh giáo này trong *Đạo Uyển Xuân 2018*, tr. 5-16.

10. Tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, đàn khai xuân giờ Tuất, mừng một Tết Ất Mão (Thứ Ba 11-02-1975), sau khi Đức Hiển Thế Đạo Nhơn vừa thăng, liền có Đức

⁽²²⁾ Lê Công: Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt.

⁽²³⁾ trùng phùng 重逢: Gặp lại lần nữa; tái ngộ 再遇. | *Meeting again; being reunited.*

Thiên La Đạo Nhơn giáng cơ, xưng danh qua hai khổ thơ song thất lục bát với quán thủ là “Thiên La Đạo Nhơn giáng Ngọc Minh Đài chúc lành tất cả”. Ngài dạy:

TIẾP ĐIỂN

THIÊN LA ĐẠO NHƠN

Chào chư Thiên ân sứ mạng. Chào chư đạo tâm lương phái.

THI

THIÊN vãng khô, sơ nhi bất lậu ⁽²⁴⁾

LA trần ai ⁽²⁵⁾ chốn giấu mê nhân ⁽²⁶⁾

ĐẠO Trời cứu thế độ dân

NHƠN tâm nghiêng ngửa muôn phần khổ đau.

GIÁNG cõi tạm, khôn âu tu học ⁽²⁷⁾

⁽²⁴⁾ *Thiên vãng khô, sơ nhi bất lậu:* Do câu *Thiên vãng khô khô, sơ nhi bất lậu*. 天網恢恢, 疏而不漏. (Nguyên văn trong Đạo Đức Kinh, chương bảy mươi ba: *Thiên vãng khô khô, sơ nhi bất lậu*. 天網恢恢, 疏而不失.) Lưới Trời lồng lộng, tuy (mắt lưới) thưa mà không để lọt mất điều gì. Ý nói luật Trời công bình, kẻ có tội không thể thoát khỏi. | *Heaven's net has wide meshes, but nothing escapes it. The way of Heaven is fair, but the guilty will not escape.*

⁽²⁵⁾ *la trần ai:* Lưới trần. | *The worldly net.*

⁽²⁶⁾ *mê nhân* 迷人: Người mê muội, chưa thức tỉnh. | *Unenlightened people.*

⁽²⁷⁾ *khôn âu tu học:* Khôn thì lo tu học. | *It is wise to self-cultivate.*

NGỌC vui buồn nên ngọc lấm bùn
MINH mộng nào rõ kết hung
ĐÀI sen luống những thẹn thùng ⁽²⁸⁾

nguyên nhân. ⁽²⁹⁾

CHÚC quý vị tâm thần an lạc

LÀNH muôn phương vô tác thi công

TẮT(c) lòng ⁽³⁰⁾ cho vẹn tắc lòng

CẢ tu ⁽³¹⁾ thì cả ân hồng ⁽³²⁾ thưởng ban.

Chư liệt vị thành tâm nghinh tiếp Đức Đại Tiên. ⁽³³⁾ Xin chào hẹn một dịp khác sẽ tái ngộ. Lui. ●

⁽²⁸⁾ *luống những thẹn thùng:* Cứ mãi thẹn thùng không dứt. | *Feeling ashamed incessantly.*

⁽²⁹⁾ *nguyên nhân (nhơn)* 原人: Những linh căn 靈根 nguồn gốc từ cõi trời, xưa kia nhận lãnh sứ mạng xuống thế gian độ đời; khác với *hóa nhân (nhơn)* 化人 là những ai từ kim thạch, thảo mộc, cầm thú tiến hóa lên làm người.

⁽³⁰⁾ *tắc lòng:* Thốn tâm 寸心; tấm lòng. | *Heart; feelings.*

⁽³¹⁾ *cả:* Nhiều, lấm. || *cả tu:* Tu nhiều, tu cho hết lòng hết dạ. | *Wholeheartedly self-cultivating.*

⁽³²⁾ *cả:* Tất cả, Ví dụ: Cả nước, cả làng. || *ân hồng:* Hồng ân 洪恩; ơn huệ to tát. | *Great grace; great favour.* || *cả ân hồng:* Tất cả hồng ân. | *All Great grace; all great favour.*

⁽³³⁾ Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt.

HUỆ KHẢI chú thích

► Nội dung ĐẠO UYỂN có thể truy cập tại:
<http://daidaovanuyen.blogspot.com>

KHÁI NIỆM VỀ TÍNH MỆNH

LÊ ANH MINH

Thuật ngữ tính và mệnh xuất hiện rất sớm, chẳng hạn trong Chu Dịch:

- *Thoán Truyện* của quẻ Càn có câu: Càn đạo biến hóa, các chính **tính mệnh**, bảo hợp thái hòa... 乾道變化, 各正性命, 保合大和...⁽¹⁾

- *Thuyết Quái* có câu: Cùng lý tận **tính** dĩ chí ư **mệnh**. 窮理盡性以至於命.⁽²⁾ Dịch: [Thánh nhân] suy xét tận tường nguyên lý sự vật và thấu triệt tính của chúng để hiểu mệnh.

⁽¹⁾ James Legge (1815-1897) dịch: *The method of Qian is to change and transform, so that everything obtains its correct nature as appointed (by the mind of Heaven); and (thereafter the conditions of) great harmony are preserved in union.* Dịch: Đạo Trời biến hóa để cho mỗi vật đều có được chân tính theo như mệnh Trời đặt để; và (sau đó các điều kiện) của thái hòa được giữ gìn.

⁽²⁾ James Legge dịch: *They (thus) made an exhaustive discrimination of what was right, and effected the complete development of (every) nature, till they arrived (in the Yi) at what was appointed for it (by Heaven).* Dịch: Thánh nhân (vì vậy) suy xét toàn diện cái điều đúng, và phát huy hoàn toàn mỗi tính, cho tới khi đạt tới cái được (Trời) đặt để cho nó.

- *Thuyết Quái* còn có câu: Tích giả thánh nhân chi tác Dịch dã, tương dĩ thuận **tính mệnh** chi lý. 昔者聖人之作易也, 將以順性命之理.⁽³⁾ Dịch: Ngày xưa khi sáng tác Kinh Dịch, thánh nhân thuận theo quy luật biến hóa của tính và mệnh của sự vật.

Tuy nhiên, Nho và Đạo (Lão) hiểu tính và mệnh khác nhau.

Theo Nho Gia, tính là bản tính, và mệnh là số mệnh. *Trung Dung* còn định nghĩa: Thiên **mệnh** chi vị **tính**. 天命之謂性.⁽⁴⁾ Dịch: Mệnh Trời gọi là tính.

Đạo Gia hiểu khác, cho rằng mệnh là khí 氣 (nguyên khí 元氣) và tính là thần 神 (nguyên thần 元神). Ở trạng thái tiên thiên thì nguyên khí và nguyên thần hỗn độn, không phân biệt. Khi con người được sinh ra, nguyên thần quy về tim, nguyên khí quy về thận. Thế là tính mệnh tiên thiên biến thành tính mệnh hậu thiên. Đạo Gia tu luyện thành tiên (trường sinh bất tử) không ngoài

⁽³⁾ James Legge dịch: *Anciently, when the sages made the Yi, it was with the design that (its figures) should be in conformity with the principles underlying the natures (of men and things), and the ordinances (for them) appointed (by Heaven).* Dịch: Xưa kia, khi thánh nhân viết Kinh Dịch, các hình tượng của kinh phù hợp với các lý ẩn tàng trong tính (người và vật), và những mệnh lệnh (do Trời) đặt để.

⁽⁴⁾ James Legge dịch: *What Heaven has conferred is called the bature.* Dịch: Cái mà Trời ban cho gọi là tính.

phép nghịch chuyển: Hậu thiên trở ngược tiên thiên, cho thần khí hỗn hợp.

Nói chung, Đạo Gia luyện nội đan xưa nay xem mệnh là khí, hình, thân thể; xem tính là thần, tâm. Các môn phái Đạo Gia đều xem luyện nội đan chủ yếu là tu tính và tu mệnh, gọi là **tính mệnh song tu** 性命雙修 hay **tu tính luyện mệnh** 修性煉命. Có ba chủ trương: (a) tu tính trước tu mệnh sau; (b) tu mệnh trước tu tính sau; (c) tu tính cùng lúc với tu mệnh.

Tu tính tức là tu luyện tâm và thần. Các phép tọa vong 坐忘 và tâm trai 心齋 của Đạo Gia chính là tu tâm, tu tính, là luyện thần hoàn hư.

Tu mệnh tức là luyện hình, luyện khí, tu luyện thân hình. Phép tu mệnh có nguồn gốc rất xưa. Trước đời Tần đã có phép khí công dưỡng sinh, phục khí, yết tân (nuốt nước miếng), đạo dẫn, v.v... Đó là các phương pháp tu mệnh. Dần dần tới đời Đường thì phép tu mệnh được hệ thống hóa hoàn chỉnh.

Tham khảo

Hồ Phu Sâm 胡孚琛 chủ biên, *Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển* 中華道教大辭典. Bắc Kinh 1995, tr. 1128-1129.

James Legge trans., 易經 *Yi Jing*
(<http://ctext.org/book-of-changes/yi-jing>).

LÊ ANH MINH

1. BƯỚC XUÂN

Xuân từ nắng
Xuân từ mây
Hay từ mắt biếc
Má hây hây hồng.
Tôi chôn chân
Như trời trồng
Chết ngây ngất bước
Xuân bình bằng đi.



3. SƯƠNG XUÂN

Chút gì
Là lạ quanh tôi
Gió đưa chẳng phải
Sương bồi hồi – Không!
Lắng nghe
Lòng phía mênh mông
Dường như
Xuân đã
Về trong sương rồi.

VÕ VĂN PHO

Họ đạo Trung Minh

2. TIN XUÂN

Tháng Chạp
Về rồi đó mẹ
Cây mai
Đơm nụ lúa đầu.
Chắc Tết
Sân nhà đẹp lắm
Nhắc mà
Mẹ vắng còn đâu.

TRỞ VỀ CHÁNH ĐẠO

TRẦN DÃ SƠN

Năm 1976 vợ chồng tôi đi kinh tế mới ở Tây Nguyên. Đoàn xe dừng bánh vào một buổi chiều dọc theo đường mới ủi giữa rừng. Chúng tôi vội vã xuống xe nhìn ra.

Chung quanh đồi núi điệp trùng, bạt ngàn cổ thụ và cỏ gai chen chúc. Xa xa cánh đồng sậy cúi rạp mình trong gió chiều lồng lộng. Có tiếng thú rừng gầm thét phá tan cái tĩnh mịch ngàn năm. Chúng tôi nhìn nhau, vừa sợ vừa lo lắng.

Ngày hôm sau gấp rút ổn định tổ chức rồi cất lều tạm. Săn gỗ săn tranh nên công việc cũng chóng hoàn thành.

Từ đó chúng tôi lo phát đốt rừng để làm nương rẫy, rồi tấn công những cánh đồng sậy xanh rì có tự thuở nào. Trên rừng và triền đồi thì dùng sức người để cuốc, dưới “nà” xe cơ giới cày bừa.

Sau những cơn mưa đầu mùa ở Tây Nguyên, từ trên cao nhìn xuống chỗ thấp bao phủ một màu xanh mơn mơn của sắn bắp, lúa đậu làm nức lòng người. Chúng tôi tràn trề hy vọng một ngày mai tươi sáng hơn khi ở quê nhà. Nhưng không được bao lâu những cơn mưa đầu mùa xối xả, cả bao nhiêu niềm hy vọng của chúng tôi sau một đêm đã ngập chìm trong bể nước mênh mông.

Ba năm liền cơ cực nhà nước phải lo cứu trợ. Số

người bỏ trốn về quê cũ hoặc chạy đi nơi khác mỗi ngày một nhiều. Gia đình tôi cũng chung số phận, xin ra ở thôn 4 hợp tác xã Hòa An 2 cuối năm 1979 nhưng mãi tới đầu năm 1980 mới đến định cư tại nơi này.

Lúc chưa chuyển hết gia đình ra, một mình tôi đi trước mượn người cắt tranh, đẵn gỗ dựng lên một ngôi nhà nhỏ. Trong khi chờ cho lều ô khô để đan vách, tôi làm chuyện lật vật trong nhà. Trưa cột võng nằm đu đưa, hát nghêu ngao cho đỡ buồn nhớ quê xưa.

Tôi thêm đọc sách quá nhưng biết đào đâu ra, nên đành sang nhà người bạn đồng hương cũng vừa mới tới lục lạo tìm, may được cuốn *Tu Chơn Thiệp Quyết* của đạo Cao Đài vội mang về xem, tự nhiên thấy hay hay nên càng thích thú. Sao ông Thượng Đế khéo dạy người đến thế. Từ cách ăn ở, đối xử của vua quan cho đến cha con, anh em, chồng vợ, thậm chí cả rể dâu, chủ tớ, láng giềng Ngài chẳng bỏ sót một ai mà không dạy. Đọc xong càng nghĩ tôi càng muốn theo Đạo quá chừng. Tôi lại sang ông bạn láng giềng mượn thêm sách, chỉ còn cuốn *Kinh Tận Độ* mà thôi. Dem về tôi vội mở ra đọc, đến chỗ “nhập môn” tôi thấy buồn biết mấy. Hai đạo hữu tiến dẫn thì tìm được, nhưng ở đây chỉ có đôi ba nhà đạo, làm gì có thánh thất, có Đầu Họ Đạo để làm pháp giải oan. Tôi thầm nghĩ: “Không có đường này ta tìm đường khác mà tu.”

Ở được một thời gian thì mẹ tôi ngoài Quảng vô thăm

và ở chơi với con cháu mấy tháng. Anh tôi nhiều lần nhần tin giục tôi sớm đưa mẹ về vì cụ tuổi cao, sợ ở lâu lỡ ốm đau làm khổ vợ chồng tôi.

May lúc đó có người về thăm quê, tôi liền đến nhà hỏi thăm để gọi mẹ. Anh hẹn sáng mai sẽ tới đón rồi lên Buôn Ma Thuột mua vé xe. Tối đó nhà người đồng hương bên cạnh sang mời mẹ tôi qua ăn cơm tối, gọi là “Chúc bác lên đường bình an.” Nhưng rủi thay, cụ mới ăn được mấy miếng cơm thì bị hóc cổ lát thịt heo. Tôi liền chạy qua thì thấy mắt mẹ trợn trừng. Hoảng quá, tôi nhờ người đưa xuống nhà anh Bảy để chữa vì xưa nay anh thường giúp người bằng thuốc nam và phù phép nhưng không lấy tiền.

Mẹ tôi nằm ở đấy hai ngày, không ăn được gì, chỉ uống toàn nước. Tối hôm đó có người nhập vào xác anh Bảy, xưng là Phật Quan Âm, bảo tôi về, ngày mai đặt bàn ra trước sân cầu xin ông Trung Giới Thái Huyền. Tôi băn khoăn cả đêm và nghĩ: “Phật Quan Âm lớn hơn Trung Giới, sao Ngài không cứu mẹ được mà bảo mình phải cầu xin?” Nhưng vì lo cho mẹ, tôi vẫn làm theo. Khi vừa xong thì con anh Bảy chạy lên nói to:

- Chú Mười (vì tôi thứ mười), bà đã khỏi rồi!

Tôi mừng quá, vội vã chạy xuống thì thấy mẹ đang cười nói vui vẻ với mọi người. Tôi cảm ơn anh Bảy và gia đình rồi đưa mẹ về.

Mẹ tôi ở thêm một thời gian ngắn nữa để tôi lo thu

xếp công việc rồi định ngày cùng mẹ về quê. Tối hôm đó – lại là buổi tối – tôi đau răng dữ dội nhưng không dám nói, sợ cả nhà lo lắng, âm thầm xuống nhà anh Bảy nhờ chữa. Mới vừa bước vào, chưa kịp nói gì thì anh Bảy bước ra nhìn tôi rồi cười bảo:

- Ngày mai chú đưa thân mẫu về quê nhưng bị đau răng lắm phải không? Để Bé Tư chữa cho.

Nguyên anh Bảy có một vong vô danh, con thứ tư, thường nhập xác anh, xưng là Bé Tư và nói là Bạch Y Thánh Nữ đương theo hầu Đức Mẹ Quan Âm. Vong này hay về cho thuốc và chữa bệnh mọi người. Có điều lạ là khi tôi vừa há miệng ra, nghe anh Bảy đọc gì lắm thăm trong miệng rồi thổi nhẹ vào răng tôi, tức thì răng tôi êm hẳn như chưa hề bị đau.

Chuyến đó tôi cùng mẹ ra đi yên ổn. Khi trở vào tự dừng tôi muốn xuống đó xin tu, tức là làm đệ tử hội V.T.G.L. – một môn phái chuyên trị bệnh bằng phù phép và cây lá không lấy thù lao, được thành lập ở thành phố H. trước năm 1974, theo lời anh Bảy kể.

Một hôm tôi đem ý nguyện này trình bày, anh Bảy vui vẻ nhận lời và hẹn ngày tôi xuống để anh “điểm đạo”. Y hẹn, hôm sau tôi tới; anh đốt nhang đèn trên bàn thờ rồi bảo tôi lại quỳ.

Ngước mắt nhìn lên, tôi thấy tầng trên thờ hình Đức Phật A Di Đà, tầng giữa thờ hình Đức Quan Âm Bồ Tát, cuối cùng thờ hình Đức Quan Thánh Đế Quân. Anh Bảy

quỳ trước tôi, lâm thâm khẩn vái rồi bảo tôi đọc lời thề theo anh. Bây giờ tôi quên gần nửa, chỉ còn nhớ những câu tâm đắc như: “Nguyện hy sinh thể xác, đức độ, tâm linh để phụng sự Ông Trên, phụng sự nhân loại, không vì tiền, tài, tình, danh lợi... Nhưng trước là anh, ân công ghi nhớ tạc lòng...” Đọc xong, anh Bẩy đứng lên đốt ba cây nhang vẽ vẽ trên đầu tôi rồi đốt bùa cho tôi uống. Lá bùa màu vàng viết bằng chữ Nho màu đỏ, ngang độ 3cm, dài gần 10cm. Xong anh bày cho tôi niệm thần chú. Vừa niệm xong tức thì người tôi chuyển động. Tôi ngồi bật dậy và bắt đầu múa máy chân tay giống như người luyện võ.

Từ đó về sau, dù trời mưa hay nắng, dù lao động cực nhọc bao nhiêu, hễ ăn tối xong, có khi đến 8, 9 giờ đêm tôi vẫn tìm tới làm lễ, không thể ở nhà được, như có một cái gì thôi thúc vậy.

Có một vị vô hình nhập vào xác tôi, xưng là sư phụ độ mạng. Nếu hôm nào nóng bức thì một luồng khí mát mẽ chạy từ đỉnh đầu xuống khắp châu thân. Ngược lại trời lạnh rét thì đổi một luồng khí ấm. Cho nên mấy người làm lễ xong thì khát nước, còn tôi thấy khỏe khoắn như chẳng có chuyện gì. Lấy làm lạ họ hỏi, tôi trả lời nửa đùa nửa thật:

- Sư phụ tôi là một chiếc máy điều hòa.

Từ thời ông nội tôi tới nay, họ hàng tôi không theo một tôn giáo nào, cho nên tôi không biết tí gì về lời thề

nguyện. Bây giờ quỳ trước khói nhang hằng bữa tối và đọc lời nguyện trên, lòng tôi phấn khởi vô cùng, nghĩ mình đã đi đúng đường.

Tính tôi hồi đó rất tò mò, tuy là chuyện vô hình nhưng nếu nghi hoặc tôi chẳng tin. Thắc mắc về sư phụ, có lần tôi hỏi:

- Bạch sư phụ, xin cho con biết trước kia sư phụ là ai? Ở đâu?

Ngài cười, bắt tôi ngồi bán già, bàn tay phải duỗi thẳng, đưa lên ngang ngực như các Phật tử thường làm, tay trái nắm lại chỉ giờ ngón trỏ, để xuống ngang rốn nhịp lên nhịp xuống. Tự dưng tôi biết sư phụ đi tu, thường tụng kinh gõ mõ. Ngài xưng tên là Lê Hồng Sơn, lúc chết mộ chôn ở khu nghĩa địa gần chỗ gia đình tôi. Hồi đó nơi này chưa là khu dân cư nên mồ mả còn nguyên. Tôi đi tìm gần một tiếng đồng hồ không thấy mộ, bực dọc ra về. Tối đó khi lễ Phật xong, sư phụ lại nhập xác, tôi cần nhần:

- Sư phụ lừa con, khiến con tìm mãi mà không ra mộ người đâu.

Sư phụ buồn lắm, ngài dạy:

*Rồi đây cuộc thế đổi thay
Các con còn phải chịu ngày gian nan
Những lời Phật Tổ bảo ban
Là lời tâm huyết chỉ đường cho con*

Thế gian trong cuộc mắt còn

.....

Này con quỳ trước khói nhang

Đã không tin chớ nói cần nói vơ

Phật Tiên Thần Thánh tri cơ

Chỉ cho con bước đến bờ chân như

Nói năng nét hạnh thìn từ

Giữ tâm thanh tịnh thiên thư con tường

Rồi đây cuộc thế nhiều nhương

Nguyện cầu chư Phật mười phương hộ trì

Giữ tròn ngũ giới tam quy

Cửa thiền con tới, thuyền từ ta đưa.

Theo môn phái này lúc đó có ba người. Trước tôi là một chị lớn hơn khoảng ba, bốn tuổi. Sau tôi là Mai Thanh H., nhỏ tuổi hơn tôi khá nhiều, vốn là Cao Đài gốc, hiện nay ở Chư Xê (Gia Lai), sinh hoạt thì về thánh thất Trung Hội (số 93 Nguyễn Viết Xuân, Hội Phú, Pleiku, tỉnh Gia Lai).

Có điều lạ là sư phụ của hai người này khi về nhập xác chỉ cho thuốc mà thôi; ngược lại, tôi được sư phụ mình cho tập ngồi bán già để quán tưởng chư Phật. Lúc cho thuốc, anh Bảy (tức sư huynh) và hai người kia nói tiếng gì nghe ngộ lắm. Âm thanh nửa như tiếng nước ngoài, nửa như tiếng người dân tộc. Có khi thấy họ lắc đầu, có khi lại gật đầu, và cuối cùng người cho thuốc vẫn là anh Bảy.

Một hôm rảnh rỗi tôi đem chuyện này ra hỏi thì anh Bảy bảo đó là tiếng nguyên thủy, các sư phụ hội ý về căn bệnh và nên cho thuốc gì. Tôi thích lắm, cầu xin sư phụ cho khai khẩu và dạy tôi cách chữa bệnh. Sư phụ lặng thinh không nói gì. Một hôm tôi làm lễ vừa xong thì sư phụ về, cho tôi ngồi bán già, nhìn chăm chăm vào hình Phật, rồi đưa tay lên vẽ phù, xong hạ tay xuống từ từ rút nhẹ ra sau. Tôi cảm tưởng như tay mình có nam châm đương hút sắt vậy. Tôi mỉm cười, xoay người xuống nhà dưới chỗ anh Bảy ngồi, rồi cũng rút tay nhẹ ra sau, tức thì anh Bảy la lớn:

- Chết lửa! Chết lửa hơ! Đau bụng quá!

Tôi mỉm cười nói:

- Mời sư huynh về làm lễ Ơn Trên, xin khai khẩu cho sư đệ, bụng sẽ hết thôi.

Anh Bảy bước lên quỳ trước bàn thờ Phật, lâm lâm khẩn vái, mọi việc trở lại bình thường. Nhưng có điều lạ lùng là từ đó về sau dù tôi có khẩn khoản cầu xin, vẫn không nói được tiếng “nguyên thủy” ấy.

Không hiểu tại sao, tuy tôi đã chứng kiến nhiều việc khá hiển linh, nhưng lòng vẫn ngờ ngợ như có cái gì đó khó hiểu. Cho nên một lần làm lễ tôi đã phát nguyện:

- Xin Ơn Trên cho con gặp chánh đạo, nếu không con thà hy sinh gia đình, vợ con và thể xác, miễn sau khi chết con được thấy chánh đạo cũng ưng.

Hồi còn trẻ tôi rất nóng tính và xấu chứng đói. Đi làm về phải có cơm nước sẵn, nếu không tôi đói run cả tay chân. Một buổi chiều đi làm rầy về thấy vợ đương lom khom nhen lửa nên tôi nổi nóng cần nhằn, quên rằng cô ấy phải đi dạy học. Nghe tiếng vợ lầm bầm, tôi hét to:

- Im miệng! Còn nói nữa tôi đá luôn vô bếp.

Thế là tối xuống làm lễ, sư phụ về rầy tôi:

- Từ nay con phải tập nhằn nhục. Nhằn với vợ con, gia đình, hàng xóm.

Miệng tôi cứ đọc mãi “Nhấn! Nhấn! Nhấn!” gần hai mươi phút mới dứt.

*

Trước khi tôi đến ở đây, ông chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân xã Hòa An kêu tôi tới dặn rằng sẵn sàng cho tôi “nhập tịch” (tức là nhập hộ khẩu), nhưng tôi phải hứa là làm kế toán công điểm cho đội 4 Hợp Tác Xã 2. Tất nhiên tôi rất mừng và nhận lời ngay.

Năm đó vụ mùa Hợp Tác Xã thu chẳng bao nhiêu, lúa chia theo công điểm rất thấp, về sau cân đối lại phải chia thêm. Nhưng đội tôi có mấy chục lao động chỉ nhận được 1,5 tạ mà thôi. Tôi băn khoăn không biết tính thế nào để lúa chia ra khỏi hao hụt, nếu lỡ thế lấy gì đền vào, nên đành nghĩ bụng: “Thôi, tạm mượn để dùng. Vụ tới cộng thêm lúa công điểm xã viên rồi chia.” Không ngờ tối đó xuống làm lễ, sư phụ về quở tôi:

- Người đừng tưởng của tập thể dễ ăn. Đó là mồ hôi nước mắt của chúng sanh cộng lại.

Lúc đó tôi ngờ ngẩn không hiểu gì nên thưa:

- Bạch sư phụ, con có làm gì đâu, sao sư phụ lại trách con.

- Trăm mấy ký lúa công điểm người tính sao?

Hoảng vía, hôm sau tôi tức tốc thông báo cho xã viên họp tại nhà đội để chia.

Vô hình uốn nắn như thế đó nên tôi càng tin mình đang đi đúng đường, càng năng lễ bái hơn. Một hôm sư phụ dạy tôi viết chữ, nét rất giống chữ Nho, nhưng ngài không giải nghĩa. Về nhà sợ quên tôi liền viết vào vở rồi đem tới hỏi một cụ đồ Nho. Cụ bảo:

- Đây đúng là chữ Nho, nhưng là cổ tự nên tôi không hiểu.

Cụ bảo thế tôi đành làm thỉnh. Về sau nhân giảng đến việc tu hành, sư phụ dạy cho tôi viết lên tấm ván ép lót để quỳ (vì hồi đó nhà còn nền đất) một khung chữ nhật đứng rồi viết chữ vào trong. Ngài bảo:

- Người tu phải như người ở tù, phải giam mình vào khuôn khổ mới tu được.

Sau này theo đạo Cao Đài rồi, đọc thánh giáo tôi mới biết đó là chữ *tù* 囚, gồm ngoài là chữ *vi* 匚, tức bốn vách (tửu, khí, sắc, tài), còn trong là chữ *nhân* 人, tức người.

Ông nội anh Bảy chết nghiệp dây (treo cổ), nghe người ta bảo không thờ trong nhà được nên tôi thấy anh dùng một miếng ván vuông, cạnh chừng năm tấc, đóng trên một cọc gỗ dài chừng một mét, trồng ngoài sân trước cửa chánh bước vào nhà rồi đặt lên đó một lư nhang và thắp hằng đêm. Nghe anh nói rằng ông nội anh về bảo may một chiếc áo rộng như áo nhà sư nhưng màu xanh da trời, có đính các ấn (anh không nói ấn thế nào) để anh mặc mỗi khi làm lễ. Còn khi chữa bệnh cho người ta thì lấy năm hào; nếu không, người ta sợ mang ơn mình, không dám đến xin thuốc. Dù biết sai với lời nguyện “không vì tiền, tài, tình, danh, lợi”, nhưng sợ anh phật lòng, ba đệ tử chúng tôi nghe chỉ làm thinh. Lúc sư phụ tôi về, ngài dạy:

- Sự việc ở đây nửa tà nửa chánh. Để sư phụ dẫn con về chánh giáo con tu. Nếu không, con đi bên tả, bên tả lồi, sang bên trái, bên trái kéo, rồi con không tới đích, lại trách Trời trách Phật.

Tôi nghe vậy đành im lặng đợi chờ. (Sư phụ bảo *bên tả, bên trái* là ngụ ý tả đạo, sai trái.) Thấy sư huynh hay xem bói cho mọi người, tôi cũng thích, nhưng sư phụ về bảo tôi:

- Cấm con coi giò gà, bói bài, xem gia sự vì những việc đó nhiều nhương dân chúng.

Từ đó có sự bất đồng giữa tôi và anh Bảy, do vô hình sắp xếp, chúng tôi không hề hay biết. Nhất là trong một

lúc nóng giận không đầu, anh mang giày đi làm, bồng đá vào con mình đến nổi cháu học máu. Lúc đó tôi không có mặt, chỉ nghe chị Bảy kể lại, tôi bất mãn vô cùng. Chẳng lẽ một người gọi là phụng sự Ông Trên, phụng sự nhân loại lại tàn bạo đến thế sao?

Về sau sư phụ chỉ cho tôi cách mật khẩn khác, không phải danh Phật Tổ như trước mà bắt đầu là Đức Chí Tôn, rồi mười phương chư Phật Tiên, Thánh Thần, và cuối cùng là sư phụ. Mãi sau này khi vào đạo Cao Đài tôi mới biết Đức Chí Tôn là Thầy. Khi tôi mật khẩn xong, ngài điều khiển tôi dạy về hướng Tây để lạy. Tôi lấy làm lạ, hỏi anh Bảy thì bị anh la:

- Chú ưa tò mò sự việc Ông Trên. Sư phụ muốn lạy đâu tùy ngài, chú thắc mắc làm chi!

Tôi không biết anh Bảy có hiểu chẳng, nhưng trong thâm tâm tôi nghĩ hướng Tây là nhà đạo huynh Mai Đăng Thiện (sau này là Đầu Họ Đạo thánh thất Trung Phước An) lúc đó trong nhà đạo huynh có thờ Thiên Nhân.

Giữa tôi và anh Bảy tuy bề ngoài vẫn bình thường nhưng trong lòng sự bất đồng càng sâu hơn. Cho tới một hôm, tôi làm lễ xong thì theo sự điều khiển của sư phụ tôi bước ra sân, tới chỗ nôi hương thờ ngoại cảnh của anh Bảy, sư phụ ra lệnh cho tôi phải đập đi. Tôi vội thưa:

- Bạch sư phụ, đây là lư hương thờ ông nội của sư huynh; nếu con đập, anh em sẽ bất hòa nhau.

Sư phụ không nói gì, nhưng ngài khiến tôi nâng hai bàn tay lên, chặt mạnh xuống, cách lư nhang chừng mấy phân, rồi dẫn tôi vào lạy Phật và thắp.

Tôi vừa ngồi xuống ghế thì nghe tiếng anh Bảy hỏi to:

- Chú ở nhà làm lễ có chuyện gì không? Tôi chơi bên nhà anh Đ., nghe đầu như có ai lấy đinh đóng vào, tôi phải chạy về đây.

Ban đầu tôi giấu giếm, đáp tỉnh bơ:

- Chẳng có chi, em làm lễ bình thường mà.

Anh Bảy cứ tra hỏi mãi, giấu không được, tôi đành kể thật. Tức thì anh nổi nóng hét to:

- Tôi nói thật, dù sư phụ chú là ai, là ông Quan Thánh hay ông Phật mà đập nôi hương ngoại cảnh của tôi, nếu hiện hình tôi cũng cầm dao đâm chết.

Nghe xong tôi lạnh điếng người, bước ra về lòng buồn khôn xiết.

Đêm sau tôi vẫn đến làm lễ. Khi sư phụ về, ngài dạy:

*Tâm thanh tịnh, Đạo Trời thanh tịnh,
Thế giới bình, tu chính là tâm.*

Rồi ngài nghiêm cấm không cho tôi tới nhà anh Bảy nữa, để ngài đem tôi về chánh giáo tu hành. Tôi thưa:

- Bạch sư phụ, ở đó người ta cúng kính nghiêm trang. Con về, tay chân múa may động đậy, coi sao được.

- Sư phụ sẽ ở bên con. Còn thể xác tâm linh con do Đức Chí Tôn dẫn dắt, con đừng lo.

Nghe lời sư phụ, mấy hôm liền tôi không tới. Một buổi tối tôi la cà qua mấy gia đình tán dóc khoảng 9 giờ thì ra về. Không hiểu tại sao tôi không giữ nổi chân mình nên băng bộ xuống nhà anh Bảy. Tôi vào quỳ sau, phía trước là chị Ba đương làm lễ. Khi sư phụ nhập vào, ngài khiến tôi nắm chặt hai tay lại, cứ đầu mình đập liên hồi, tôi cam đành chịu trận cho đến khi sư phụ thắp.

Tất nhiên, tôi không dám tới anh Bảy nữa mà tìm đến nhà đạo huynh Mai Đăng Thiện kể qua sự tình và ngỏ ý xin vào Đạo. Đạo huynh vui vẻ và bảo tôi ráng chờ mấy ngày nữa bác Tùng Sử Quân trong Krong Bông ra sẽ làm lễ nhập môn cho tôi. Thời gian này tôi có thể xuống đây tập đọc kinh và đạo huynh cho mượn đạo phục để quỳ cúng.

Vì ban ngày đi lao động nên tối tôi mới xuống nói chuyện với đạo huynh, rồi cúng thời Tý, xong mới về.

Những đêm đầu, cứ quỳ cúng chừng được năm phút thì tay chân tôi bắt đầu ngọ nguậy. Tôi sợ quá phải tập trung nhìn vào Thiên Nhân. Những lúc đó tôi thấy hào quang tỏa sáng và lòng tôi trở lại tịnh an. Tôi càng tin tưởng vào huyền diệu của Thầy, dù lúc đó tôi chưa là tín đồ chính thức.

Đợi mãi không thấy bác Tùng Sử Quân ra, tôi đương buồn thì dịp may Giáo Hữu Ngọc Dinh Thanh ở Hội

Thánh Truyền Giáo vào thăm bốn đạo Buôn Trấp. Khi ngài ghé nhà người chị ở đây và thăm đạo huynh Mai Đăng Thiện, tôi và một số ít đạo hữu tìm đến vấn an. Tới hôm sau tôi được ngài làm lễ nhập môn. Tôi chỉ nhớ khoảng năm 1982.

Dù sư phụ đưa tôi về chánh đạo như ngài đã hứa nhưng bên đó “họ” chưa chịu buông tha. Tôi thường tranh thủ lao động cả buổi trưa để chiều về sớm đi đạo xóm. Rất mừng là lúc này bệnh hấu đói không còn nữa.

Tôi thường đi chơi về trễ nên vợ con đều ngủ sớm. Lặng lẽ bừng đèn đến trước bếp, tôi lấy chén đĩa ăn cơm. Bỗng nghe tiếng kêu văng vẳng, tôi nghĩ bụng: “Không lẽ Hai T. rủ ăn gì, sao không kêu sớm một tí.” Rồi tiếng kêu rõ hơn, tôi nghe được giọng của cháu V., đứa cháu ngoại của cô ruột tôi:

- Cậu Mười! Có ông gì nhập vào xác Ba H., cho gọi đệ tử Sang xuống.

Sang là tên tôi. Tôi đáp:

- Ừ, để cậu rửa tay thấp nhang đã.

Tôi nói vừa dứt lời thì tay chân bắt đầu rung. Vội vã thấp nhang, tôi bước ra sân chấp tay bắt ấn Tý, day về hướng Bắc xá ba xá, niệm hồng danh Thầy và khẩn:

- Lay Thầy, cho con xuống đó xem “họ” làm gì. Từ đây tới chết, con nguyện giữ trọn Đạo Thầy mà thôi.

Nhà cháu T. ở cách sau vườn nhà tôi độ năm mươi

thước. Tôi vừa đi vừa niệm câu chú của Thầy không ngớt. Tới nơi, thấy Ba H. đương quỳ trước bàn thờ ông bà, tay múa may, đương nói gì tôi không dám nghe. Sợ bị phân tâm, tôi leo lên giường ngồi xếp bằng, tay bắt ấn Tý, miệng niệm hồng danh Thầy liên tục. Khoảng chừng mười, mười lăm phút thì cảnh tượng lên đồng ấy mới dứt, Ba H. trở lại bình thường. Mấy đứa cháu xúm lại bên tôi hỏi:

- Sao “ổng” bảo đệ tử Sang quỳ mà chú không nghe?

- Chú có nghe nhưng sợ, không dám làm theo.

Từ đấy về sau chuyện này không còn xảy ra nữa.

Trong chuyến về quê thăm mẹ và các anh chị, tôi ghé nhà chị Hai T. ở Quán Gò. Trước năm 1975 chị tu giải thoát, nay về nhà may vá độ nhật và tiếp tục đường tu tịnh. Chị em vui vẻ chuyện trò, tôi hỏi chị có kinh điển hay thánh giáo cho tôi xin. Chị lục tìm hồi lâu rồi cho quyển *Đại Thừa Chơn Giáo*. Khi vào trong này tôi giờ ra xem, tới bài *Sắc Không Luận*, hai câu đầu của thi bài khiến tôi vô cùng ngạc nhiên:

*Đường chơn đạo tuy không mà có,
Pháp chánh truyền có đó hóa không.*

Hồi trước, lúc giảng về tà chánh, sư phụ đã dạy cho tôi đọc thuộc lòng hai câu:

*Đường tâm đạo tuy không mà có,
Pháp chánh truyền tuy có mà không.*

Hai câu kinh và hai câu sư phụ dạy tuy khác nhau một số chữ, nhưng càng làm tôi tin tưởng Đạo Thầy nhiều hơn.

Có không ít huyền diệu mà Thiên Liêng đã dành cho tôi. Tôi được bầu làm Thông Sự xã đạo Phước An; lúc đó đất nước mới hòa bình được mấy năm, Đắc Lắc chưa có thánh thất của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Ban Trị Sự chúng tôi hay đi cúng chấn tế hoặc bạt độ âm nhân. Tôi rất tin tưởng vào pháp môn độ tử của Đạo Thầy, vì ngày xưa sư phụ dẫn tôi ra luyện pháp ngoài sân, tuy phía trước nhà anh Bảy, bên kia đường là nhà dân nhưng tôi chẳng thấy gì ngoài khoảng trống mênh mông; mờ mờ trong màn sương đục tôi thấy không biết bao nhiêu là người xin ăn: già có, trẻ có, lớp ốm đau, lớp tàn tật mà người lành lặn cũng nhiều. Có điều, tuy đông đúc nhưng thật yên lặng, kẻ trước người sau vẫn trật tự đến lạ lùng, như có ai sắp xếp sẵn. Tôi không còn nhớ sư phụ đã làm gì, chỉ nhớ vồn vện câu nói của Ngài:

- Các người cố gắng phò trợ cho đệ tử ta tu hành. Sau này nó sẽ độ trì lại các người.

Bây giờ viết lại những dòng này lòng tôi thấy hối hận và hổ thẹn vô cùng. Mấy chục năm trôi theo Đạo, tôi chẳng làm nên công cán gì. Dù họ đạo và nhân sanh tin tưởng, giúp đỡ, nhưng tôi không dám bước lên. Vì ngại khó khăn, vì tham công tiếc việc, tôi chẳng chịu hy sinh. Phần công truyền chỉ ngần ấy, còn về tâm pháp cũng

chẳng khá hơn. Năm năm mươi tuổi tôi thọ Tâm Châu, sau mấy lần xin lên không được, tôi lại làm ngư luân. Bây giờ bệnh tật giày vò, đến nỗi muốn công phu cũng thấy khó khăn, lòng tôi hối tiếc khôn cùng vì đã phụ công dìu dắt của Ông Trên, phụ lòng từ bi che chở của Thầy, làm sao trọn được lời nguyện khi về với chánh đạo: “Con xin tu kỷ độ tha và nguyện trả xong nghiệp chướng.”

Đây là những việc có thật trong đời tu của tôi. Mong rằng khi xem xong, chư huynh tỷ gắng nung chí tu hành, hy sinh phụng sự Đạo Thầy, dựng xây Giáo Hội để nường vị lập vị, chớ đừng mượn cớ nọ kia mà tranh đua. Gắng lo tu tâm sửa tánh, thông dong chờ đón ngày về. Đừng chần chờ như tôi, uống phí một đời mà không được tích sự gì. Vì như lời Ông Trên dạy, chép trong *Thánh Truyền Trung Hưng*:

** Thiệt tu tại nạn chẳng gần,
Thiệt lòng vì Đạo, Thánh Thần hộ cho.
* Có gan góc mới tầm được Đạo,
Có từ bi mới tạo nên Tiên...*

Cũng đừng nói mình không có căn duyên nên chẳng tu được, vì ngày xưa sư phụ vô hình từng dạy tôi: “Dù con có thiện có căn, mà không tu cũng kể bằng như không. Con đừng nằm dưới gốc sung mà chờ sung rụng.”

TRẦN DÃ SƠN

Phước An, ngày 26-3-2017

VÀI NÉT VỀ ĐÀN TIỀN HIỆP MINH Ở CÁI KHẾ

HUỆ KHẢI

Theo báo cáo của một chủ quận được ghi nhận trong phúc trình “*Le Caodaïsme*” (01-01-1932) của Lalaurette, Thanh Tra Chánh Trị Và Hành Chánh Sự Vụ (*Inspecteur des Affaires Politiques et Administratives*), thì vào những năm 1924-1925, đã có một làn sóng Thông Linh Học (*Spiritisme*) lan tràn khắp Nam Kỳ: “*Une véritable vague de spiritisme sévissait en 1924-1925 dans toute la Cochinchine.*”

Thực ra, việc lập đàn cầu Tiên ở Nam Kỳ đã có sớm hơn thời điểm ghi nhận của người Pháp. Quả vậy, tìm hiểu lịch sử đạo Cao Đài thời tiềm ẩn (1920-1926), chúng ta biết rằng tiền khai Ngô Văn Chiêu (1878-1932) nhiều lần đến đàn Hiệp Minh ở rạch Cái Khế, làng Thới Bình, tổng Định Bảo, tỉnh Cần Thơ. Cụ thể như sau:

Năm 1917 (Đinh Ty), vì thân mẫu là bà Lâm Thị Quý (1858-1919) đau nhiều, Ngô tiền khai từ Tân An tìm đến đàn Hiệp Minh. Đến nơi thì đàn cơ đã lập, đồng tử đang tiếp diễn thiêng liêng. Tiền khai thủ lễ nên đứng bên ngoài. Nào ngờ Ơn Trên gõ cơ vờ tiền khai vào hầu, rồi ban cho bài thuốc trị bệnh bà Lâm cùng với hai bài thơ.

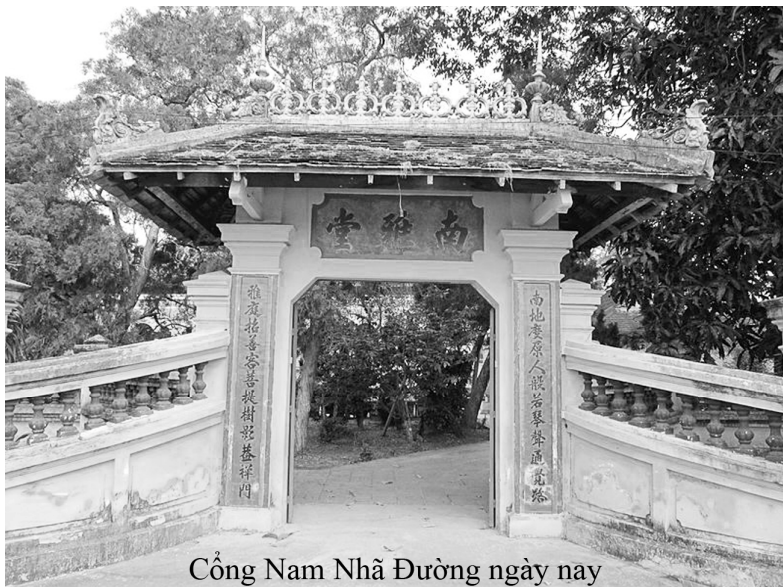
Năm 1919 (Kỷ Mùi), vì thân mẫu trở bệnh đau nhiều, tiền khai lại từ Tân An đi đến đàn Hiệp Minh lần nữa. Nhưng Ơn Trên chỉ ban cho bài thơ dài chứ không cho thuốc. Cuối năm ấy bà Lâm tạ thế.

Cuối tháng 7-1924 (Giáp Tý), tiền khai rời quận đảo Phú Quốc trở về Sài Gòn làm việc tại Phủ Thống Đốc Nam Kỳ. Sau đó, tiền khai thỉnh thoảng lại rời Sài Gòn xuống Cần Thơ hầu đàn Hiệp Minh.

Đàn Hiệp Minh dùng *quy cơ* (cơ hình rùa), vì “giỏ” đại ngọc cơ đan nhuyễn bằng những sợi mây tạo hình như mai rùa (mặt trên dài 32cm, rộng 27cm; phần “bụng” dài 24cm, rộng 20cm, mỗi bên hông chừa ba lỗ để bàn tay đồng tử cầm).

Đàn Hiệp Minh hình thành trong bối cảnh ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc các đàn cơ cầu Tiên được tổ chức nhiều nơi. Chẳng hạn, vào năm 1895 tại tỉnh Cần Thơ, chùa Nam Nhã (Nam Nhã Đường) là một Phật đường thuộc tông Đức Tế của đạo Minh Sư được thành lập tại làng Long Xuyên (nay tọa lạc tại số 612 đường Cách Mạng Tháng Tám, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ). Tại chùa có lập đàn cầu cơ thỉnh Tiên, ngoài việc để môn sinh Minh Sư học đạo còn để làm phước, giúp bá tánh xin thuốc chữa bệnh.

Bấy giờ ở Long Xuyên có ông Từ Thiên Phước thế danh là Ứng (con rể ông Phạm Ngọc Nguru và bà Hồ Thị Tín) cũng hay lập đàn cầu Tiên tại nhà. Ông Nguru

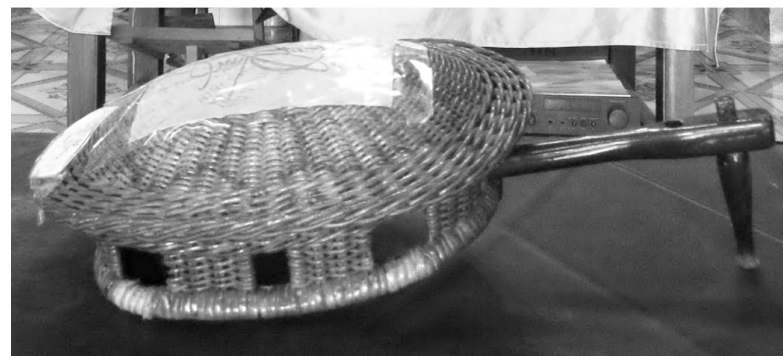


Cổng Nam Nhã Đường ngày nay



Mặt tiền chánh điện Nam Nhã Đường

Ảnh tài liệu



Đại ngọc cơ hình con rùa (quy cơ) của đàn Hiệp Minh
Phần “giỏ” như mai rùa, đan bằng sợi mây.
Cần và đầu ngón cơ tiện bằng gỗ trắc bá.



Đàn cầu Tiên Quang Xuân nay là Quang Xuân Tự
thuộc Giáo Hội Phật Giáo thành phố Cần Thơ

sau nhiều lần hầu đàn Tiên ở Long Xuyên (nhà con rể) và Cần Thơ (chùa Nam Nhã) đã quyết định lập đàn riêng của ông.

ĐÀN QUANG XUÂN Ở CHỢ MÍT NÀI

Ông Nguru bàn bạc với con rể (ông Từ Thiện Phước) và hai ông Trần Ngọc Diệm, Đoàn Hữu Lương (thân sinh ông Đoàn Hữu Cầu, chủ nhân vườn Thầy Cầu nổi tiếng tại hẻm Rạch Chanh) rồi lập một đàn cầu Tiên ngay sau vườn nhà ông, ở số 89/16 đường Paul Emery (sau đổi tên là đường Cống Quỳnh, nay là đường Huỳnh Thúc Kháng) trong chợ Mít Nài (sau này là chợ An Nghiệp, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều). Đàn được cất bằng cây ván, lợp lá, diện tích khoảng 45 thước vuông, sàn gỗ cao 2 thước, có thang lên xuống ở hai bên.

Ngoài bà con bên vợ ông Nguru (ông Hồ Anh Tuấn, bà Hồ Thị Chiêm, ông Hồ Văn Vĩnh), đàn này còn quy tụ các ông Hai Sự, Mười Trương, Trương Văn Giáp, và gia tộc Phan Thông (như Phan Chánh Tâm, Phan Thông Giai, Phan Thông Ngạn, Phan Thông Tánh, Phan Thông Ý)...

Đêm 01-7 Đinh Mùi (Thứ Sáu 09-8-1907), đàn cơ đầu tiên được lập. Bộ phận thông công gồm có: ông Phan Chánh Tâm (pháp sư), ông Phan Thông Tánh (phụ tá pháp sư); ba ông đồng tử là Hồ Văn Tú, Nguyễn Thiện Sự, Ba Huy (người Nghệ An, thường gọi là thầy Ba Huế, dạy chữ Nho trong vùng); hai ông Phan Thông Ngạn và Phan Thông Ý làm điển ký. Ông Trên giáng cơ ban danh

xưng là đàn Quang Xuân, nhưng dân gian hay gọi là “chùa”. Vào hai năm 1910 và 1930, đàn Quang Xuân được xây tường gạch, mái lợp ngói, nền lót gạch bông. (Năm 2001, đàn Quang Xuân trở thành chùa, tên gọi Quang Xuân Tự, thuộc Giáo Hội Phật Giáo Cần Thơ, địa chỉ hiện nay là 89/16 Huỳnh Thúc Kháng, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.)

ĐÀN HIỆP MINH Ở RẠCH CÁI KHẾ

Nhiều người trong gia tộc Phan Thông như các ông Phan Thông Giai, Phan Thông Ngạn, Phan Thông Tánh, Phan Thông Ý sốt sắng hầu đàn Quang Xuân, ngoại trừ ông hương cả Phan Thông Lý. Bấy giờ nhà ông cất trên bờ rạch Cái Khế, làng Thới Bình, tổng Định Bảo, tỉnh Cần Thơ.

Con trai út ông bà Cả Lý là Phan Thông Sung (Chín Sung) mắc trọng bệnh đến nổi á khẩu, chạy thầy chạy thuốc khắp nơi đều vô hiệu. Sau cùng, có người khuyên ông bà nên hầu đàn Quang Xuân cầu xin Thần Tiên cứu con trai. Ông bà Cả Lý bèn nghe theo, sắm lễ phẩm đến đàn Quang Xuân sám hối và xin lập đàn cơ thỉnh thuốc trị bệnh. Thiện nguyện Thiên tòng, nhờ đó con trai ông bà lành bệnh.

Để tạ ơn Trời Phật, ông Cả Lý phát nguyện hiến thửa đất 6.000 thước vuông để cất thêm một đàn Tiên mới. Phần đất ấy phía sau thì giáp ranh đàn Quang Xuân (chỉ cách con mương chưa đầy 3 thước), nhưng ngoài mặt



Đàn Chánh Minh lập năm 1911, sau gọi là đàn Hiệp Minh.



Rạch Cái Khế ngày nay. Bên trái bờ rạch là chợ Mít Nài, đường Huỳnh Thúc Kháng. Đàn Hiệp Minh hiện nay gọi là chùa Hiệp Minh, số 97 đường Huỳnh Thúc Kháng, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.



Cổng và hậu liêu chùa Hiệp Minh ngày nay.



tiền trên đường Paul Emery thì hai đàn cách nhau khoảng 200 thước. Giữa năm Tân Hợi (1911) đàn Chánh Minh thành hình, cất bằng cây ván, lợp lá, sàn gỗ cao 2 thước, có thang lên xuống. Đó là tiền thân đàn Hiệp Minh.

Ngày 25-10 Tân Hợi (Thứ Sáu 15-12-1911), đàn cơ đầu tiên được lập với bộ phận thông công của đàn Quang Xuân sang giúp. Hai vị thiền sư danh tiếng thời nhà Lý giảng cơ hôm ấy là ngài Từ Đạo Hạnh (pháp hiệu Từ Đại Công Vương Bồ Tát), và ngài Nguyễn Giác Hải (pháp hiệu Nguyễn Đại Công Vương Bồ Tát).

Năm 1916 đàn Chánh Minh được xây dựng lại trên nền đất ông Cả Lý đã hiến. Ngày Thứ Ba 08-8-1916 ông Cả Lý làm đơn xin phép cất đàn và sinh hoạt tu hành như sau:

Cần Thơ, le 8 Août 1916

Canton de Định Bảo

Phan Thông Lý đứng

Bẩm Quan Lớn đặng rõ, tôi có cất một cái đàn, để thờ Phật và thờ Tiên tại trong vườn của tôi, nguyên là tiền của tôi làm, nên tôi đến trăm lạy Quan Lớn mở lượng rộng mà cho phép mỗi tháng hai lần là ngày rằm và ngày mồng một được phép đến đàn mà lạy Phật và Tiên, hoặc là khi có bệnh hoạn được phép ban đêm đến đó mà cầu xin thuốc Phật Tiên cho đặng mà uống, sự thật nên có

làng thị chứng, như tôi làm trái phép nhà nước thì tôi cam chịu tội.

Nên tôi đến trăm lạy Quan Lớn xin mở lòng rộng rãi mà nhận lời tôi xin.

Nay bẩm

Phan Thông Lý

(Chữ ký)

Bên dưới đơn xin của ông Lý có đủ chữ ký thị chứng của Hội Đồng Hương Chức (Bàn Hội Tề) là Hương Chủ, Hương Chánh, Hương Quản, Hương Thân, Hương Hào, và Xã Trưởng (chữ ký và con dấu).

Con dấu và chữ ký của viên chức tổng Định Bảo chấp thuận ngày Thứ Bảy 19-8-1916.

Đàn Chánh Minh sau này được đổi tên là Hiệp Minh. Đàn được tái thiết kiên cố năm 1932 và tôn tạo năm 1942...

Đàn Quang Xuân và đàn Hiệp Minh có riêng hai chủ đàn nhưng coi như có chung số tín hữu. Đàn cơ khi lập tại Quang Xuân, khi lập tại Hiệp Minh. Khi cúng bái, lễ lạt... thì cử hành bên Quang Xuân trước, xong rồi tất cả qua bên Hiệp Minh cúng thêm lần nữa.

Sau khi ông Phạm Ngọc Ngưu và vợ (bà Hồ Thị Tín) quy thiên, chủ đàn Quang Xuân lần lượt là ông Phạm Ngọc Thanh, ông Trần Ngọc Diệm, ông Quảng Chiêu, bà Ngọc Sanh, bà Ngọc Biếu.

Tại đàn Hiệp Minh, sau khi chủ đàn Phan Thông Lý (pháp danh Nghiêm Hòa) quy thiên thì em ông là Phan Thông Ngạn (pháp danh Hoa Linh) thay thế. Kế tiếp là nhóm ba vị (gọi là “tam quyền”) gồm ba ông Phan Thông Ý (pháp danh Chơn Từ), ông Phạm Thông Giai (pháp danh Khánh Nhơn), và ông Nguyễn Văn Bảy (pháp danh Thiên Ấn). Tiếp theo đó là “tam quyền” gồm ba ông Phan Thông Chỉ (pháp danh Phước Khương), ông Phan Thông Quang (pháp danh Nhật Quang), ông Phan Thông Thảo (pháp danh Giác Kim).

Từ sau năm 1975 trở đi, đàn Hiệp Minh có nhiều thay đổi; hiện nay là chùa Hiệp Minh (thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam), tọa lạc tại số 97 đường Huỳnh Thúc Kháng, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.⁽¹⁾

Các vị tiền khai của đàn Hiệp Minh nguyên là họ *Nguyễn*, do thời cuộc mà cải thành họ *Phan Thông*. Khi các vị mãn phần, những ai là có họ Phan Thông đều lấy lại họ gốc là Nguyễn, nên thành họ *Nguyễn Phan Thông*. Riêng ông Phan Chánh Tâm có tên đệm (chữ lót) là *Chánh* thay vì là *Thông*, nên đổi lại là Nguyễn Phan Chánh Tâm.

Mười tám vị tiền khai, tiền bối của cả hai đàn Quang

⁽¹⁾ Bài này chủ yếu trình bày lược sử hai đàn Quang Xuân và đàn Hiệp Minh trước khi trở thành hai ngôi chùa thuộc Giáo Hội Phật Giáo thành phố Cần Thơ như hiện nay.

Xuân và Hiệp Minh ngày nay được tôn kính là “tiền vãng”, được lập bàn thờ tri ân. Cùng với chân dung, danh sách mười tám vị hiện bảo tồn tại chùa Hiệp Minh như sau:

1. Ông Nguyễn Phan Thông Giai (1887-1967), pháp danh Khánh Nhơn. / 2. Ông Nguyễn Phan Chánh Thống (1886-1967), pháp danh Quang Nhã. / 3. Ông Huỳnh Trung Thuần (1895-1974), pháp danh Minh Cẩn. / 4. Ông Lê Công Tịnh (1894-1975), pháp danh Hoằng Khải. / 5. Ông Trần Văn Khuê (1900-1975), pháp danh Thiện Minh. / 6. Ông Nguyễn Phan Thông Chỉ (1897-1971), pháp danh Phước Khương. / 7. Ông Nguyễn Phan Thông Hỷ (1911-1969), pháp danh Hoằng Bảo. / 8. Bà Hồ Thị Chiêm (1883-1964), pháp danh Hồng Kiến Sanh. / 9. Ông Nguyễn Văn Bảy (1895-1981), pháp danh Thiên Ấn. / 10. Ông Phạm Ngọc Ngưu (1851-1915), pháp danh Long Ân. / 11. Ông Nguyễn Phan Thông Lý (1861-1919), pháp danh Nghiêm Hòa. / 12. Ông Nguyễn Phan Chánh Tâm (1866-1940), pháp danh Quang Kiến. / 13. Ông Nguyễn Phan Thông Tánh (1869-1927), pháp danh Thực Hòa. / 14. Ông Nguyễn Phan Thông Ngạn (1874-1932), pháp danh Hoa Linh. / 15. Ông Nguyễn Phan Thông Ý (1878-1963), pháp danh Chơn Từ. / 16. Bà Hồ Thị Tín (1855-1939), pháp danh Ngọc Cơ. / 17. Ông Trương Kim Giáp (1881-1963), pháp danh Quảng Chiêu. / 18. Ông Trương Văn Từ (1881-1960), pháp danh Mỹ Đức.

Tài liệu tham khảo:

Ban Hộ Tự chùa Hiệp Minh, *Lược Sử Chùa Hiệp Minh (Đàn Tiên Cái Khế)*. Tài liệu “lưu hành nội bộ”, ấn hành theo giấy phép xuất bản số 166/GP-STTTT ngày 02-11-2011 của Sở Thông Tin và Truyền Thông thành phố Cần Thơ. Truy cập tại <http://dantiencaikhe.blogspot.com/2011/11/luoc-su-chua-hiep-minh-tien-cai-khe.html>, ngày 28-4-2017.

Huệ Khải, *Ngô Văn Chiêu – Người Môn Độ Cao Đài Đầu Tiên*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2008, tr. 17-18.

Huệ Khải, *Lược Sử Đạo Cao Đài – Thời Tiềm Ẩn 1920-1926*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức 2017, tr. 33.

HUỆ KHẢI

GỢI CON

Gởi con
Chút Tết quê nhà
Gói thêm sợi nắng
Phương xa sưởi buồn
Ấm lòng
Thương cội nhớ nguồn
Rằng cha mẹ đợi
Và xuân đang chờ.

TỜ LỊCH CUỐI

Tờ lịch cuối
Hát à ơi
Như xong phận sự
Thảnh thơi mỉm cười
Quên năm quên tháng
Đổi dời
Nghêu ngao mình với đất trời
Chào xuân.

VÕ VĂN PHO (TT Trung Minh)

DU XUÂN

Vội vã sống, vội vã đi
Còn nghe đâu nữa làm gì – về đâu
Rong rêu mấy bận trên đầu
Đã xa từ độ ngút màu thời gian.

KHÔNG ĐỀ

Vô thường mở hội ngàn hoa
Còn phiêu du mộng – em đà sang xuân?
Luân hồi qua một nhịp chuông
Thiên thu dọn lại vở tuồng nhân gian.

HỒ XOA (TT Linh Bửu)

*

KHI QUA NƠI HẸN

Vuốt đầu tóc rụng bàn tay
Biết không gần nữa những ngày trẻ trung
Biết xa những buổi chờ mong
Mà sao kỷ niệm vẫn không chịu già?

VƯƠNG TRỌNG (trích *Khi Qua Nơi Hẹn*, 1984)

ĐỨC THỊNH THỜI HƯNG

DIỆU NGUYÊN

Ngày xưa, ở Trung Hoa và Việt Nam ta, ai muốn ra làm quan phải trải qua các kỳ thi do triều đình tổ chức. Có nhiều người chuyên tâm dùi mài kinh sử mong đến ngày thi đỗ làm quan để vừa mang lại vinh hiển cho bản thân và dòng tộc, vừa đem tài phục vụ cho đất nước, thế nhưng đi thi năm lần bảy lượt vẫn không đậu, mặc dù là người có thực tài, văn hay chữ tốt, học vấn uyên thâm. Dân gian bảo rằng những người ấy có tài nhưng không gặp thời.

Ngược lại, cũng có nhiều người học hành đỗ đạt và ngày càng được thăng quan tiến chức, hoặc có người làm ăn phát đạt, sự nghiệp kinh doanh ngày một phát triển. Dân gian bảo rằng những người ấy đang gặp thời hay đang có thời.

Vậy, vì sao người thì gặp thời, người lại không gặp thời? Người xưa nói: *Mạng lý hữu thời chung tu hữu; mạng lý vô thời mạc cưỡng cầu.*⁽¹⁾ (Số mạng có thời, thì tốt cuộc phải có; số mạng không có thời, thì chớ gắng gượng cầu mong.)

Ngày nay, Kinh Sám Hối trong đạo Cao Đài dạy:

(1) 命裡有時終須有, 命裡無時莫強求. [Đạo Uyển chú]

*Cuộc danh lợi là phần thưởng quý
Đấng Hóa Công xét kỹ ban ơn
Lòng đừng so thiệt tính hơn
Ngày đêm than thở dạ hờn ích chi.*

*Người sang cả là vì duyên trước
Kể không phần luống ước cầu may...*

Vậy, rốt lại là chữ thời tùy thuộc vào điều gì? Phải chăng là do số mạng đã định sẵn như câu nói người xưa? Hay do “Đấng Hóa Công xét kỹ ban ơn” như lời Kinh Sám Hối, và nếu thế, thì Ngài “xét kỹ” dựa trên tiêu chuẩn nào?

Trong một lần giảng đàn tại Minh Lý Thánh Hội, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư giảng giải như sau: *“Theo thói thường của thế nhân, họ cho rằng chữ **thời** do số mạng đã định sẵn, ngồi không chờ thời vận đưa đến, vì họ xem tích Khương Thượng ngồi câu nơi sông Vị. Chỉ nhờ câu, chẳng lưới câu và cũng chẳng mồi. Khi thời vận đến vẫn bắt được cá. Cười...”*⁽²⁾

Trong lời dạy này, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư nhắc đến sự tích ngài Khương Thượng ngồi câu nơi sông Vị. Nhân đây xin được nhắc lại đôi nét về Ngài. Đức Khương Thượng có tên tự là Tử Nha nên cũng được gọi là Khương Tử Nha. Ngày nay trong đạo Cao Đài, Ngài được thờ kính trên Thiên Bàn trong hàng Ngũ Chi Đại Đạo ở

(2) Minh Lý Thánh Hội, 04-11 Nhâm Tý (09-12-1972).

vị trí Giáo Chủ Thần Đạo và có hồng danh là “Thái Công Tướng Phụ Quản Pháp Thiên Tôn” bởi lẽ khi phò nhà Châu, Ngài được Châu Võ Vương (con Châu Văn Vương) phong chức Thái Công, và được vua gọi là Thượng Phụ hay Tướng Phụ (cha nuôi). Ngài là Đấng thiêng liêng nắm giữ pháp môn trên Thiên Đình nên Ngài là “Quản Pháp Thiên Tôn”. (*Quản* có nghĩa là quản lý, nắm giữ trong tay.)

Chúng ta biết được điều này nhờ vào lời dạy của Đức Quan Âm Bồ Tát: *“Hiện thời, Ngài [Quản Pháp Thiên Tôn] đang nắm pháp trong tay, nếu chư hiền đệ muội có duyên với Ngài, Ngài sẽ ban pháp cho mà lập công bồi đức. Đó là một điều đại hạnh cho chư hiền đệ muội.”* ⁽³⁾

Đức Khương Thái Công dạy: *“... nhiều chư đệ muội than phiền khi hầu đàn gặp Lão không được an tọa. Điều ấy Lão có muốn làm chi, nhưng vì trong tay Lão nắm không biết nhiều pháp của Thiên Đình, bởi thế, các Đấng Thần Tiên trước Lão còn phải thủ lễ thay, hướng chi chư hiền đệ muội.”* ⁽⁴⁾

Theo sử sách, Đức Khương Thượng sinh vào thế kỷ 12 trước Công Nguyên (TCN), đời nhà Thương bên Trung Hoa. Năm ba mươi hai tuổi, Ngài lên núi Côn Lôn học đạo với Đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn hơn bốn mươi năm không biết đến việc trần tục nữa.

⁽³⁾ Thánh tịnh Ngọc Linh, 24-3 Kỷ Hợi (01-5-1959).

⁽⁴⁾ Thánh tịnh Ngọc Linh, 16-4 Kỷ Hợi (23-5-1959).

Vua Trụ nhà Thương đắm mê tửu sắc bỏ bê việc triều chính, lại nghe theo lời Đát Kỷ bày ra các hình phạt vô cùng khắc nghiệt như hầm rắn, cột đồng nung lửa... Các trung thần can gián đều bị xử tử, lê dân đồ thán, vận nước suy vi... Đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn mới hạ lệnh cho ngài Khương Tử Nha xuống núi để phò nhà Châu là một nước chư hầu để phạt Trụ, lập bảng Phong Thần. Ngài đã ngồi buông câu bên sông Vị hết ngày này sang ngày khác để chờ thời vận ra giúp nhà Châu phạt Trụ.

Một hôm có người tiều phu phát hiện rằng lưỡi câu của ngài thẳng chứ không uốn cong và không có ngạnh bén thì chế giễu. Ngài bảo: “Ta câu thời câu vận chứ nào phải câu cá câu tôm.”

Đức Khương Thượng là bậc đã tu hành đắc đạo nên ngài câu thời câu vận nào phải vì mong được hưởng vinh hoa phú quý chốn thế gian mà là để thực hiện sứ mạng phò Châu phạt Trụ. Thế nên, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy tiếp: *“Hiếu rằng thời của Khương Thượng là sai lầm, mà chính là thời của vì vương gặp lúc vượng khí, nhưng họ nào hiểu rằng chính vì vương ấy có đức thì khí mới vượng, thời mới hưng. Nếu ở không ngồi rồi mà đợi thời thì thời tự đâu mà đến?”* ⁽⁵⁾

Vì vương mà Đức Vạn Hạnh Thiền Sư nói đến chính là Văn Vương nhà Châu, một vị vua hiền đức luôn yêu thương nhân dân. Nhờ cái đức ấy mà nhà Châu mới

⁽⁵⁾ Minh Lý Thánh Hội, 04-11 Nhâm Tý (09-12-1972).

hưng thịnh và thời vận mới đến để nhà Châu có được Đức Khương Thượng phò tá hưng Châu phạt Trụ, lập nên đế nghiệp nhà Châu kéo dài 867 năm, là triều đại tồn tại lâu dài nhất Trung Hoa.



Châu Văn Vương tìm Khương Tử Nha nơi sông Vị.

Sách xưa kể rằng Văn Vương muốn lập một cái Linh Đài để xem thiên văn và bói Dịch, biết việc dữ lành trong nước và ngài sai quan Đại Phu Táng Nghi Sanh treo bảng tuyển lựa nhân công, ghi rằng dân chúng người nào muốn đến làm sẽ được trả hai chỉ bạc mỗi ngày, còn ai không muốn làm thì thôi, không bắt buộc.

Nhân dân bàn luận với nhau: “Bởi đại vương nhân đức nên chúng ta mới được thanh thoi, mặt trời mọc thì đi làm, mặt trời lặn thì về ngủ, khỏi lo ly loạn, vui thái bình. Nay đại vương muốn cất Linh Đài để xem việc dữ

lành trong nước, chúng ta phải góp công, góp sức mà làm, cần gì phải trả tiền công.”

Bàn luận xong, dân chúng cử người thay mặt đến xin yết kiến Táng Nghi Sanh và thưa: “Chúng tôi xin góp sức làm xong Linh Đài, không lấy đồng tiền công nào hết.”

Táng Nghi Sanh vào tâu lại, Văn Vương không bằng lòng, ép dân chúng phải nhận tiền. Dân chúng miễn đức vô cùng, dốc hết sức mình đua nhau làm rất hăng, chỉ trong mười ngày, một cái đài nguy nga đã lập xong.

Văn Vương dẫn bá quan ra xem thấy đài cao hai trượng, chạm trổ đầu đầy rất tinh vi, vẻ huy hoàng không thể tưởng tượng được.

Tuy nhiên nét mặt Văn Vương vẫn không vui. Táng Nghi Sanh thấy vậy hỏi: “Linh Đài đã lập thành, vì ý gì Chúa Công buồn bực?”

Văn Vương nói: “Ta muốn đào thêm trước sân Linh Đài một cái ao nữa mới đủ âm dương, song sợ sức dân mệt nhọc.”

Táng Nghi Sanh nói: “Lập cái đài công lao bằng mười lần mà chỉ làm trong mấy bữa, thì đào cái ao phỏng có bao nhiêu công mà Chúa Công ngần ngại.”

Văn Vương nói: “Cái ao phải đào sâu bằng chiều cao Linh Đài, để thủy hỏa bằng nhau.”

Dân chúng nghe Văn Vương có lòng thương dân như vậy xúm nhau đến yết kiến Táng Nghi Sanh, nói: “Việc

đào ao công phu có bao nhiêu mà Chúa Công lo lắng.” Nói rồi hề nhau chia thành toán, kẻ xúc đất, người hì hục đào, vô cùng hăng hái.

Khi hầm sâu độ một thước, dân chúng gặp những bộ xương khô trắng hếu, chẳng biết chôn từ đời nào liền móc quăng lên.

Văn Vương trông thấy hỏi: “Vật gì trắng hếu như vậy?”

Dân chúng thưa: “Đó là những bộ xương người chẳng biết của ai.”

Văn Vương nói: “Phải sắp theo từng bộ, để tẩn liệm, chôn cất hẳn hoi, không nên khinh thường.”

Dân chúng tâu: “Đó là những nắm xương vô chủ, còn quý trọng làm gì!”

Văn Vương nói: “Quý trọng cái mà không ai biết quý trọng mới là con người có đạo.”

Nói rồi truyền mua quan quách, bao nhiêu xương trắng được chôn cất tử tế.

Thấy bộ xương khô mà vua còn thương hướng chi người sống. Dân chúng ai nấy đều cảm kích, nên việc đào ao chỉ vài hôm là hoàn thành.⁽⁶⁾

Về sau, trước khi mất, Văn Vương không quên dặn dò

⁽⁶⁾ Phong Thần Diễn Nghĩa, Hồi thứ 23.

con trai là Cơ Phát: “Làm người chỉ có đạo là lớn, mà lỗi đạo là không nên người. Hễ thấy việc lành thì làm ngay, thấy việc quấy thì xa tránh. Nghe việc phải chớ nên chần chờ. Đó là ba điều để trau mình, trị dân, cứu nước. Con nhớ lời cha dạy, dầu thác cha cũng vui.” ⁽⁷⁾

Trong lịch sử các quốc gia cũng như lịch sử nước nhà, khi các bậc lãnh đạo quốc gia là người hiền đức biết yêu thương nhân dân thì vận nước được hưng thịnh, quốc gia được thái bình âu ca. Thế nên Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy rằng “*chính vì vương ấy có đức thì khí mới vượng, thời mới hưng*”.

Đất nước Việt Nam ta vào các triều đại đầu nhà Lý cũng rất hưng thịnh nhờ có các vị vua hiền đức như Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông.

Sách *Việt Nam Sử Lược* của Lê Thần Trần Trọng Kim (1883-1953) viết: “Lý Thánh Tông là một ông vua nhân từ, có lòng thương dân; một năm trời làm rét lắm, Thánh Tông bảo những quan hầu gần rằng: “Trẫm ở trong cung ăn mặc như thế này còn rét, nghĩ những tù phạm giam trong ngục, phải trói buộc, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc; vả lại có người xét hỏi chưa xong, gian ngay chưa rõ, nhớ rét quá mà chết thì thật là thương lắm.” Nói rồi truyền lấy chăn chiếu cho tù nằm, và mỗi ngày cho hai bữa ăn. Lại có một hôm Thánh Tông ra ngự ở điện Thiên Khánh xét án, có Động Thiên công

⁽⁷⁾ Phong Thần Diễn Nghĩa, Hồi thứ 29.

chúa đứng hầu bên cạnh. Thánh Tông chỉ vào công chúa mà bảo các quan: “Lòng trăm yêu dân cũng như yêu con trăm vậy, hiềm vì trăm họ ngu dại, làm càn phải tội, trăm lấy làm thương lắm. Từ rày về sau tội gì cũng giảm nhẹ bớt đi.”

Vua Thánh Tông có lòng nhân đức như thế, cho nên trăm họ mến phục, trong đời Ngài làm vua ít có giặc giã. Ngài lại có ý muốn khai hóa sự văn học, lập Văn Miếu, làm tượng Chu Công, Khổng Tử và bảy mươi hai tiên hiền để thờ. Nước ta có Văn Miếu thờ Khổng Tử và chư hiền khởi đầu từ đây.”⁽⁸⁾

Ngược lại, các vì vua kém đức, không biết tu dưỡng bản thân và chăm lo việc triều chính thì lê dân thống khổ, vận nước suy tàn. Chẳng hạn như vua Lý Cao Tông lên ngôi vua lúc mới có ba tuổi, may nhờ có quan Thái Phó Tô Hiến Thành là bậc hiền thần trung tín đủ tài thao lược làm nhiếp chính giúp vua trị nước an dân, nhưng “Đến khi Cao Tông lớn lên cầm quyền trị nước, thì cứ hay đi săn bắn chơi bời, làm cung xây điện, bắt trăm họ phải phục dịch khổ sở. Ngoài biên giới thì quân mừng thổ bên Tàu sang quấy nhiễu ở phía bắc, người Chiêm Thành sang đánh ở phía nam; trong nước thì trộm cướp nổi lên như ong dấy. Vua tôi không ai lo nghĩ gì đến việc chính trị, chỉ làm những việc nhùng nhằng, mua quan bán

chức, hà hiếp nhân dân, lấy tiền để làm những việc xa xỉ.”⁽⁹⁾

Triều đại nhà Lý bắt đầu suy tàn từ đây.

Qua đó, chúng ta có thể thấy được tầm quan trọng của đạo đức đối với sự hưng vong của một quốc gia dân tộc. Thế nên ngày nay, Đức Quan Âm Bồ Tát dạy rằng đạo đức là siêu chánh trị:

“... những người trong cửa đạo từ lâu không dám bàn đến hai tiếng chánh trị vì quan niệm rằng chánh trị là có lập phe lập đảng, có tranh bá đồ vương, có giựt giành quyền thế. Tại hiểu như vậy nên không dám nghĩ và bàn đến hai tiếng ấy. Thật nghĩa của nó là cao quý biết bao!

Định nghĩa: Chánh là chánh trực, quang minh, ngay thẳng, đúng đắn, có nhân nghĩa đạo đức và hạo sinh. Trị là an ninh, bảo tồn trật tự, hòa thuận dưới trên. (...)

Ngày nay cũng như từ bao giờ, những phần tử tốt, tu hành chân chính trong cửa đạo hằng hoàn thiện hóa từ nội tâm đến ngoại thể con người mình cho đúng với hai chữ đạo đức. Đó là phần vụ tu thân. Còn phần lập công bồi đức là việc tế nhân độ thế, làm những công việc xã hội từ thiện, lấy lý đạo lồng vào việc làm để tỉnh thức kẻ tội lỗi hung ác trở lại đường thiện lương thuần mỹ, giáo dân vi thiện.

Độ được một người vào cửa thiện là giảm đi một phần

⁽⁸⁾ Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Quyển 1, Phần 3, Chương IV.

⁽⁹⁾ *Sách đã dẫn*, Quyển 1, Phần 3, Chương V.

tử xấu của quốc gia. Độ được một người biết làm công việc giáo dân vi thiện là đã bớt đi hàng trăm phần tử xấu của quốc gia. Nếu độ được trăm ngàn muôn triệu người như vậy thì một quốc gia đã giảm đi rất nhiều khám đường và sẽ chuyển những cơ sở ấy lại thành giáo đường. Như vậy không phải đạo đức là siêu chánh trị hay sao?

Nếu mỗi người thương nhau trong tình đạo hữu, trong tình anh chị em cùng một Cha chung Thượng Đế, lo dìu dắt nhau, bảo trợ nhau, dạy dỗ nhau như người cùng ruột thịt thì xã hội quốc gia đương nhiên an bình, dân tình được lạc nghiệp. (...) Được thanh trị nhờ chữ chánh: chánh tâm, chánh trực, chánh tín. Từ lớn chí nhỏ, từ quan chí dân, từ kẻ sĩ phu tới hàng cùng đinh mà được chánh thì lo gì không thanh trị an ninh, quốc gia cường thịnh, xã hội thanh bình. Đó không phải đạo đức là siêu chánh trị hay sao?

Người làm đạo đức là làm chánh trị trong tình thương, giáo dục và bảo tồn.”⁽¹⁰⁾

Đó là đạo đức ảnh hưởng đến vận mệnh của quốc gia.

Đạo đức cũng ảnh hưởng đến sự hưng vong của một tổ chức, nhất là đức của người lãnh đạo, bậc hướng đạo, quyết định phần lớn sự thành công của tổ chức. Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên đã có lần nhắc nhở các vị

hướng đạo trong Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam như sau:

“Trong tổ chức Nữ Chung Hòa cũng như tổ chức Cơ Quan, v.v... mỗi người một việc, nhưng người Tổng Lý, Chủ Tịch hay Hội Trưởng, v.v... có đức độ bao trùm cho tổ chức đó thì những nhân viên cộng sự có tài cán tổ chức hoạt động mới được vững vàng. Nếu bộ phận đầu não thiếu phước đức che chở, dầu các cộng sự có tài cũng không thể nào kết quả trọn vẹn vậy.”⁽¹¹⁾

Đạo đức của mỗi cá nhân cũng là yếu tố quyết định đối với thời vận của từng cá thể con người.

Địch Nhân Kiệt (630-700) làm quan đời nhà Đường bên Trung Hoa, có tài điều tra phá án.

Thuở còn trẻ, ra kinh thành dự thi, dọc đường Địch Nhân Kiệt ghé vào quán trọ nghỉ ngơi. Trong đêm có một phụ nữ trẻ đẹp đến gặp ông ở phòng ngủ, lả lơi quyến rũ. Nghĩ đến câu *Hoàng Thiên bất khả khi* (không thể lừa dối Trời), Nhân Kiệt bèn ứng khẩu bốn câu thơ cự tuyệt.

Hôm sau tại triều đình, vua Đường Thái Tông hỏi quân sư Lý Thuần Phong xem kỳ này ai đỗ trạng nguyên. Đạo sĩ Lý Thuần Phong về nhà làm lễ rồi xuất hồn lên Thiên Đình. Sau đó ông vào triều tâu rằng bảng trên trời ghi sáu chữ *Hỏa khuyến nhị nhân chi kiệt*

⁽¹⁰⁾ Minh Lý Thánh Hội, 14-01 Kỷ Dậu (02-3-1969).

⁽¹¹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 28-8 Mậu Thân (19-10-1968).

火犬二人之傑 và bên cạnh bảng cấm một lá cờ chép một bài thơ tứ tuyệt. Lý đạo sĩ đã chép bài thơ ấy, liền dâng lên vua. Vua sai niêm phong cất đi, chờ xem ứng nghiệm.

Khi Nhân Kiệt đỗ trạng nguyên vào triều bộ kiến, vua võ lễ sáu chữ trên bảng trời chính là họ tên ông, vì *hỏa khuyển* 火犬 ráp lại là *Địch* 狄; *nhị nhân* 二人 ráp lại là *Nhân* 仁; *kiệt* là *Kiệt* 傑. Vua hỏi chuyện Nhân Kiệt thì biết thêm bài thơ trên lá cờ chính là bốn câu ông ứng khẩu để cự tuyệt người đẹp.⁽¹²⁾

Câu chuyện này cho ta thấy người đạo đức thì gặp được thời vận may mắn hanh thông. Ngược lại, người làm việc thất đức thì vận may bị vượt mất khỏi tầm tay như anh học trò trong câu chuyện Con Lân Đá:

Anh học trò ngày kia đi học ngang qua đình làng, thấy con lân đá trước cổng đình đứng dậy chào. Anh học trò ngạc nhiên hỏi vì sao lân đá làm như vậy thì lân đá bảo vì trên Thiên Đình đã có bảng niêm yết tên anh học trò đỗ trạng nguyên trong khoa thi năm ấy.

Tối hôm đó, ngồi học bài dưới ánh trăng sáng, anh học trò ngẫm nghĩ: “Mai mốt mình đỗ trạng nguyên rồi sẽ cưới một cô vợ thật đẹp, còn cô vợ quê mùa xấu xí bấy lâu nay nuôi mình ăn học thì bỏ đi.”

Sáng hôm sau đi học ngang qua đình làng, anh học trò

không thấy con lân đá đứng dậy chào nữa nên hỏi lý do vì sao lại như vậy.

Lân đá trả lời rằng Thiên Đình đã xóa tên anh học trò trên bảng danh sách người thi đỗ trạng nguyên vì anh phạm tội bất nghĩa, bị Thiên Đình kết tội “nguyệt hạ phóng thê” (dưới trăng bỏ vợ).

Thế thì, chỉ cần một tư tưởng vô đạo đức thôi chứ chưa phải là hành động nhưng cũng đủ khiến cho thời vận may mắn vượt mất khỏi tầm tay.

Người có đức còn có thể thoát khỏi các nạn tai bất kỳ. My Trúc tự là Tử Trọng (mất năm 221) làm mưu sĩ dưới trướng của Lưu Bị (nhà Hán). Em gái ông (My phu nhân) là vợ của Lưu Bị.

Trước khi tham chính, My Trúc thường qua Lạc Dương buôn bán, nhà rất giàu có. Ngày kia, trong khi ngồi xe trở về bỗng gặp một phụ nữ tuyệt đẹp mặc áo đỏ rực đứng bên vệ đường ngoắc xin đi nhờ xe. Ông bước xuống đi bộ, nhường chỗ cho thiếu phụ. Mỹ nhân nâng nặc đòi ông lên ngồi chung, nếu không nàng sẽ xuống xe đi bộ. Ông đành lên xe ngồi cạnh người đẹp, rất ngay ngắn, mắt luôn nhìn thẳng về phía trước, không lợi dụng hoàn cảnh mà trêu hoa ghẹo nguyệt.

Xe đi được rất xa, thiếu phụ xin dừng lại, cảm ơn và cáo từ. Lúc ấy nàng nhìn ông chăm chăm rồi bảo: “Ta là bà Hỏa (Hỏa Đức Tinh Quân), hôm nay vâng lệnh tới đốt nhà của ông theo đúng nghiệp số. Thấy ông là chính

⁽¹²⁾ *Sống Đạo*, số 4 Đình Dâu (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2017), bài “Chú Giải Tiếng Chuông Chiều” của Huệ Khải.

nhân quân tử nên ta lộ bí mật cứu ông. Hãy mau về nhà chuyển hết gia sản ra ngoài. Đêm nay ta tới.” Dứt lời thiếu phụ biến mất.

My Trúc kinh sợ, vội phóng xe về làm theo lời dặn. Chiều tối hôm ấy, quả nhiên có lửa từ dưới bếp bốc lên, thiêu rụi nhà cửa, nhưng cửa cải thì đã cứu được.⁽¹³⁾

Đạo đức chẳng khác nào một năng lực có thể hóa giải được mọi tai nạn khổ ách. Người có đức dù trong hoàn cảnh hiểm nguy vẫn có thể được an toàn, chẳng những thế còn có thể chuyển hung thành cát, chuyển xấu thành tốt. Ngược lại, người kém đức, dù có chú trọng dùng phép phong thủy hay cúng vái thần linh cũng vô ích mà thôi. Người xưa bảo: *Tồn tâm bất thiện, phong thủy vô ích. Bất hiếu phụ mẫu, phụng thần vô ích*. Nghĩa là tâm còn bất thiện thì dùng phép phong thủy để mong được may mắn tốt lành cũng vô ích. Bất hiếu với cha mẹ thì thờ cúng thần linh cũng vô ích.

Kinh sách thường nói: “Đức trọng quý thần khâm”. Do đó bậc chơn tu đạo đức luôn luôn được sự phò trợ của Thiên Liêng và ma quỷ không dám làm hại. Thế nên, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

*“Bàn Tăng muốn lưu ý chữ **Thời** nơi đây là phải tu, phải học, phải hành đạo, lập công bồi đức. Hễ đức thịnh*

⁽¹³⁾ *Sống Đạo*, số 4 Đinh Dậu (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2017), bài “Chú Giải Tiếng Chuông Chiều” của Huệ Khải.

thì thời hưng, lẽ đương nhiên của trời đất là ở chỗ đó.”⁽¹⁴⁾

Dân tộc Việt Nam nói chung, hàng tín hữu Cao Đài nói riêng đang gặp được một thời vận rất lớn đó là được hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đại ân xá Kỳ Ba. Thời hạ nguơn mặt kiếp, nền văn minh vật chất của thế giới nhân loại phát triển đến mức cực thịnh nhưng song song bên cạnh đó là sự suy đồi của phong hóa đạo đức, môi trường thiên nhiên bị hủy hoại nghiêm trọng và nguy cơ chiến tranh thế giới vẫn cứ đang chờ chực để đẩy toàn nhân loại vào hố sâu tận diệt. Thế nên, Đức Chí Tôn Thượng Đế đã khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại đất nước Việt Nam và ban trao cho dân tộc Việt một sứ mạng quyền pháp đó là thúc đẩy các sở vật thực tại tôn giáo đang hiện hữu kết hợp thành một thực thể đạo cứu thế để xây dựng lại cõi thế gian thành một cõi thiên đàng thuần chánh. Đã có lần Đức Khương Thái Công so sánh sứ mạng của hàng môn đệ Cao Đài ngày nay với sứ mạng hưng Châu phạt Trụ của Ngài thuở xưa:

“Tình trạng hiện nay, từ đời đến đạo, dầu không đúng với cảnh Châu Trụ ngày xưa, nhưng có thể còn hơn như thế nữa.

Các sứ mạng Thượng Đế cho đến trần gian, là cả một vấn đề trọng đại trong hồi tái tạo dinh hoàn, lập thượng nguơn thánh đức, thì Lão khuyên, dầu gian lao nguy khổ cũng gắng công, và nghĩ rằng các sứ mạng còn hơn Lão

⁽¹⁴⁾ Minh Lý Thánh Hội, 04-11 Nhâm Tý (09-12-1972).

rất nhiều, không phải để binh trận mạc, không vào tử ra sanh, chỉ dụng đức cảm hóa muôn dân, đem tài phổ độ quần chúng, để hết tâm thành phục vụ chánh nghĩa, là được vẹn tròn sứ mạng. Nếu không làm được thì chẳng những đời đạo phải chịu biến chuyển chính nghiêng, mà các sứ mạng cũng phải chuyển luân lên xuống.”⁽¹⁵⁾

Thế nên, để có thể đảm đương được sứ mạng trọng đại mà Đức Chí Tôn Từ Phụ đã phó giao, hàng môn đệ Cao Đài cần phải tu thân lập đức cho dày. Thầy dạy:

“Một ngày tới đây, nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nơi này được nhơn vật khắp hoàn cầu sẽ đến cùng các con mà cầu Đạo, hỏi Đạo, nhưng các con chưa được mấy đứa đắc chứng chơn truyền. Nếu các con không làm được Thánh, khó mong hóa độ người người. Nếu đem tài đem sức mà tranh thì các con phải thua xa mọi người, làm sao mà cho họ phục? Nói tài nói sức thì các con phải thua xa, các con có hơn chẳng là nhờ đạo đức, mà đạo đức không trau dồi thì làm sao hoàn thành sứ mạng?”⁽¹⁶⁾

Đặc biệt, người nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo lại còn được ban trao một sứ mạng mà Đức Giáo Tông gọi là trọng đại và gian khổ, đó là sứ mạng thống nhất đạo Cao Đài bằng tinh thần qua phương tiện phổ thông phổ truyền giáo lý. Thế nên, hàng môn đệ Cao Đài nói chung và người nhân viên Cơ Quan Phổ Thông

Giáo Lý nói riêng, nếu không tu thân lập đức hay trau dồi tâm hạnh đức tài thì sẽ không đảm đương nổi sứ mạng, thời vận sẽ vượt mất khỏi tầm tay như anh học trò trong câu chuyện con lân đá. Sứ mạng sẽ được ban trao cho dân tộc khác hay nhóm người khác.

Tóm lại, đức thịnh thời hưng chính là một phương châm mà từ đời đến đạo, ai ai cũng cần phải ghi nhớ. Đạo đức của bậc lãnh đạo quốc gia và của nhân dân ảnh hưởng đến sự hưng vong của cả một dân tộc. Đạo đức của hàng lãnh đạo hay bậc hướng đạo quyết định sự thành công hay thất bại của một tổ chức hay giáo hội. Đạo đức của mỗi cá nhân quyết định vận mệnh của cá nhân ấy. Riêng hàng môn đệ Cao Đài và người nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý cần ý thức rằng mình đang gặp một thời vận có một không hai trong lịch sử nhân loại, đó là được làm người sứ đồ của Đức Thượng Đế trong nguơn hội cuối cùng này để cố gắng vươn lên, tu thân lập đức, trau dồi tâm hạnh đức tài hầu có thể đảm đương sứ mạng được ban trao. Nếu để bỏ qua cơ hội này, phải đến bảy trăm ngàn năm sau mới gặp lại một kỳ đại ân xá như ngày nay.

Sau cùng, chúng ta hãy cùng ghi nhớ lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư:

“Bần Tăng cảm mến chư đạo hữu lắm, chắc rằng chư đạo hữu cũng tin và hiểu được rằng mình nhờ có căn tu, có tiền phúc nên mới ngộ đạo sớm, và tuy trải qua mấy

⁽¹⁵⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 05-01 Bính Ngọ (25-01-1966).

⁽¹⁶⁾ Bác Nhã Tịnh Đường, 13-5 Giáp Dần (02-7-1974).

lúc thăng trầm chiến tranh ly loạn, đã biết bao nhiêu người tán gia vong mạng, mình còn sống sót trong cảnh an lành, được tu thân hành đạo, học đạo với Phật với Tiên. Nếu đại căn mới được thể. Hiểu như vậy, đừng khinh thường cái phàm nhân của mình, mà phải xem nó là sứ đồ của Thượng Đế. Mỗi lời nói, mỗi ý nghĩ, mỗi hành động phải là tượng trưng và đại diện cho Thượng Đế trước nhân sanh.”⁽¹⁷⁾

Xin cầu nguyện cho tất cả huynh tỷ đệ muội chúng ta luôn mạnh tiến trên bước đường tu công lập đức để cơ đạo được ngày một hưng thịnh hầu góp phần vào việc cải tạo và xây dựng cõi thế gian thành một cõi an lạc, hạnh phúc và tiến bộ văn minh.

DIỆU NGUYỄN

⁽¹⁷⁾ Minh Lý Thánh Hội, 04-11 Nhâm Tý (09-12-1972).

DÁNG MẸ

Bước ra gặp mẹ đầu hiên
Quay vào dáng mẹ nghiêng nghiêng ngoáy trầu
Xuống bếp thấy mẹ nhặt rau
Dạo quanh thương mẹ vườn sau đuổi gà
Hình bóng mẹ ở khắp nhà
Nhìn đâu cũng thể như là bên con.

VÕ VĂN PHO

XUÂN VỀ NHỚ BẠN

Mùa xuân này bạn có về chơi
Để lại cùng nhau tiếp chuyện đời
Chén rượu thềm xưa xin để đó
Cuộc cờ năm trước vẫn chưa thôi
Bể dâu mắc kệ hai màu tóc
Cơm áo nề chi mấy góc trời
Hào sảng giọng cười còn vắt lại
Trên cành mai cũ sắp khoe tươi.

NGUYỄN QUỐC HUÂN

KHÔNG ĐỀ

1. Ta rồi cũng như lá thôi
Một mai vàng rụng bên đồi phù vân
Được yêu và một giây gần
Cũng là quá đủ giữa nhân gian buồn.
2. Thân chuồn cánh mỏng lênh đênh
Đậu vào đâu cũng buồn tênh phận người
Cuộc trăm năm những khóc cười
Đôi bàn tay trắng ngậm ngùi tiễn nhau.

VÕ VĂN PHO

HOA ĐÀO NĂM TRƯỚC

LỘC ĐÌNH (1912-1984)

Hồi đó tôi học năm thứ ba hay thứ tư trường Bưởi (sau đổi tên là Chu Văn An), ăn Tết ở Phương Khê ⁽¹⁾ xong, trở về Hà Nội.

Chiếc xe đồ Mỹ Lâm từ Trung Hà xuống, đậu ở bến gần chợ Sơn Tây một hồi lâu rồi mới lại khởi hành, chạy một vòng chậm chậm trong thành phố để đón thêm khách. Trời lạnh, dân chúng còn ăn Tết, các cửa ngõ còn nửa khép nửa mở, vỉa hè còn vắng người và rải rác xác pháo.

Xe quẹo vào một con đường nhỏ nhưng sạch sẽ, trong một khu công chức, và ở sau một bức tường thấp, tôi thấy lộ lên một tàn đào lớn, thịnh khai,⁽²⁾ đỏ thắm. Xe vừa chạy tới thì một cánh cửa gỗ ở vách bức tường đó từ từ hé mở, một thiếu nữ trạc mười sáu mười bảy bước ra: vành khăn nhưng bao làn tóc đen nhánh làm nổi nước da trắng mịn, hồng hào; áo the điều, quần lãnh Bưởi. Tôi có cảm giác trời xuân bỗng nhiên bừng sáng. Xe vẫn chạy chậm chậm, và tôi quay lại nhìn cho tới khi khuất bóng, lòng hồi hộp mà băng khuâng.

Đạo Uyển chú:

⁽¹⁾ Làng Phương Khê, phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội).

⁽²⁾ **thịnh khai** 盛開: Đang nở rộ. | *Blooming; in full flower.*

Băng khuâng không phải chỉ riêng vì người mà vì toàn cảnh. Ánh xuân trong dịu, đường phố thanh tĩnh, màu câu đối dán bên cửa với màu áo trên mình thiếu nữ, nét mực tàu với vành khăn nhưng, nhất là màu hoa đào kia với nước da nọ, tất cả cùng hiện lên một lúc, hòa hợp với nhau một cách ngẫu nhiên mà tuyệt diệu. Chưa bao giờ tôi được thấy một cảnh xuân đẹp như vậy.

Chiếc xe đã ra khỏi thành phố, bon bon trên con đường Sơn Tây – Hà Nội, tôi ngâm thầm bài *Đề Tích Sở Kiến Xứ*.

*Khứ niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.*

Và tôi có cảm tưởng ngông ngông rằng thi sĩ như đã tặng riêng tôi bài đó, vì hiểu thơ thì ai cũng có thể hiểu được, mà muốn cảm xúc mãnh liệt thì phải thấy cái cảnh tả trong thơ, có cái tâm sự của người làm thơ. Cả một trời xuân và một tình xuân bàng bạc trong bốn câu của Thôi Hộ.

Từ đó, mặc dầu biết rằng cũng sẽ thất vọng như Thôi Hộ thôi,

*Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.*⁽³⁾

⁽³⁾ *Lộc Đình* chú: Bài này đã có nhiều người dịch, nhưng tôi chưa gặp bản nào như ý, cho nên không muốn chép lại. Chỉ có hai câu của Nguyễn Du là xứng với hai câu cuối trong

mà Tết nào, đi ngang qua tỉnh lỵ Sơn Tây, tôi cũng để ý tìm lại cảnh hoa đào năm trước.

Cảnh cũ, người cũ đã không sao cùng gặp lại được, thì thử kiếm cảnh khác, miễn là cũng đủ *đào hoa nhân diện*? Ở Hà Nội việc đó rất dễ. Từ hai mươi lăm tháng Chạp, suốt phố Hàng Đường tới cửa chợ Đồng Xuân như một rừng đào, cái cảnh “*hoa chi tự kiếm, kiếm như hoa*”.⁽⁴⁾

Đâu phải là hiếm, mà sao tôi vẫn không tìm lại được cảm giác cũ. Tôi nghĩ có lẽ tại đường phố náo nhiệt, mà hoa không còn trên gốc, thiếu vẻ thiên nhiên chẳng?

Có lần tôi lên tận làng Yên Phụ, thơ thẩn cả buổi trong các ngõ hẹp, lát gạch bên bờ Hồ Tây. Nơi đây còn vài ngôi đình chùa cổ, trong tiếng gió tiếng sóng như văng vẳng giọng ngâm thơ của Hồ Xuân Hương. Nhà nào cũng có vườn, tuy không rộng nhưng cũng trồng đủ giống hoa như làng Ngọc Hà, nhiều nhất là đào, đỏ ối mỗi khi xuân sang. Các thiếu nữ nửa quê nửa tỉnh, vừa tĩa vành vừa niềm nở chào khách, miệng tươi như hoa, nhưng lòng tôi chỉ vui vui chứ không xúc động; vẫn không phải cảnh sắc năm xưa. Thế thì thiếu cái gì đây? Tôi nghĩ không ra.

nguyên tác: *Trước sau nào thấy bóng người / Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.*

Ai có tài dịch thêm hai câu đầu cũng thành lục bát, để ghép lại cho đủ bài thì thú lắm. [Xem *Phụ Lục* cuối bài này.]

⁽⁴⁾ *Lộc Đình chú*: Thơ của một nữ sĩ đời Thanh: “*Cảnh hoa tựa má, má như hoa.*” [花枝似臉臉如花.]

Kể đó, tôi vô Nam và năm nào Tết đến cũng ngắm hoàng mai mà băng khuâng nhớ đào.

*

Rồi một hôm cách đây mười tám năm, vào đầu mùa mưa, đi ngang qua vườn một ẩn sĩ, thấy đẹp, tôi ghé vào thăm. Vườn nằm trên bờ một con kinh, ở vòng ngoài thành phố Long Xuyên, nổi tiếng vì có nhiều loại hồng quý từ Pháp gửi về.

Tôi vào tới giữa sân thì một thiếu nữ tươi cười bước ra chấp tay: “Thưa thầy.” Thiếu nữ vẻ thanh tú, ngừng lại bên một bụi hồng leo màu phơn phớt đỏ. Ánh nắng ban mai chiếu vào chùm hoa và phản ánh làm cho má thiếu nữ cũng ưng ứng. Tôi còn đương cố nhận mặt thì thiếu nữ đã nhắc giùm. Tôi hỏi thăm mấy câu rồi trầm ngâm dạo vườn một lát. Vườn trồng cả chục loài hoa, nhiều nhất là hồng, và hồng có cả chục giống; sương mai lấp lánh mà hương thơm ngào ngạt.

Thật thú vị, khi không cố ý tìm thì ngẫu nhiên gần như gặp lại cảnh cũ. Trong vài giây, lòng tôi lại xúc động như hồi trẻ ở Sơn Tây. Xúc động nhẹ thôi: trời hôm đó dịu nhưng không phải là trời xuân ngoài Bắc, mà hồng cũng không thể sánh với đào được. Có lẽ còn tại cái tuổi, cái tâm trạng của tôi nữa chẳng? Nhưng cũng là một phút đẹp trong đời, và ở vườn hồng ra, tôi lại ngâm thầm bài thơ của Thôi Hộ, nhớ lại tuổi xuân, cảm xúc triền miên, dịu dịu. [*Sài Gòn, Xuân Tân Hợi*]

PHỤ LỤC

TRUYỀN THUYẾT VỀ BÀI THƠ CỦA THÔI HỘ

Thôi Hộ 崔護 (772-846) tự Ân Công 殷功, người Bắc Lăng 博陵 đời Đường (nay là An Bình, Hà Bắc), đậu tiến sĩ năm 796, đến năm 829 giữ chức kinh triện doãn 京兆尹 không lâu thì thăng ngự sử đại phu 禦史大夫, rồi làm tiết độ sứ đất Lĩnh Nam 嶺南節度使.

Thôi Hộ nổi tiếng với bài thơ tứ tuyệt *Đề Đô Thành Nam Trang* 題都城南莊 (Đề thơ ở gia trang phía nam thành đô). Thành đô tức là kinh đô Tràng An đời Đường, nay là thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây. Bài thơ này còn có nhan đề là *Đề Tích Sở Kiến Xứ* 題昔所見處 (Ghi lại điều năm xưa nhìn thấy).

Bài thơ nổi tiếng khiến cho bá tánh giàu tưởng tượng truyền tụng câu chuyện (có lẽ là hư cấu) để giải thích nguyên do Thôi Hộ sáng tác bốn câu bất hủ.

Truyền rằng nhân dịp tiết Thanh Minh, Thôi Hộ dạo chơi phía nam kinh thành Tràng An, bắt gặp một vườn đào đang rộ hoa rất đẹp, bèn đến trước cổng vườn xin nước uống. Một thiếu nữ xinh đẹp ra mở cổng. Màu hồng hoa đào ánh lên màu hồng đôi má giai nhân khiến Thôi Hộ bàng hoàng. Uống nước xong, anh cảm ơn và ra

về mang theo hình bóng mỹ miều ấy trong tâm khảm.

Thanh Minh năm sau, anh trở lại vườn cũ mượn có xin nước uống nhưng không gặp được cố nhân. Buồn lòng, anh chàng viết ngay lên cổng bốn câu thơ rồi thiếu nữ ra về. Bài tứ tuyệt như sau:

去年今日此門中 Khứ niên kim nhật thử môn trung
人面桃花相映紅 Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
人面不知何處去 Nhân diện bất tri hà xứ khứ
桃花依舊笑東風 Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

Câu chót có dị bản là *xuân phong*.

Lê Thần Trần Trọng Kim (1883-1953) dịch:

*Hôm nay năm ngoái cửa cài
Hoa đào ánh với mặt người đỏ tươi
Mặt người chẳng biết đâu rồi
Hoa đào còn đỏ vẫn cười gió đông.*

Trở lại chuyện Thôi Hộ. Không lâu sau đó, vì nổi thất tình giày vò, anh quay lại chốn cũ nhằm lúc nhà ấy đang có chuyện đau buồn. Anh vào hỏi thăm thì biết người đẹp sau khi đọc thơ kẻ si tình đã ngã bệnh tương tư đến nỗi vừa mới qua đời, di thể còn nằm đó, như đang ngủ. Anh bèn quỳ xuống ngay bên giường, khóc thảm. Bỗngưng cô gái hồi tỉnh khiến mọi người vui mừng khôn xiết. Thế là Thôi Hộ và cô gái kết thành chồng vợ.

ĐẠO UYỄN

CỤ PHAN VÀ LÒNG DÂN

LỘC ĐÌNH

Vào khoảng 1925, làng tôi – làng Phương Khê – tỉnh Sơn Tây còn là một nơi lạc hậu nhất miền trung du Bắc Việt. Không có lấy một trường sơ học. Cả làng chỉ có mấy anh em tôi nhờ tổ tiên có nhà ở Hà Nội nên được học chữ Pháp, còn thì đều học trường các cụ đồ trong làng. May lắm được độ mười ông tổng lý biết đọc chữ quốc ngữ, chứ chưa chắc đã biết viết, mà đọc thì chắc cũng chậm lắm, nếu không phải đánh vần từng chữ và nếu có lục khắp làng thì cũng chỉ được vài cuốn *Kiều*, *Nhị Độ Mai* của nhà in Xuân Lan. Tôi không hiểu họ học vần quốc ngữ ở đâu, vì trường các cụ đồ không dạy mà cũng chẳng có một cuốn vần nào cả. Chắc họ cho cái chữ đó không cần phải học – văn tự hay gia phả đều dùng chữ Nho hết – và ai có muốn học chơi cho biết thì hỏi những người đã biết rồi, mỗi ngày một chút, mò riết rồi cũng ra.

Tôi sờ dĩ kể dài dòng như vậy để các bạn biết rằng dân làng tôi hồi đó quanh năm tuyệt nhiên không được đọc một tờ báo. Thấy thì họ có thấy: Những khi tôi ở Hà Nội về vẫn thường dùng báo cũ để gói đồ, nhưng chẳng ai đọc cả; mà cũng chẳng bao giờ có ai nhấc đem báo cũ về cho coi, có nhấc thì chỉ nhấc mua những thỏi mực tàu

và những ngọn bút lông thỏ ở các tiệm Trung Hoa phố Hàng Ngang hay Hàng Đào.

Vậy mà Tết năm đó vào tháng Giêng hay tháng Hai dương lịch 1926, tin “cụ Phan” [Bội Châu] bị bắt ở Trung Hoa, giải về giam ở Hỏa Lò (Hà Nội), rồi bị kết án tử hình, rồi toàn dân sôi nổi đòi ân xá cho cụ, v.v... dân làng tôi đều biết hết. Chắc chắn họ không đọc báo, có người nào đó xuống phủ, xuống tỉnh nghe đồn rồi về làng kể lại. Điều đó không có gì lạ. Điểm thích thú là trong mấy ngày Tết, lại nhà nào cũng nghe tiếng la lớn: “Cụ Phan!” Rồi tiếp theo là một tràng những tiếng cười ròn rã như tiếng pháo. Từ xóm Đình tới xóm Chùa, xóm Giếng, tới xóm Đồng Đỗ, đâu đâu cũng vang lên hai tiếng “Cụ Phan”.

Có gì đâu. Tết thì nhà nào ở quê Bắc chẳng đánh tam cúc như trong này đánh tứ sắc, và năm đó dân làng tôi gọi quân tướng điều ⁽¹⁾ là “Cụ Phan”. Một vài nhà hơi có học phân biệt tướng điều là cụ Phan Bội Châu, tướng đen ⁽²⁾ là cụ Phan Châu Trinh, nhưng đại đa số chỉ gọi tướng điều là Cụ Phan.

Đạo Uyển chú:

⁽¹⁾ *tướng điều*: Quân bài màu đỏ, cũng gọi *tướng ông*. Bộ bài tam cúc có ba mươi hai lá gồm mười sáu quân đỏ và mười sáu quân đen. Mỗi màu gồm một tướng, hai sĩ, hai tượng, hai xe, hai pháo, hai mã, năm tốt. Phổ biến ở miền Bắc nước ta, tam cúc không thể thiếu trong dịp Tết.

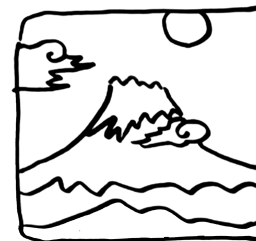
⁽²⁾ Cũng gọi *tướng bà*.

Tôi không biết mấy làng bên cạnh có gọi như vậy không, cũng không nhớ ở Hà Nội có gọi như vậy không, vì khi tôi xuôi Hà Nội học thì đã qua Tết rồi, không còn ai chơi tam cúc nữa. Nhưng tôi đoán rằng đó không phải là sáng kiến của riêng dân làng tôi; chắc nó phải đồng thời xuất hiện ở nhiều nơi trong nước, vì còn gì tự nhiên cho bằng dùng quân bài quý nhất, vô địch trong cỗ tam cúc để trở cộ Phan. Nó tự nhiên quá nên rất phổ biến, tới nỗi ngay các tổng lý – tôi không chê gì bà con của tôi, nhưng sự thực tôi phải nhận rằng họ chẳng hơn gì các ông Chánh, ông Phó trong các truyện *Việc Làng*, *Tắt Đèn* của Ngô Tất Tố là bao – cũng vui vẻ, hãnh diện có được một “Cộ Phan”. Và tôi nghĩ hồi đó giá có một tên “trành”⁽³⁾ nào bán nước mà ngồi vào chiếu tam cúc, khi hạ quân tướng điều xuống chiếu thì cũng vỗ đùi đến đét một cái mà cười ha hả: “Cộ Phan!”

Những ván bài tam cúc Tết đó quả là vui, vui nhất trong đời sống dân làng tôi.

LỘC ĐÌNH

⁽³⁾ *trành*: Theo truyền thuyết dân gian, người bị hổ (cọp) ăn thịt sẽ biến thành *ma trành* đi theo phục dịch chính con hổ đã sát hại mình. Từ truyền thuyết này, người Việt xem giặc Pháp hung ác là cọp dữ, và gọi những kẻ phản bội dân tộc, cộ cung tận tụy đi theo giặc Pháp làm tay sai cho quân xâm lược là *trành*.



MÂY VÀ NÚI

Một sớm dậy bồi hồi trông dáng núi
Thấy mây bay thơ thẩn rất vô tình
Và ta nữa cũng vô tình tự hỏi
Buồn vui chi sỏi đá cứ làm thinh.

Từ bỏ phố, ta tìm về với núi
Ngõ lên cao chực chạm cả bầu trời
Không thấy được trên đầu mây trắng lấm
Vượt đường xa mang hơi nước tự trùng khơi.

Ngàn năm trước, ngàn năm sau chắc vậy
Ta loay hoay vì dáng núi đa chiều
Mây thì mãi thiên hình vạn trạng
Ta đứng phía nào thấy núi cũng liêu xiêu.

Cao và thấp dòng sinh sôi hít thở
Ấp iu nhau non nước hóa vì nhau
Không vì thấp mây xòa che chỏm núi
Không vì cao nên núi tự cúi đầu.

NGUYỄN QUỐC HUÂN

CANH HIẾU

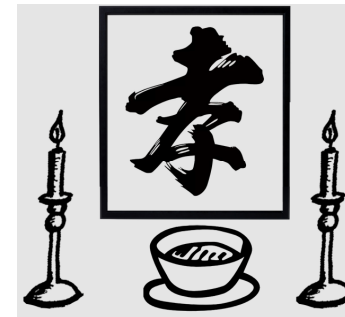
NHƯ KHÔNG ĐẶNG CÔNG TẠO

Hồi tôi còn nhỏ lười tắm, chín tuổi, lần nào giỗ bên nội bên ngoại, tôi đều được ăn món canh mướp khía nấu bún với thịt cá lóc rửa bỏ xương. Tuy cũng biết ngon nhưng là con nít, tôi không lưu tâm.

Mấy chục năm chiến tranh không về quê cúng ông bà lần nào. Hòa bình, cũng vừa lớn khôn, tôi trở về giỗ ngoại, lại thấy tô canh mướp nấu bún ngày xưa. Đem thắc mắc hỏi mẹ, mẹ nói không biết, từ khi về làm dâu đã có lệ rồi, giỗ ông bà có thể không có thịt heo thịt gà vịt, nhưng không thể thiếu tô canh mướp khía nấu bún cá lóc rửa xương này. Cậu nghe, suy nghĩ hồi lâu mới kêu tôi ra bàn trà ngồi rồi từ từ cắt nghĩa:

“Cha mẹ già ăn uống khó khăn, nhiều khi nuốt cơm không trôi. Thỉnh thoảng con cái đi chợ sớm mua vài đồng bún, nấu canh thả vô cho cha mẹ dễ nuốt thay cơm. Bún phải nấu canh chó không ăn như bún riêu, bún chả giò vì sẽ làm lạnh bụng. Cá lóc mương vườn dễ kiếm, thịt hiền mà bổ nhưng phải rửa hết xương kéo cha mẹ mất xương. Mướp khía hơi khó trồng hơn mướp hương, nhưng mướp hương thơm mà độc, người già ăn hay bị linh bình, nên nhà còn cha mẹ già, sau vườn cần trồng vài dây mướp khía.

Gọt vỏ mướp khía lâu hơn gọt vỏ mướp hương, ngồi gọt vỏ mướp mới có thời gian nghiền ngẫm công cha mẹ cực khổ nuôi mình. Bí rợ, bí đao khó trồng, không phải nhà nào, mùa nào cũng có. Bầu mát quá cha mẹ ăn khó tiêu. Rau cải ăn phải nhai. Mướp xắt nhỏ cha mẹ già không còn răng thì nuốt trộng. Hát ru con: ‘Ví dầu câu cá nấu canh, để tiêu cho ngọt để hành cho thơm.’ Nhưng nấu canh cha mẹ ăn nêm hành thì được chó không để tiêu, cha mẹ ăn bị sặc. Như vậy tô canh mướp này chính là tô canh hiếu.



“Trong chữ hiếu 孝 ở dưới có chữ tử 子. Hiếu nói dễ hiểu là việc làm con. Hồi xưa đám giỗ ở vườn, không riêng dòng họ mình, nhà nào cũng thấy cúng món canh này, mộc mạc dễ làm dễ kiếm. Cúng xong đem xuống già trẻ gì ăn cũng nên. Nấu cúng lên bàn thờ để nhớ những ngày gần đất xa trời, cha mẹ được con cho ăn canh này hay khen ngon lại thấy khỏe trong mình, ngủ được. Lâu ngày không ai cắt nghĩa rồi từ từ bị lãng quên. Mẹ làm theo thói quen chó không nhớ tích. Bữa nay con không

hỏi cậu cũng không còn nhớ mà nhắc cho tụi con. Cậu tuy hơn bảy mươi nhưng chưa đến nỗi cần ăn canh mướp khía nấu bún cá lóc rửa xương, nên không đòi hỏi con cái cực lo cho mình. Một năm vài cái giỗ, ăn được vài lần cũng thấy ngon rồi. Mướp khía hơi kén trồng, bán ít ngọy giá nên càng ngày càng khó kiếm giống. Chắc hết đời cậu mợ thì tô canh này cũng chấm dứt trên bàn thờ. Cúng hay không cha mẹ đâu có đòi, có điều nếu mình để nó mai một thì không biết lấy cái gì thế vô để nhắc nhở lòng hiếu thảo cho con cháu biết mà sống cho phải đạo.

“Canh mướp mà kêu bằng *canh hiếu* nhiều khi cũng khó nói được cho người ta tin.”

NHU' KHÔNG Đ. C. T.
(HỒ CÔNG TRƯỜNG)

BÀI CÚ

1.
Mưa xây thành
Tâm và cảnh đối thoại
Giọt nắng trôi.

2.
Gió lách qua khe cửa
Căn phòng vang trong ngoài
Bài ca tự do.

3.
Chuông chiều ngân
Lấn trong bụi phố lan xa
Chiếc lá nhẹ buông.

4.
Cánh hoa tàn
Thay đổi nỗi đau
Phục sinh.

VÕ VĂN PHO

XUÂN TIỀN BẠN

Nắng xuân lướt qua hồn kẻ sĩ
Không rượu mời nhau một chén trà
Uống để mà thương đời lận đận
Khắp trời đâu chỉ có đôi ta

Ừ thì tương phùng đành có thể
Mai này mỗi đứa lại mỗi phương
Ai ngâm tống biệt buồn ray rút
Ai vỗ bàn ca khúc vô thường

Không rượu không trà xuân vẫn đến
Đất trời nào có nệ chi đâu
Cây vẫn cứ xanh hoa cứ nở
Chỉ tội hai ta tóc đổi màu

Bạn đi ta đứng nhìn bóng nắng
Một chút mứt gừng thoảng hương đưa
Không cầm được bạn cầm được tết
Thì có cần chi sớm với trưa

Nắng xuân lướt qua hồn kẻ sĩ
Chỉ có thơ văn trói buộc nhau
Tương phùng ngăn ngủ rồi tương biệt
Tết đến hề tay vỗ bụng rau.

TRẦN DÃ SƠN

TÔI HỌC TIỂU HỌC NHỮNG NĂM 50-60 THẾ KỶ TRƯỚC

NHƯ KHÔNG ĐẶNG CÔNG TẠO

Năm 1957 tôi bắt đầu học tiểu học. Ngày học hai buổi, nghỉ Thứ Năm và Chủ Nhật.

Trừ đô thị lớn, mỗi tỉnh lỵ, quận lỵ thường chỉ có một trường nam tiểu học và một trường nữ tiểu học gọi là trường Nam Tiểu Học Tỉnh Lỵ, trường Nữ Tiểu Học Tỉnh Lỵ.

Cấp xã có trường sơ cấp, thí dụ ở quê tôi là trường Sơ Cấp Phú An dạy từ lớp Năm đến hết lớp Ba. Năm 1960 tôi phải ra quận Cái Bè (tỉnh Định Tường, nay là tỉnh Tiền Giang) thi lên lớp Nhì.

Trường quận có số lớp con gái ít hơn con trai nên không lập riêng trường nam nữ mà chỉ có trường tiểu học (trường Tiểu Học Quận Cái Bè), rồi chia ra khu lớp nam, lớp nữ. Lý do phần lớn con gái ở xã cha mẹ chỉ cho học hết lớp Ba, vì từ xã ra quận học không phải gia đình nào ở nông thôn cũng lo nổi cho con.

Hồi đó, bốn năm giờ sáng má tôi dậy nấu cơm rồi cho vô “gào mên” (cặp lồng, cà mên), tôi lên xe đồ đi ra Cái Bè giá 1\$ (một đồng) cho một chuyến. Trưa ăn cơm, uống nước “vòi” xong lang thang chơi trong sân trường

chờ vô học buổi chiều, rồi lên xe đồ trở về xã Phú An cách quận chừng năm cây số.

Khoảng 1960 trở về sau, các xã mới dần dần có lớp Nhì, lớp Nhứt.

Năm 1963 nhà tôi về Vĩnh Long.

*

Dưới đây là vài ký ức mà tôi còn nhớ.

Học trường tỉnh lỵ phải mặc đồng phục.

Con trai quần cụt đen, áo sơ mi trắng ngắn tay, nhốt vạt vào quần. Đa số chân đất, con nhà khá giả mang dép kẹp, giày xăng đan, quần sọt chéo quai trước ngực, để đầu trần hay đội nón lá buông, nón rơm, nón vải tai bèo.

Con gái quần dài đen, áo trắng tay cúp. Lớp nhỏ như lớp Năm, lớp Tư thì quần cụt, ống dún dây thun bó đùi chớ không để rộng như con trai. Đi chân đất hay guốc vòng. Đội nón lá buông, nón vải tai bèo. Tóc để dài, kẹp ba lá hay cột đuôi gà. Tóc trán kẹp xẹt. Nhưng đa số con gái vẫn hót bôm bê.

Lau mặt lau mũi gì cũng dùng vạt áo, chưa biết dùng khăn tay mà hồi đó còn gọi là mù soa, là hàng sang, của người lớn.

Học trò trường tỉnh lỵ hầu hết nhà ở vòng vòng trong vành đai tỉnh lỵ nên tan học đi bộ về nhà, hiếm hoi có người đưa rước như con nhà giàu.

Ở làng quê học trò ít oi, dấu ấn lớp học ông đồ còn sót lại, nên khi ôm cặp đi học mà gặp bất kỳ người lớn nào thì cũng lột nón, khoanh tay cúi đầu. Người lớn xoa đầu khen.

Trên đường phố chợ, bất cứ thầy giáo nào thấy học trò đi lộn xộn, trứng giỡn đều có quyền đứng lại rầy la, thậm chí ghi tên học lớp nào. Có thể thầy ghi cho sợ thôi. Mà sợ thật, sợ xanh mặt, cho nên đi ngoài đường hễ thấy thầy giáo, trò nào cũng tề chỉnh lại. Gặp thầy dạy mình càng khiếp hơn, tự giác khoanh tay cúi đầu một cách máy móc mà không biết thầy có thấy mình hay không.

Trò nào chữ đẹp, ngoan, Chủ Nhật cuối tháng thầy mượn đến nhà tiếp thầy cộng sổ điểm. Trò nào tiện đường, thầy mượn ôm tiếp tập làm văn của học trò thầy đem về nhà chấm... Những việc đó là niềm vinh hạnh lớn cho đứa trẻ.

Trong lớp xưng hô “trò, tui”, hiếm khi dám “mày, tao”. Nói tục, phạm húy thầy là những lỗi khá nặng. Không có thói chửi thề nơi trường học.

Thời khóa biểu đầu giờ sáng Thứ Hai học đức dục, Thứ Ba học công dân giáo dục. Thầy giảng xong, cho chép bài toát yếu ngắn gọn về học thuộc lòng để trả bài. Môn sử ký học Thứ Ba và Thứ Sáu. Thầy giảng như kể chuyện đời xưa, gương mặt diễn cảm và tay chân ra điệu bộ. Học trò im phắc say mê nghe. Gần như trò nào cũng mê và trông chờ tới giờ sử ký. Hình như các thầy

có cảm xúc nhất khi dạy sử ký. Môn sử thường học cuối giờ, liền sau môn toán khá căng thẳng.

Bài toát yếu trên bảng cho học trò chép thường do thầy viết. Đây cũng là một cách luyện chính tả. Lên trả bài trôi chảy phần toát yếu thì được sáu điểm. Vở sạch đẹp được bảy điểm. Trả lời tốt ngoài phần toát yếu, chứng tỏ có nghe giảng thì được tám điểm. Không có điểm chín, mười, trừ môn viết chính tả.

Ai có đọc *Hương Rừng Cà Mau* của Sơn Nam ắt gặp bài *Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư*. Bác Sơn Nam kể lại câu chuyện hai người dung, một ký giả, một nông dân, trang lứa, gặp nhau ở giữa rừng Cà Mau, nằm sáng đêm trong mùng luân phiên đọc lâu lâu những bài toát yếu mình học hồi xưa. Thật vậy, nhiều bài toát yếu tâm đắc, những câu cách ngôn... có khi theo suốt cả đời người.

Thầy đọc cho viết chính tả. Một học trò tốt giọng, chuẩn giọng, được thầy chỉ định đọc lặp lại. Tập đọc là môn khó ăn điểm nhất. Đọc to, có dừng ở dấu chấm, dấu phết. Dấu chấm dừng lâu hơn dấu phết một chút. Trò nào phát âm chuẩn chỉ được sáu điểm. Đọc diễn cảm lắm mới được bảy điểm. Đọc trả bài, đọc viết chính tả cũng là luyện phát âm, cho nên dù chỉ mới đến lớp Ba, lớp Nhì, mới chín, mười tuổi, đa số học trò hồi đó đã khá chuẩn giọng các âm OI, AI, OAI, v.v...(1) Lên lớp

Đạo Uyển chú thích:

(1) Thí dụ, để tập cho trẻ hai âm AI/OAI, sách giáo khoa tiểu

Nhút đã chuẩn giọng SÔNG/XÔNG, GÌ/VÌ/DÌ, QUY/HUY/UY, v.v...

Tập vở chỉ có ba cuốn. Lớp Năm, lớp Tư còn dùng tập kẻ hàng đôi 32 trang, 50 trang. Lớp Nhì, lớp Nhút dùng tập 100 trang. Một cuốn “Tập bài làm” gồm làm toán, viết ám tả (về sau gọi là chính tả), tập viết, tập vẽ, thủ công. Một cuốn “Tập làm văn”. Một cuốn “Tập bài học” để chép tất cả bài toát yếu: đức dục, công dân giáo dục, sử ký, địa dư (địa lý), vệ sinh, quan sát (về sau gọi là thường thức), ám đọc (để học trò làm quen với văn vần), ngữ vựng, văn phạm (ngữ pháp).

Học trò không có sách riêng, trừ lớp Năm có cuốn vần quốc ngữ. Trường làng học trò nghèo có khi không có cả cuốn vần, chỉ có tấm bảng đá có cái gối lau tòn ten, và cục phấn. Nửa năm sau mới thêm cây viết chì, cục gồm (cục tẩy) và cuốn tập hàng đôi 32 trang.

Hai cuốn *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* do Nha Học Chính Đông Pháp xuất bản năm 1935 lúc này không còn sử dụng, vài thầy dùng làm sách tham khảo, dạy bổ sung, có vẻ như một niềm hoài cổ. Từ 1962-1963 lớp Nhút phải mua thêm sách Tập Đọc vậy mà cũng là áp lực tiền bạc cho học sinh nhà nghèo.

Viết bằng ngòi viết lá tre, lá hẹ chấm vô bình mực do

học dạy mấy câu lục bát ngộ nghĩnh, dễ nhớ: *Mẹ tôi đi chợ đường trong / Mua một cây mía vừa cong vừa dài / Mẹ tôi đi chợ đường ngoài / Mua một cây mía vừa dài vừa cong.*

học trò tự pha chế từ mực viên, để vào lon cà sốt có quay xách tòn ten. Bàn học trong lớp trước mặt mỗi trò có cái lỗ tròn khoét lõm là nơi để bình mực cho khỏi đổ. Khoảng 1963 mới có loại bình mực không đổ bằng nhựa cứng. Con nhà giàu vô lớp lo le cây viết máy Parker coi chừng bị khẻ tay. Viết chì để tập vẽ và sửa lỗi chính tả. Thước gỗ dài hai hoặc ba tấc, mặt cắt vuông, mỗi cạnh một phân. Lớp Nhút thêm cây com-pa cũng bằng gỗ.

Giờ cuối chiều Thứ Bảy học hát, tập thể dục, trò chơi cộng đồng. Những bài hát *Bạch Đằng Giang*, *Nước Non Lam Sơn*... theo chân biết bao đứa học trò lớn lên rồi trải đều khắp những nẻo đường đất nước.

Cặp học trò đa số là cặp đệm bàng dẹt bằng cỏ lác khô hay cỏ bàng, có hai ngăn, một bên để mấy cuốn tập trong có tờ giấy chặm (giấy thấm), một bên để tấm bảng đá có cột thêm cái gối lau, phấn trắng, bút mực, bút chì, cục gồm, cây thước.

Hình ảnh tiêu biểu của em học trò thời đó là tay ôm cặp, tay xách bình mực, đầu đội nón rơm. Con nhà giàu xài cặp da bò thuộc màu vàng, dày cui, có quay xách, đầu đội nón nỉ.

Cặp đệm bàng mới mua về có bà mẹ cẩn thận may vài viền thêm quanh mép và nếp gấp để xài cho bền. Trò nào tánh kỹ xài được vài năm. Về sau cặp có quai đeo trông qua vai.

Những năm 1956-1963 học trò nhà nghèo sáng đi học

má cho một đồng hay năm cắc ăn sáng. Năm cắc ăn sáng được nửa ổ bánh mì chan nước sốt, hay củ khoai mì, vài củ khoai lang, gói xôi nhỏ... Vậy mà cũng có trò hư đem đổi lấy một ru by bằng nhôm để chơi chọi đáo. Lỡ thua phải nhịn đói học hết buổi sáng, mặt mày tái xanh, bụng dạ đau mà học hành. Đó là những trò học tệ trong lớp.

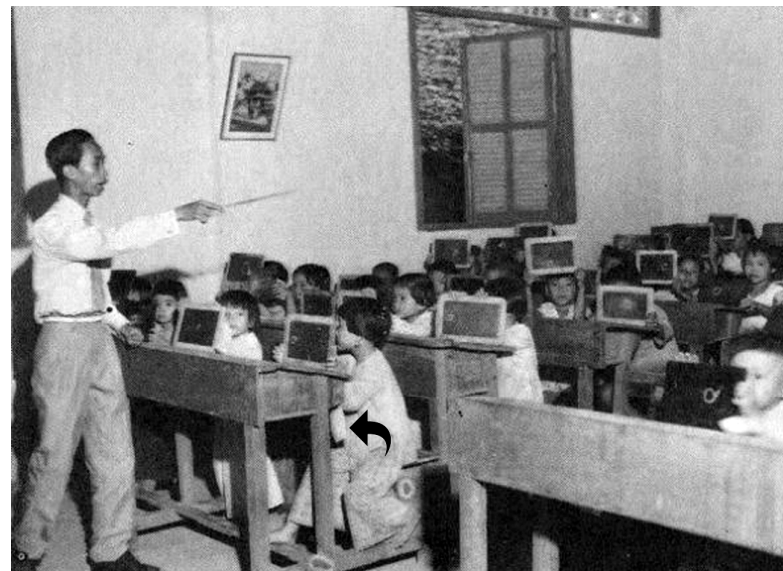
Buổi chiều chỉ được năm cắc để uống nước lúc ra chơi. Người bán nước đá bào, khi nghe trống ra chơi liền thoăn thoắt bào sẵn một thau, bào bằng bàn bào gỗ gắn lưỡi thép, có gắn bốn cái chân. Đá bào nhận vô khuôn bằng cái ly nhựa cắt thủng đáy, lấy ra xịt xi rô, học trò phải ngửa cổ mà nút.

Vì lúc đó chưa có lớp Mẫu Giáo, cứ bảy tuổi vô lớp Năm, thì mười một, mười hai tuổi là xong chương trình tiểu học (hết lớp Nhứt), được thi tiểu học. Đậu tiểu học mới được thi đệ thất (lớp Sáu ngày nay).

Năm 1963, Bộ Quốc Gia Giáo Dục (ở miền Nam) bỏ thi tiểu học cho học trò lớp Nhứt, chỉ lấy điểm trung bình hai kỳ thi đệ nhứt và đệ nhị lục cá nguyệt mà cấp “Chứng chỉ tiểu học”. Hai kỳ thi đệ nhứt, đệ nhị lục cá nguyệt thuở ấy rất nghiêm túc, các lớp đổi thầy coi thi.

Kỳ thi tiểu học chỉ còn dành cho học sinh trường tư, quân nhân, cảnh sát, tư chức, người lao động.⁽²⁾

⁽²⁾ Một số công chức chưa có bằng tiểu học cũng phải thi tiểu học để bổ túc hồ sơ hành chánh.



Một lớp tiểu học ở miền Nam vào năm 1961. Học trò dùng bảng đá có khung gỗ. Góc bảng treo cái gổ nhỏ dòn gòn để lau bảng (mũi tên ◀ trong ảnh). Ảnh tài liệu.



Hai quyển sách lớp Nhứt (thập niên 1960) do giáo chức soạn, tư nhân xuất bản.

Có bằng tiểu học có thể làm tư chức, đả tự viên (nhân viên đánh máy chữ), long tong (tùy phái hay còn gọi là “tổng thư văn”)...

Thi tiểu học và thi đệ thất theo hình thức thi viết gồm ba môn: Bài luận văn; hai bài toán (thường là một trung bình, một khó, mỗi bài làm đúng được năm điểm); năm câu hỏi thường thức gồm sử ký, địa lý, công dân, vệ sinh, quan sát (khoa học), mỗi câu được tối đa hai điểm. Thi tiểu học đủ điểm sàn thì đậu, thi đệ thất thì thi tuyển, vì trung học công lập nhận học sinh có hạn.⁽³⁾ Rớt đệ thất trở về trường cũ thi lại vào lớp Tiếp Liên chờ năm sau thi lại đệ thất. lớp Tiếp Liên chỉ học ba môn đã thi.⁽⁴⁾

Kỳ thi đệ thất là khúc quanh ngặt nghèo, là thử thách đầu tiên của tuổi học trò non dại. Thi rớt thì cha mẹ phải lo tiền cho học trường bán công, tư thực. Nghèo quá thì nghỉ học, trôi theo dòng đời cơm áo ngược xuôi.

Trung học công lập mỗi tỉnh chỉ có một trường, thí dụ Phan Thanh Giản (Cần Thơ), Thoại Ngọc Hầu (Long Xuyên), Nguyễn Đình Chiểu (Mỹ Tho), Tống Phước Hiệp (Vĩnh Long), v.v... cho nên biết bao nhiêu học trò xã, quận sớm chia tay với mái trường khi học hết tiểu học, tuổi đời mới mười một, mười hai.

⁽³⁾ Cho nên thi đệ thất còn khó hơn thi tú tài, vì thi tú tài không phải là thi tuyển, hễ đủ điểm trung bình thì đậu.

⁽⁴⁾ Giữa thập niên 1960 đã bãi bỏ lớp Tiếp Liên.

*

Năm mươi năm không là dài lắm so với tiến trình văn hóa một dân tộc. Vậy mà sự học đã bước những bước không ngừng cho đến ngày nay. Nhờ vậy đã có biết bao nhân tài lớn lên từ cái cặp đũa bàm, từ ngòi viết lá tre. Và cũng thương làm sao nhiều số phận phải đành đứng lại nhìn người khác vượt qua đời mình.

Dù số phận nào, những người nay quá lục tuần, hỏi ra, gần như đều có một cái chung là hình ảnh ông thầy nghiêm nghị với cây roi mây trên tay mà nếu có dịp nhắc lại không ai dám buông một lời vô ơn bất kính.

NHƯ KHÔNG ĐẶNG CÔNG TẠO

Vĩnh Long 2011

► Trẻ phải được dạy cho biết cách suy nghĩ chứ không phải là suy nghĩ cái gì. / *Children must be taught how to think, not what to think.*

MARGARET MEAD (1901-1978, người Mỹ, nhà nhân học văn hóa – *cultural anthropologist*)

► Một đứa trẻ bị giáo dục sai lầm là đứa trẻ bị mất đi. / *A child miseducated is a child lost.*

JOHN F. KENNEDY (1917-1963, tổng thống thứ ba mươi lăm của Hoa Kỳ)

TÌNH TRẦM

Ta biết người vẫn còn nhớ lắm
Gió heo may và khoảng trời thu
Chiếc lá rơi gợi vàng ký ức
Tình xa xăm nên lãng đãng sa mù.

Ta biết người chưa hề quên được
Con đường trắng cùng ai đã cầm tay
Đời dâu bể biết đâu hẹn ước
Đi bên nhau mà chẳng dám tỏ bày.

Rồi buông tay người về phương ấy
Thăm thẳm trắng, thăm thẳm trùng dương
Ta phương này nín thu hoài niệm
Vần thơ buồn mãi nhuôm nhuộm khói sương.

VÕ VĂN PHO

KHÔNG ĐỀ

Ta vẫn bốn mùa qua lối cũ
Sáng chiều đi mòn vẹt bước mong người
Và thăm gọi dấu yêu ơi khăn cổ
Người ở đâu sao không thấy trả lời!

VÕ VĂN PHO

CHÁU VỀ

Bao năm lần lửa không về
Nghĩ đâu thì cũng là quê hương mà
Chăm cây cây sẽ cho hoa
Vì đời đời sẽ cho ta ngọt ngào

Cau non kẹp nắng phơi rào
Tay bà gói cả xuân vào trầu têm
Lạnh lòng nhai cái lặng im
Vắng con xa cháu khó tìm nguồn vui

Niên cơm đầy ắp ngậm ngùi
Ngon canh thơm cá chảng nguôi ngoai lòng
Ghét thương đem giấu vào trong
Ngọt ngào cả những điều không ngọt ngào

Phải vì nhau để còn nhau
Tựa nương nắm nín qua cầu gieo neo
Coi trầu bé tẹo tèo tèo
Cay nồng cứ mãi lớn theo tuổi bà

Cháu về bà đã đi xa
Vòng khoai úa rữ vuông cà xác xơ
Cải dưa ngồng cổ chực chờ
Hoa cau cúi mặt như cờ chịu tang

PHAN THÀNH MINH

Công Giáo Và Dân Tộc, số 2130 (03-11-2017)

NHỮNG GÁNH HÁT XƯA

KHA TIỆM LY

Quê tôi thời ấy (1955) thường dùng từ gánh hát thay vì đoàn hát như bây giờ. Mỗi lần đi lưu diễn, ngoài cỗ xe bò để chở phong màn và gia đình ông bầu, các nhân viên, đào kép đều phải tự gồng gánh hành lý của mình lục tục theo sau. Có phải vì vậy mà gọi là gánh hát chăng?

Sau năm 1954, nguồn giải trí tinh thần của bà con chẳng có gì. Muốn đọc báo thì phải nhờ đồ dọc từ quận, ngày một chuyến lên tận tỉnh mua giùm, nhưng hầu hết người dân ký tên đều bằng dấu thập nguyệt ngoặc thì mấy ai đọc được báo. Radio thì cả làng chưa ai có, nên nguồn giải trí duy nhất là những gánh hát mà lâu lâu mới đến một lần.

Gánh hát xưa có hai dạng. Dạng thứ nhất là hát bội. Với hát bội, dù gánh có tên đảng hoàng nhưng không ai gọi cả, họ chỉ gọi tên ông bầu của gánh đó mà thôi: gánh bầu Bời, gánh bầu Trình... Dạng thứ hai là cải lương. Với cải lương, không biết sao người ta lại gọi tên gánh hát mà không gọi tên ông bầu: gánh Kiếp Bướm, gánh Điền Viên... Có thể kể thêm một dạng nữa là hát bội pha cải lương, nhưng dạng này khán giả quê tôi không ưa chuộng, vì: “Thà hát bội ra hát bội, cải lương ra cải

lương, chớ vừa hát bội vừa cải lương nghe nó tréo ngoe!” Các cụ bảo thế.

Dù dạng nào, tùy theo gánh hát nhỏ, lớn mà chọn nhà lồng chợ hay đình làng để trình diễn. Khi vừa tới địa điểm, một bộ phận lo việc thiết lập sân khấu, phong màn, và lấy vải bạt bao quanh nhà lồng chợ (hay đình làng) để phân cách không gian “rap hát” với bên ngoài, tiện việc kiểm soát, bán vé.

Bộ phận thứ hai không kém quan trọng là bộ phận rao bảng. Rao bảng nghĩa là báo cho người trong làng biết hôm nay có gánh hát đến và đêm nay diễn tuồng gì. Bộ phận này mượn một cỗ xe ngựa, hai bên hông và sau xe có vẽ hình ấn tượng nhất của nội dung tuồng hát diễn đêm đó. Trên xe để một trống chầu, có một hay hai người đánh liên tục từng ba dùi một (Thùng! Thùng! Thùng!) suốt từ đầu làng đến cuối làng. Vì ngựa chạy chậm nên sau xe là lũ con nít chúng tôi tự nguyện chạy theo chơi. Với gánh hát nhỏ như bầu Bời, bầu Trình, thì chỉ cần để trống trước cửa “rap”, lũ trẻ tranh nhau mà đánh (cũng từng ba dùi một). Ấu cũng là cách tiết kiệm chi phí vậy.

Mỗi lần gánh hát về làng thì y như ngày hội. Coi hát cũng nhiều mà đi chơi cũng không ít. Một trong những động lực này là nam nữ được dịp hẹn hò nhau. Đội quân bán hàng theo thời vụ hoạt động cũng xôm trò, dù chỉ là mía chặt khúc, đậu phộng nấu... Nước đá xi rô, nước đá

nhận ⁽¹⁾ là món hàng đặc biệt nhất, vì ngày thường không hề có, ngay cả lúc tiệc tùng.

Với những gánh cái lương thì có bán vé hẳn hoi nhưng với hát bội thì không, mà bà bầu và vài người thân tín đứng ở cửa thu tiền. Giá cũng không nhất định. Những đêm đầu người coi đông thì người lớn năm đồng, trẻ em ba đồng. Những ngày cuối giá có hạ hơn. Chỉ vì không bán vé mà thường xuyên xảy ra việc kỳ kèo trả giá khá buồn cười: “Một đứa ba đồng, hai đứa ăn năm đồng thôi, được không?” Lại có nhiều trự lợi dụng lúc chen lấn mà lén vào không trả tiền; đôi khi cũng được trót lọt, nhưng phần đông bị nắm lỗ tai, nắm tóc kéo ra. Tương tự, cũng có trự giở vải bạt lén chui vào, và hậu quả cũng giống trường hợp trên.

Đêm cuối cùng đại hạ giá, có khi chỉ còn phân nửa. Thế mà cũng chẳng ai coi, vì không ai có tiền mà coi hoài. Hơn nữa, bởi việc đồng áng họ cần phải được nghỉ ngơi dưỡng sức. Khi đó trong “rạp” toàn là khán giả nhí mà cũng chẳng được bao nhiêu. Chúng vào coi là coi đào kép, trang phục, đánh thương đánh kiếm, chứ hát bội thường “hát chữ Nho” thì có hiểu gì đâu mà coi. Có hiểu chẳng là một vài câu thông dụng: *Tróc mã đề thương, ư ư ư...* hay những câu tên quân trành báo:

- *Cấp báo! Cấp báo!*

⁽¹⁾ *nước đá nhận*: Nước đá bào được nén chặt trong ly nhựa, xịt chút xi rô, rồi trút ra bán cho trẻ con mút. [Văn Uyển chú]

- *Điều chi?*

- *Dạ, chí nguy thậm chí nguy! Giặc Hung Nô vượt khỏi biên thù. Ta, dũng tướng thấy đều tử trận...*

- *Lui! Thôi rồi!...*

Ồ e í e...

Không gánh nào có ghế cho khán giả ngồi; muốn ngồi ghế thì phải mang theo. Ánh sáng thì nhờ vào cái đèn măng-xông treo một bên sân khấu. Với gánh cái lương thì sang hơn, họ có máy đèn riêng, để đến lúc hai đối thủ đánh phép “Hô biến!”, đèn vụt tắt, lập tức bên sau phong màn trắng, khán giả thấy các bảo bối đấu nhau quyết liệt. Đây là màn ăn khách nhất. Ngoài ra, nhờ có máy đèn mà có cảnh phụt đèn màu sau khi đào kép xuống “hò” (câu 1, câu 5), làm giọng ca thêm mùi, thêm lâm ly tình tứ hơn, khiến nhiều tiếng vỗ tay, nhiều tiếng tắc lưỡi ngợi khen.

Về dàn nhạc, tùy theo cái lương hay hát bội mà có đờn nguyệt, đờn gáo, đờn cò, ghi ta, và trống. Mọi thứ cũ mèm, sử dụng là quý thầy đờn hình mai vóc liễu, ốm tỏng ốm teo.

Về tuồng tích thì thường diễn trích đoạn của các truyện Tàu, như Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu, Tiết Đình San cầu Phần Lê Huê, Tôn Tẫn hạ san, hoặc những chuyện cổ tích như Thạch Sanh Lý Thông, Phạm Công Cúc Hoa...



Một buổi hát đình. Nguồn ảnh: Panoramio

Về kịch bản (với hát bội) dường như có khuôn mẫu sẵn cho đào kép, nghĩa là có những bài bản riêng cho mọi tình huống. Như khi hai tướng xông trận thì hát thế nào, khi vua lâm triều thì phải hát ra sao... Thêm vào đó chút hát “cương” tùy theo tay nghề của đào kép. Ông bầu vừa đạo diễn, vừa nhắc tuồng.

Có nhiều khán giả nhí khoái vào hậu trường để coi đào kép sắm tuồng hơn coi trên sân khấu. Chúng thường được dễ dãi nếu không phá phách hay ăn ổi chín, vì “sợ tổ thích mùi thơm của ổi mà bỏ đi”, anh chị đào kép bảo vậy.

Nếu nghệ sĩ ngày nay là một trong những người có thu nhập cao, thì nghệ sĩ hát bội (và cải lương gánh nhỏ) thời đó có thu nhập rất ít ỏi. Nói khác đi, nếu chỉ dựa vào thù lao diễn xuất thì không thể nào đủ sống. Đó là nói với đào chánh, kép chánh; còn “kép com”, tức những người đóng vai lính, quân hầu thì càng thê thảm, bởi lâu lâu mới được chút ít tiền bồi dưỡng để hót tóc mà thôi.

Gánh hát thường về làng vào tháng Mười Một âm lịch cho đến trước khi sắp đổ mưa, vì thời gian này dân làng có thu nhập (chủ yếu là lúa), hoặc rảnh rang nên đến coi đông. Nhưng rồi nhiều lắm gánh hát cũng lưu lại chỉ một tuần, thì rạp vắng hoe. Gánh không hát nữa, nhưng cũng chẳng dọn đi. Ông bầu cho ở lại để đào kép kiếm việc làm. Ai mướn gì làm nấy, như gặt lúa, vác lúa. Những người yếu sức thì đi mót, đi câu, bắt cua, lưới cá. Đào kép đều từ nông dân xuất thân nên những việc làm đó họ chẳng thua gì dân địa phương.

Với hát bội, không có thì coi đỡ ghiền chứ thực tình khán giả cũng không mặn lắm. Cho nên từ khi cải lương về làng, hát bội không còn chỗ đứng nữa. Gánh bầu Bời và bầu Trình năm xưa thỉnh thoảng lại đến, sau một vài đêm lại gồng gánh buồn bã lên đường để rồi không bao giờ trở lại. Thấy tình cảnh này, không biết ai trong làng tôi đã ứng khẩu và truyền miệng mấy câu ác nơn: *Bầu Trình hát dở đừng lo / Sang năm hát khá được đi xe bò / Bầu Bời hát dở đừng rầu / Sang năm hát khá được ngồi xe trâu.*

Với gánh cải lương, thu nhập có khá hơn nhiều. Buổi trưa rồi việc, mấy chú bác ở xóm Ngã Tư mời đào kép chánh và một hay vài ông thầy đờn đến nhà làm mấy bài vọng cổ hay mấy lớp xàng xê quanh bàn rượu, bữa cơm đơn sơ nhưng thấm tình nghệ sĩ. Tất nhiên trước khi ra về anh chị đào kép cũng được chút thù lao khá hậu hỉ.

Tuồng tích cải lương cũng không khác gì hát bội, nhưng nhờ trang phục bắt mắt và văn chương bóng bẩy làm người coi thích thú; cũng như diễn xuất thực hơn, lời ca mùi hơn, nên có nhiều đoạn đã làm người xem xúc động, rơi nước mắt, và không ngần ngại kẹp tiền vào quạt giấy phóng lên sân khấu. Đây là hình thức thưởng tiền ở quê tôi. Và đào kép cũng không ngừng khai thác khía cạnh này:

Mở đầu tuồng Phạm Công Cúc Hoa là màn Phạm Công công mẹ mù lòa đi ăn xin. Hai mẹ con quần áo rách bươm, Phạm Công vẻ mặt thiếu nảo, tay cầm thau nhôm móp méo, công mẹ chầm chậm quanh sân khấu; ca điệu Hoài Tình: *“Bà con cô bác giùm thương / bố thí cho tôi một chén cơm thừa /...”* (Nói đậm) *Mẹ, mẹ! Mẹ ráng nhịn đói chút xíu nữa nghe mẹ! Chừng nào bà con cho cơm, con dứt mẹ ăn nghe mẹ!...”*

Thế là nước mắt khán giả tuôn ra, tiếng hỷ mũi rồn rột, giọng nghẹn ngào: “Tui cho tiền nè!” Và quạt giấy kẹp tiền bay lên sân khấu tới tấp. Người không có quạt thì tự đem lên. Một ông thầy đờn thấy vậy nói với Phạm

Công: “Được khá đó nghen mậy! Tiếp lớp hai nghe!” (Tức bảo ca lại lần nữa.) Phạm Công ca tiếp tới lớp bốn, khi khán giả lơ cho tiền mới thôi. Hồi còn trẻ con, chúng tôi chuyên coi hát trong hậu trường nên nghe thấy rõ cảnh này.

Một tuồng có hai màn, hết màn một là nghỉ giải lao. Trước khi qua màn hai thì một người đứng sau màn (thường là ông bầu hoặc anh kép chánh) nói lời tri ân khán giả và giới thiệu vở tuồng ngày mai với những lời lưu loát và không kém văn hoa. Gần cuối màn hai thì gánh hát cho thả giàn, tức mở cửa ai muốn coi cứ vào coi. Việc làm này cũng không ngoài mục đích quảng cáo lời ca điệu hát, trang phục, diễn viên của mình.

Đến năm 1960, gánh bầu Trình, bầu Bời nghe nói đã rã, đào kép “về quê cấy câu”,⁽²⁾ chỉ tụ tập lại hát đình trong những ngày lễ cúng thần. Những gánh cải lương nhỏ cũng biệt tích trong lúc thập niên này (1960-1970) là thời vàng son của cải lương: Ở Sài Gòn nhiều đoàn hát lớn như Kim Chung, Thanh Minh, Hương Mùa Thu... xuất hiện, có nhiều soạn giả lớn với nhiều tuồng hát để đời.

KHA TIỆM LY

Nguồn: www.baoaphac.vn

⁽²⁾ Câu hát tếu táo trong dân gian miền Nam: *“Nếu mai thất nghiệp anh về quê cấy câu. Bắt con nhái bầu, cấy ngay đầu cầu, chờ cho nước lớn cá ăn câu...”* [Văn Uyển chú]

MÃI MÃI XUÂN

Gió nhẹ, xuân về tự sáng nay
Trên kia đàn én nhịp nhàng bay
Hồng, cúc, mai, đào... hương tỏa ngát
Rực rỡ sắc màu bao đắm say

Rực rỡ sắc màu bao đắm say
Đón mừng xuân cảnh rộn ràng thay
Năm tháng xoay vần xuân mộng tưởng
Xuân lòng hòa hợp có ai hay

Hòa hợp xuân lòng ấy sức xuân
Xuân đâu man mác nỗi u buồn
Xuân đâu vĩnh cửu niềm an lạc
Xuân hướng tâm ta rõ cội nguồn

Cội nguồn xuân đạo với xuân tâm
Xuân mãi chan hòa cõi thế nhân
Giống lành đem rải gieo cùng khắp
Miên viễn hồn xuân giữa chốn trần.

ĐỖ THỊ KẾT

QUÊ HƯƠNG

Tôi viết gì về quê hương tôi
Sau ngần ấy năm tha hương
và những lần trở về vội vàng như gió thoảng
Ký ức xưa bằng bạc
Cánh đồng làng nghiêng ngả đường cày,
nghiêng chiếc gàu sòng tát nước đêm trăng...

Tôi biết viết gì về nỗi nhớ mênh mông
Mênh mông đồng làng
không còn vẹn nguyên cho cánh cò bay lá
Mênh mông nỗi đau những người con
của quê hương ra đi khi đời còn vất vả
Chỉ bông lúa vô tư trên
những ô ruộng xấu vẫn chắc hạt trĩu cành...

Tôi viết gì về dòng sông xanh
Vẫn hiền hòa ngọt lành nổi đôi bờ mùa nước cạn
Chiều trôi bóng lảng
Con đê oằn lưng mùa lũ, thành thơi đùa nô
những đụn rác quanh mình...

Tôi viết gì về những sáng bình minh
Tiếng chim sơn ca hát trên đồng
 nghe thanh bình quá đỗi
Về những đứa tôi, qua một thời nông nổi
Họp lớp điểm danh đã xa vắng lắm bạn rồi...

Tôi viết gì về mẹ cha tôi
Một nắng hai sương tảo tần sớm tối
Tuổi thanh xuân qua hai cuộc trường chinh
 giờ đây thời gian ngăn lối
Chỉ còn tiếng trở mình,
 tiếng ho khàn khực khặc trong đêm thâu,
 buốt tái tê lòng...

Tôi muốn viết về nhỏ nhỏ những ước mong
Hiển nhiên như những buổi sớm mai đến trường
 qua đường ngắt bông lúa cần chắt
 cất vỏ vào hộc bàn giấu thầy khoe bạn
Ảo ảnh như khói sương, mong quê hương
 ngày bình yên nhiều hơn ngày nắng hạn
Quê hương yêu dấu
Trong sâu thẳm tim mình.

MAI SAU LE

HOÀNG HÔN NHỚ MẸ

Hoàng hôn nhuộm tím chân trời
Mây trôi lãng đãng về nơi cuối ngàn
Chiều tà ngọn gió lang thang
Vờn trên đỉnh núi giăng màn xa xa
Lẩn trong bóng núi nhạt nhòa
Sao nghe vọng lại như là tiếng xưa
Ngọt ngào tiếng cửa hoa mua
Mang mang sắc tím gọi mùa yêu thương
Thần thờ trong dạ vấn vương
Nửa đời phiêu bạt bụi đường cỏ may
Ngồi buồn nhớ mẹ chiều nay
Cuối thu nắng nhạt heo may ulla về
Cầm bàn tay mẹ tái tê
Nhấn nheo gầy guộc mãi mê một đời
Cánh cò công nắng ra khơi
Đến khi nắng tắt tả tơi cánh cò...

MAI SAU LE
(Phú Thọ)

✉ **Hiền huynh Lương Phan** (TT Úc Châu). Điện thư ngày 04-9-2017:

Quyển “Lược Sử Đạo Cao Đài Thời Tiềm Ẩn 1920-1926” (Hà Nội: Nxb Hồng Đức 2017), trang 86

*viết: “... có mười một trang bao gồm họ tên **hai trăm bốn mươi lăm** môn đệ cùng với chữ ký”, nhưng theo phụ bản số 11, cuối danh sách là số 241. Lý do tại sao vậy?*

Huệ Khải: Kính thưa hiền huynh, ở đầu trang 4 bản danh sách và chữ ký có ba số 49bis (Hà Văn Thuần, tức Trần Đạo Quang), 50bis (Lê Văn Trung), 51bis (Lê Văn Lịch). Cuối trang 8 là số 156 (Cao Quỳnh Đức), và đầu trang 9 lặp lại số 156 (Như Nhân). Vậy, cộng với số 241 ở cuối trang 11 thì **tất cả có 245 họ tên**, nhưng chữ ký kèm theo ít hơn số đó (nhiều người không ký tên).

*

✉ **Hiền hữu Phạm Vũ** (thành phố Tây Ninh). Điện thư ngày 05-9-2017.

Câu “Nhân thị chủ tâm” 人是主心 xưa nay vẫn được các kinh sách Cao Đài giảng: Con mắt là (làm) chủ cái tâm. Như vậy câu này có hai động từ: THỊ (là); CHỦ (làm chủ). Tại sao một câu lại có hai động từ?

Trần Văn Chánh: Bạn nghĩ đúng. THỊ là đồng động

GIÓ BỐN PHƯƠNG

Gió muốn thổi đâu thì thổi.
GIOAN 3:8

từ, có tác giả gọi nó là *hệ từ*, có tác dụng “nối” trong câu. CHỦ ở đây là động từ, có nghĩa là coi giữ, cầm đầu, thống trị... Cả câu có nghĩa: *Mất chủ về tâm* (coi giữ, cầm đầu, thống trị, phụ trách về tâm).

*

✉ **Hiền huynh Chí Như** (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo). Ngày 12-10-2017.

Cảm ơn Huệ Khải tặng tôi tập Cái Đẹp Theo Mỹ Học Cao Đài. Ở trang 9 và trang 23 nên sửa lại Thiên Lý Đàn ở quận 3 mới đúng.

Huệ Khải: Chân thành cảm ơn hiền huynh Chí Như. Nhân đây, xin quý đạo hữu vui lòng sửa thêm ba lỗi khác trong sách:

*Trang 10, dòng 12: cái đẹp được ~~được~~ phát huy
Trang 17, dòng 7: Cái đẹp có thể ~~được~~ đạt được
Trang 29, dòng 14: ~~conclusion~~ → conclusion*

*

✉ **Hiền huynh Lễ Sanh Thượng Vui Thanh** (thánh thất Hương Mỹ, HTCD Ban Chính Đạo), huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Thư ngày 26-11-2017.

Đọc Bắc Cầu Tâm Linh (quyển 54.2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo), bài Những Kẻ Đốn Cây, tôi mới hiểu thêm rằng những lời chửi mắng của con người có thể làm cây đại thụ héo úa, khô cành rồi từ từ chết luôn. Cũng vậy, những lời độc ác có khả năng

làm tan nát tâm can người ta. Đọc bài Người Hiếm Có, tôi tâm đắc câu này vì thấy đúng với bản thân: “Học đạo, có những câu đơn giản lắm! Có khi mình hiểu liền; có khi phải trải qua một thời gian chiêm nghiệm sau những trầy trật bản thân, bấy giờ mới bừng ngộ, nên càng thấm thía.”

Đọc Nẻo Về Tâm Linh (quyển 84.1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo), bài Vô Thần Đích Thực Là Ai?, qua lời giảng của Đại Sư Vivekananda tôi mới hiểu rằng một người dù đã nhập môn Cao Đài rất lâu nếu chưa thấy có Trời trong bản thân mình và những người chung quanh thì người ấy vẫn là người vô thần.

Và còn nhiều bài khác nữa, trên đây chỉ là tạm kể để dẫn chứng. Sách đọc rồi, cất vô tủ, lâu lâu tôi lấy ra đọc lại, và khám phá thêm lần nữa nhiều điều lý thú, bổ ích vô cùng, tôi không thể nói ra cho hết được.

Không còn bao lâu nữa thì qua năm 2018, tuổi tôi cũng khá cao, nhưng tôi vẫn thấy mình cần phải học mãi, học hoài để thâm nhập thêm nhiều kiến thức mới.

Viết thư này, tôi xin có ít lời bày tỏ tấm lòng vô cùng biết ơn Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo mấy năm nay thường xuyên gửi tặng tôi những món ăn tinh thần vô giá, giúp tôi củng cố niềm tin về Đại Đạo, nâng cao kiến thức về đạo và đời.

Ban Ấn Tống: Kính thưa hiền huynh Thượng Lễ Sanh, biết hiền huynh niên kỷ đã cao mà viết thư nét

chữ vẫn khỏe đẹp khiến chúng đệ muội rất vui, vì thấy rằng hiền huynh sức khỏe còn dồi dào, nên chẳng những rất siêng đọc sách mà còn quan tâm viết những lá thư dài trang gửi về Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo. Hiền huynh còn chu đáo, những dòng chữ nào cần nhấn mạnh lại dùng bút mực đỏ cho phân biệt với bút mực xanh, khiến chúng đệ muội nhớ tới cách ghi chép dùng hai màu mực của tiền bối Cao Sĩ Tấn (1893-1974) sinh tiền là bác sĩ, tu thiền theo pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh, đắc quả Đạo Hạnh Kim Tiên.

Từ giữa năm 2008 tới nay, hiền huynh là một độc giả thường xuyên viết thư cho chúng đệ muội để chia sẻ cảm nghĩ khi đọc sách ấn tống. Tấm lòng của hiền huynh khiến chúng đệ muội vô cùng cảm kích, biết ơn. Những chia sẻ của hiền huynh khiến chúng đệ muội cảm thấy ấm áp, như được thêm sức để tiếp tục bền gan vững chí rảo bước trên nẻo đường dài phổ thông giáo lý Cao Đài với phương tiện tạm mượn là Chương Trình Chung Tay Ấn Tống.

Chúng đệ muội cầu nguyện Thầy Mẹ ban ơn lành phước huệ đến hiền huynh và bửu quyến. Kính mến.

*

✉ **Hiền huynh Trần Thanh Tào** (thanhtao@...), Quầy Kinh Sách Cao Đài, Tam Kỳ, Quảng Nam. Điện thư ngày 11-12-2017.

Kính gửi: Ban Ấn Tống, Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.

Vừa qua Quầy Kinh Sách Cao Đài ở Tam Kỳ, Quảng Nam, nhận được các đầu sách: Đại Đạo Văn Uyển (tập Trình 2017), Thiên Bàn Tại Nhà, Tu Cứu Cứu Huyền Thất Tổ, và Ý Thức Hệ Cao Đài. Đạo đệ xin thay mặt Quầy kính lời tri ân quý huynh tử trong Ban Ấn Tống và quý vị mạnh thường quân đã công quả pháp thí thực hiện đạo sự này.

Qua các phương tiện sẵn có (Facebook, điện thư, điện thoại...), Quầy Kinh Sách ở Tam Kỳ đã kịp thời phổ biến tới các đạo hữu thông tin về số lượng kinh sách đã nhận được. Quầy vừa có thêm vài địa phương trực tiếp liên hệ để thường xuyên thỉnh kinh sách như một số họ đạo tại Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Định, Phú Yên, Quảng Ngãi; một số xã đạo và cá nhân tại Đắk Lắk, Gia Lai, gia đình Hưng Đạo thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài ở Hội An, tập thể tu tập sinh Đà Nẵng... Đây quả là niềm vui chung của những người đang làm pháp thí. Cầu nguyện quý huynh tử được an lạc để phụng sự nhơn sanh.

Trân trọng kính chào Ban Ấn Tống.

Ban Ấn Tống: Trần hiền hữu và quý đồng sự đang phụ trách Quầy Kinh Sách Cao Đài ở Tam Kỳ quý mến,

Chúng tôi vui và cảm ơn hiền hữu thường xuyên chia sẻ những kết quả đáng mừng mà Quầy Kinh Sách đã đạt được. Chúng tôi vẫn hay ghé thăm Facebook của Quầy

(<https://www.facebook.com/kinhsachcaodai/>); nhờ vậy biết thêm nhiều thông tin thú vị về hoạt động phổ truyền kinh sách của Quầy. Quý hiền hữu nếu cần thêm kinh sách, hãy báo ngay cho chúng tôi biết để kịp thời đóng thùng gửi ra.

Xin chúc quý hiền hữu an lạc và đạo sự phát triển.

*

✉ **Cháu Trần Hà Phương** (haphuongtran2001@...),
Điện thư ngày 21-12-2017.

Thánh giáo hay dùng hai chữ HƯỚNG ĐẠO, như vậy khác nghĩa hai chữ HƯỚNG ĐẠO ngoài đời (trong chữ hướng đạo sinh) ra sao? Cháu rất cảm ơn quý bác.

Huệ Khải: Cháu Hà Phương mến, hai từ này ý nghĩa khác nhau lắm.

1. Hướng đạo 向導 theo thánh giáo nghĩa là lãnh đạo (*leading*); hướng dẫn (*guiding*). Bậc hướng đạo là người có trách nhiệm dẫn dắt tín đồ đồng đạo (*those who lead their coreligionists*).

Khi nói *hướng đạo*, chữ đạo 導 này có nghĩa dìu dắt, chỉ dẫn, dẫn dắt, hướng dẫn, chỉ đường dẫn lối, chỉ bảo. Nó không phải là chữ đạo như khi nói *đạo giáo* 道教 (tôn giáo), *đạo nhân* 道人, *đạo sĩ* 道士, v.v...

2. Scouting (phong trào scout) ra đời ở nước Anh năm 1907 do sáng kiến của Robert Baden-Powell (1857-

1941). Thành viên nam của phong trào này là *boy scouts*, người Hoa dịch là *đồng tử quân* 童子軍, có nghĩa người lính trẻ nhỏ. Thành viên nữ là *girl scouts*, người Hoa dịch là *nữ đồng tử quân* 女童子軍.

Khoảng tháng 9 năm 1930, phong trào *scout* được quảng bá rộng rãi tại Việt Nam, chủ yếu ở miền Bắc, và một trong những vị có công khai sáng là Hoàng Đạo Thúy (1900-1994).

Thoạt đầu các vị sáng lập ở Việt Nam mượn cách dịch của người Hoa, cũng gọi các *scouts* là *đồng tử quân*. Năm 1933, Hoàng Đạo Thúy bỏ cách gọi đồng tử quân, thay thế bằng *hướng đạo sinh*. Đây là cách dịch rất sáng tạo, thể hiện ý thức “thoát Hán” của người Việt.

Chúc cháu an lạc và có nhiều hứng thú trong việc tìm hiểu chữ nghĩa.

ĐÍNH CHÍNH

Quý đạo hữu vui lòng sửa giúp chúng tôi bốn lỗi in sai trong ba quyển sách đã ấn tống như sau:

* 52-3. **Tu Cứu Cứu Huyền Thất Tổ** (Nxb Hồng Đức 2017)

Tr 14, dòng 4: quận **10** → quận **3**

* 101-1. **Giữ Lửa Cho Nhau** (Nxb Hồng Đức 2016)

Tr 10, dòng 10: **năm** thành → **mười lăm** thành

* 113-1. **Ý Thức Hệ Cao Đài** (Nxb Hồng Đức 2017)

Tr. 69, dòng 11-12: ~~xếp theo thứ tự ABC~~

Tr. 85, d. 8: In **my translation**, → In **the above excerpt**,

AI DỆT MÙA XUÂN

Như bông ai thả đầy trời
Phơi mây cho trắng để rồi xe tơ
Hôm qua cây còn chông chờ
Bữa nay đã thấy mướt mờ lá xanh
Trời kêu ai dệt mà nhanh
Cởi choàng đông khoác lên thành áo xuân
Kìa, em má đỏ bồ quân
Đem so màu má với hồng cánh hoa
Chích chòe lú rú giọng ca:
“Ai làm rớt nắng lên tà áo em!”
Lao xao gió khẽ lay rèm
Kêu ai mau dậy ra thềm đón xuân.

HOÀNG NGUYỄN

GỢI CHỊ

Chị hỏi ngoài mình mưa lụt miết
Nước lên, nước lụt có mằn rằn?
Em giấu làm chi chị biết được
Xuân chừ thiếu áo, lạnh không chăn
Đêm lạnh quấn mình đôi áo cũ
Gói tròn hơi ấm cuộn như trăn.

Lại nữa nghe tin có bão xa
Cô Ba, cô Bảy xúm nhau la:
“Cu Lớn lo dọn đồ lên thất
Kéo gió đợt ni để súp nhà.”

Em lên lạy Mẹ lòng lo lo
Nhà dột, cột xiêu, mưa gió to
Chắc chi chịu nổi cơn mưa hãm
Ướt hết làm răng có chỗ thờ.

Chị nói chị về, em bảo thôi
Làm chi tốn kém đường xa xôi
Chị lo trang trải cho xong nợ
Kéo bên chồng bảo chị để đuôi.

Mà thôi! em nói chị đừng lo
Mai mốt lớn lên em phụ hồ
Mỗi bữa để dành dăm viên gạch
Chừng ba mươi tuổi có nhà to.

HOÀNG NGUYỄN



BÀI THƠ VIẾT TRƯỚC HIÊN NHÀ

Ừ thôi, về trước thềm nhà
Nghe mùa đông lá se qua lòng mình
Nghiêng chiều nghiêng cả tiếng chim
Niềm thương nghiêng với lim dim tháng ngày

Ừ thôi, bỏ dở cuộc say
Gót chân mòn mỏi về đây cũng là...
Vội chum tương, vội vại cà
Xếp hàng đứng đợi mẹ ra võ về

Ừ thôi, đâu cũng là quê
Mắc chi hương khói nhập nhòa lá bay
Cột kèo nói với đòn tay
Rằng từ mộng gỗ mà mầy với tao...

Ừ thôi lay giấc chiêm bao
Khẽ khàng thưa gửi lên màu tóc mây
Đường xa ngán ngấm dạn dày
Đành như con nít mà ngây ngô rằng...

NGUYỄN QUỐC HUÂN



KINH SÁCH MỚI IN

*"... mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh
hiền truyện."* Đức GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO
Vạn Quốc Tự, Sài Gòn, 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965)

Sách ấn tống quý Bốn năm 2017 liên kết Nxb Hồng Đức:

52-3. TU CỨU CỬU HUYỄN THẤT TỔ (Huệ Khải, in 2.000 quyển) – Do công quả của môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn (Mỹ Tho): hiền tỷ THỦY NHƯ HƯƠNG (9.500.000 đồng, trích đợt 88, đợt 90).

77-2. THIÊN BÀN TẠI NHÀ / THE GOD'S ALTAR AT HOME (Huệ Khải, in 2.000 quyển, Tủ Sách Tiểu Luận Cao Đài Song Ngữ Việt-Anh) – Do công quả của quý môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn (Mỹ Tho): hiền tỷ NGỌC LAN (10.000.000 đồng, đợt 90); hiền tỷ THỦY NHƯ HƯƠNG (4.000.000 đồng, trích đợt 90).

107-1. CAO CAO DẮNG NÚI (Huệ Khải, in 2.000 quyển, Tủ Sách Văn Học Đại Đạo, quà tặng Vu Lan Đỉnh Dâu) – Do giác linh hiền tỷ LÊ THỊ TRƯỞNG (môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn, Mỹ Tho), công quả 20.000.000 đồng (đợt 80, 84).

108-1. AI ĐO LÒNG BIỂN (Huệ Khải, in 2.000 quyển, Tủ Sách Văn Học Đại Đạo, quà tặng Vu Lan Đỉnh Dâu) – Do hiền tỷ HUỆ MAI HƯƠNG (môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn, Mỹ Tho) công quả 14.500.000 đồng (đợt 88, 90); hiền đệ PHẠM NHỰT TRƯỞNG và hiền muội PHẠM QUẾ TRÂM (thánh thất Nhứt Chánh, HT Cao Đài Ban Chính Đạo) công quả 4.000.000 đồng (đợt 113, 121, 124).

109-1. ÁI HOA KHÔNG CÒN NỮA (Lê Anh Minh, in 2.000 quyển, Tủ Sách Văn Học Đại Đạo) – Do 12 phần công quả (1.000.000 đồng/phần) của quý vị ân nhân: ẨN DANH (đợt 117); ĐỖ THỊ THU (TT Cây Du, đợt 116); HUỲNH THỊ THỦY (TT Tứ Long Châu, đợt 111); LÊ THỊ SÁU (Sáu Hà, TT Khố Hiến Trang, đợt 116, 124); MAI THỊ HUYỀN (TT Nhứt Chánh, đợt 124); NGUYỄN THỊ MINH GIANG (TT Nhứt Chánh, đợt 113, 117); NGUYỄN THỊ SANG và NGUYỄN THỊ TỖ (Thần Đức, Thần Cửu Nghĩa, Châu Thành, Tiền Giang, đợt 111); QUỲ TÍN HỮU HTCD Ban Chính Đạo (đợt 113); TRẦN AN (Hoa Kỳ, đợt 123, 125); TRẦN THỊ THỜI (TT Nhứt Chánh, đợt 113); TỬ THANH TOÀN (TT Thiên Lý, đợt 113, 117, 120, 123, 125); VÕ HỒNG HẠNH và VÕ MỸ LIÊN (TT An Nhứt, đợt 116).

110-1. MỘT THOÁNG CAO ĐÀI / BRIEF GLIMPSES INTO CAODAIISM (Huệ Khải, in 3.000

quyển, Tủ Sách Tiểu Luận Cao Đài Song Ngữ Việt-Anh) – Do công quả của quý môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn (Mỹ Tho): hiền tỷ DIỆU HƯƠNG (10.000.000 đồng, đợt 88); hiền tỷ HUỲNH THỊ BẾ BA (10.000.000 đồng, đợt 91).

111-1. TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI / THE PSYCHOLOGY OF CAODAISTS (Huệ Khải, in 3.000 quyển, Tủ Sách Tiểu Luận Cao Đài Song Ngữ Việt-Anh) – Do công quả của quý môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn (Mỹ Tho): chơn linh hiền tỷ HUỲNH THỊ DỪNG (14.500.000 đồng, trích đợt 111); hiền huynh THANH TÂM (6.500.000 đồng, trích đợt 85).

112-1. CÁI ĐẸP THEO MỸ HỌC CAO ĐÀI / BEAUTY IN TERMS OF THE CAODAI AESTHETICS (Huệ Khải, in 3.000 quyển, Tủ Sách Tiểu Luận Cao Đài Song Ngữ Việt-Anh) – Do công quả của môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn (Mỹ Tho): hiền tỷ THỦY NHƯ HƯƠNG (11.500.000 đồng, đợt 84, trích đợt 88).

113-1. Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI / THE CAODAI IDEOLOGY (Huệ Khải, in 2.500 quyển, Tủ Sách Tiểu Luận Cao Đài Song Ngữ Việt-Anh) – Do công quả của quý môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn (Mỹ Tho): chơn linh hiền tỷ DIỆU LIÊN THANH (10.000.000 đồng, đợt 82); chơn linh toàn gia hiền tỷ HUỲNH THỊ DỪNG (5.000.000 đồng, trích đợt 111); chơn linh hiền huynh MAI VĂN HẾT (10.000.000 đồng, đợt 77).

Sách ấn tống quý Một năm 2018 liên kết Nxb Hồng Đức:

ĐẠO UYỂN Xuân 2018 (Tập 25), in 2.000 quyển, do công quả **20.000.000 đồng** của quý huynh tỷ phương danh như sau:

01	BÙI THỊ THỦY TRANG và gia đình ĐH NGUYỄN THANH MINH (TT Trung Đắc, HT Truyền Giáo ĐĐ). Gởi đợt 114.	600,000
02	Quý đạo hữu họ đạo CÁI RĂNG (Cần Thơ, HT ĐĐ Tây Ninh). Gởi đợt 130.	500,000
03	ĐỖ THẾ SƠN (TT Từ Quang, Quảng Nam; HT Truyền Giáo ĐĐ). Gởi đợt 130.	1,000,000
04	HUỲNH THỊ LÁNH (Ninh Diên, Châu Thành, Tây Ninh). Gởi đợt 115, 128.	500,000
05	Họ đạo KHÁNH VÂN (HT Truyền Giáo ĐĐ, Quảng Nam). Gởi đợt 128.	500,000
06	LÊ HUY HOÀNG (TT Đệ Bát, HT ĐĐ Tây Ninh). Gởi đợt 80.	600,000
07	LÊ QUANG HỒNG, NGUYỄN THỊ BẦY (TT An Nhứt, Long Điền, Bà Rịa-Vũng Tàu; HT ĐĐ Ban Chính Đạo). Hồi hướng tứ thân phụ mẫu. Gởi đợt 130.	1,000,000
08	LÊ VĂN BÔNG (Long Diên, Bà Rịa - Vũng Tàu; HT ĐĐ Tây Ninh). Gởi đợt 64HK, 98.	600,000
09	LÊ VĂN QUAN (TT Bình Khánh, HT ĐĐ Tây Ninh): Hồi hướng mẹ (Nguyễn Thị Tắt, 92 tuổi). Gởi đợt 7, 28, 69.	900,000
10	LÝ THỊ DUNG (Tân Hưng, Tân Châu, Tây Ninh). Gởi đợt 108, 125, 126, 127.	700,000

11	MINH QUẾ (Nguyễn Thiện Thuật, Q3; Chiêu Minh). Gởi đợt 114.	600,000
12	Thánh thất MỸ THANH AN (Đức Hòa, Long An). Gởi đợt 44, 45, 47.	800,000
13	Tiến Sĩ NGUYỄN DUY CHÍNH (California): Gởi đợt 115, 117.	800,000
14	NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC (TT Thành Tâm Đàm, HT CĐ Minh Chơn Đạo). Gởi đợt 125, 127. Hồi hướng giác linh ĐH Nguyễn Văn Mới, giác linh DT Vô Thị Quán, giác linh Lễ Sanh Thái Bang Thanh (Nguyễn An Bang).	1,000,000
15	NGUYỄN THỊ BÉ (Trường Ân, Trường Đông, Hòa Thành, Tây Ninh; HT CĐ Tây Ninh). Gởi đợt 121.	500,000
16	NGUYỄN THỊ NGỌC EM (Long Bình, Long Thành Nam, Hòa Thành, Tây Ninh; HT CĐ Tây Ninh). Gởi đợt 126.	500,000
17	NGUYỄN THỊ NGÀ (Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh; HT CĐ Tây Ninh). Gởi đợt 120, 121, 123, 127, 128, 129.	500,000
18	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN (TT Thạnh Trị): Gò Công Tây. Gởi đợt 68, 71.	700,000
19	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG HOÀNG (Ninh Thuận, Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh; HT CĐ Tây Ninh). Gởi đợt 109, 121, 123, 129.	600,000
20	NGUYỄN THỊ TỬ PHƯỢNG. Gởi đợt 113, 120, 123, 127.	900,000
21	NGUYỄN VĂN ĐẠO (TT Long Khánh, HT CĐ Tây Ninh): Trần Phú, Xuân An, Long Khánh, Đồng Nai. Hồi hướng cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 1, 11, 72.	700,000
22	NGUYỄN VĂN HIỂN (TT Quận 3): An Bình, P7, Q5. Gởi đợt 44, 48B, 60HK.	700,000
23	CTS PHẠM VĂN SANG (TT Sài Gòn): Q7. Gởi đợt 32, 33, 34, 39, 41, 43, 48B.	600,000
24	Giác linh PHAN VĂN HƯỜNG (TT Sài Gòn, HT CĐ Tây Ninh): Phú Nhuận. Gởi đợt 5, 14, 24, 28, 76.	700,000
25	Giác linh THIÊN QUANG (Cơ Quan PTGLĐĐ). Gởi đợt 130.	500,000
26	TỬ THỊ NHUNG (TT Thành Tâm Đàm, HT Minh Chơn Đạo). Gởi đợt 113, 117, 120, 123, 125, 123, 127. Hồi hướng giác linh Lễ Sanh Thái Bang Thanh.	1,300,000
27	VĂN THỊ LANG (Tây Ninh): Gởi đợt 84, 90, 111.	900,000
28	VÕ NGỌC ĐIẾP (TT Hậu Nghĩa, HT CĐ Tây Ninh): Đức Hòa, Đức Huệ, Long An. Gởi đợt 103, 104, 108.	800,000

PHƯƠNG DANH QUÝ VỊ MẠNH THƯỜNG QUÂN CÔNG QUẢ ẤN TỐNG

Đợt Một Trăm Hai Mươi Tám: Từ ngày 01-10-2017 đến ngày 31-10-2017

Môn sanh, đạo tâm:

01	Gia đình DT Hồng Hạnh Hương (TT Thanh Tịnh Đàm). Gởi 04-10.	200,000
02	TẠ VĂN TUẤN. Gởi 13-10. P. Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng. Gởi 13 và 21-10.	600,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

03	HUỲNH THỊ LÁNH: Ninh Diển, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi 12-10.	300,000
04	NGUYỄN THỊ NGÀ: Long Phú, Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi 12-10.	100,000
05	NGUYỄN THỊ THIÊN NGÀ: Mỹ Đức Tây, Tiền Giang. Gởi 12-10.	100,000
06	TẠ THỊ VUI: Ninh Phú, Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 12-10.	500,000
07	TRẦN THỊ THU HẰNG: Cẩm Sơn, Cai Lậy, Tiền Giang. Gởi 12-10.	100,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

08	ĐỖ THỊ LIÊN (tu xá Phước Huệ Đàm, Tam Kỳ, Quảng Nam). Gởi 13-10.	200,000
09	Họ đạo KHÁNH VÂN (Quảng Nam). Gởi 13-10.	500,000
10	NGUYỄN ĐỨC THẨM (họ đạo Thái Hòa, Thăng Bình, Quảng Nam). Gởi 13-10.	200,000

Tổng cộng: 2,800,000 VNĐ

Đợt Một Trăm Hai Mươi Chín: Từ ngày 01-11-2017 đến ngày 30-11-2017

Môn sanh, đạo tâm:

01	Giác linh hiền tỷ Hoàng Thị Hỷ và giác linh hiền tỷ Hoàng Thị Kỳ. Gởi 06-11.	500,000
02	TẠ VĂN TUẤN. Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng. DT 0935304xxx. Gởi 13-11.	100,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

03	LÊ THỊ BẠCH YẾN: Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 10-11.	200,000
04	NGUYỄN THỊ NGÀ: Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi 10-11	50,000
05	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG HOÀNG: Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 10-11.	200,000
06	PHẠM THANH THỦY: 53B, Tân Quý, Tân Phú, TpHCM. Gởi 10-11.	100,000
07	TRẦN THỊ KIM HUỆ: Hiệp Bình, Hiệp Ninh, Tp Tây Ninh. Gởi 10-11.	300,000
08	VÕ THỊ PHƯỢNG: Long Thành Bắc, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi 10-11.	200,000

Tổng cộng: 1,650,000 VNĐ

Đợt Một Trăm Ba Mươi: Từ ngày 01-12-2017 đến ngày 31-12-2017

Môn sanh, đạo tâm:

01	NGÔ THỊ HƯƠNG (Phước Hải, Đất Đỏ, Bà Rịa-Vũng Tàu). Gởi 24-12.	200,000
02	Giác linh THIÊN QUANG (Cơ Quan PTGLĐĐ). Gởi 15-12.	500,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

03	LÊ QUANG HỒNG, NGUYỄN THỊ BẢY (TT An Nhứt, Long Diển, Bà Rịa-Vũng Tàu). Hồi hướng tứ thân phụ mẫu. Gởi 24-12.	1,000,000
04	Giáo Sư THƯỢNG MAI THANH (TT Thủ Đức Hà Nội). Gởi 15-12.	2,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

05	Quý đạo hữu họ đạo Cao Đài CÁI RĂNG (Cần Thơ). Gởi 14-12.	500,000
06	BÙI THỊ SƠN: Phước Ninh, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 14-12.	200,000
07	VÕ THỊ LIỄU: Bàu Đồn, Gò Dầu, Tây Ninh. Gởi 14-12.	100,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

08	ĐỖ THẾ SƠN (TT Từ Quang, Quảng Nam). Gởi 07-12.	1,000,000
----	---	-----------

Tổng cộng: 5,500,000 VNĐ

Các địa chỉ liên lạc để thỉnh kinh sách ấn tống (kính biểu):

Bà Rịa - VT:	TĂNG NHƯ HẪN	☎ 0907663832
Cà Mau:	NGUYỄN HỒNG TỪ PHƯỚC	☎ 0916028939
Đà Nẵng:	Lễ Sanh TRẦN THANH TỪ	☎ 0912949657
	ĐỖ THỊ KẾT	☎ 0985780369
	NGUYỄN THỊ LANG	☎ 0905008999
Lâm Đồng:	NGUYỄN QUANG TÍN	☎ 0976505639
Long An:	PHẠM TRUNG QUỐC	☎ 0913780123
Long Khánh:	NGUYỄN VĂN ĐẠO	☎ 01693113723
Quảng Nam:	Giáo Hữu THƯỢNG THUẦN THANH	☎ 0905870081
	TRẦN THANH TẠO	☎ 0945057595
	CHÂU THỊ KIM TƯƠI	☎ 0914730595
Tây Nguyên:	NGUYỄN SANH	☎ 0902573623
Tây Ninh:	NGUYỄN VĂN NGHĨA	☎ 0987524949
TpHCM:	MINH QUANG Trần Văn Quang	☎ 0913613653
	LÊ THỊ THANH LOAN	☎ 0938479912
Vĩnh Long:	LÊ THỊ HỮU	☎ 0969263264

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU CÁC BẢN ĐIỆN TỬ

1. Toàn bộ *Đại Đạo Văn Uyển* (2012-2017), và *Đạo Uyển* (từ năm 2018), xem tại: daidaovanuyen.blogspot.com
2. Các sách của các tác giả đã in trong *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* (từ năm 2008 tới nay), xem tại: chungtayantong.blogspot.com
3. Các sách tiếng Việt đã in trong *Huệ Khải Văn Tập* (từ năm 2008 tới nay), xem tại: huekhai.blogspot.com
4. Các bản tiếng Anh trong *Huệ Khải Văn Tập* (từ năm 2008 tới nay), xem tại: understandingcaodaism.blogspot.com

BAN ẤN TỔNG

ĐẠO UYỂN - 147

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

ĐẠO UYỂN XUÂN 2018
HUỆ KHẢI *chủ biên*

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: LÝ BẮC TOÀN
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in: Dũ Lan, Lê Anh Minh
Vẽ bìa & Trình bày: Ngô Bái Thiên

In 2.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.
☎ 028.38153971 – Fax: 028.38153297.
Số XNĐKXB: 4814-2018/CXBIPH/43-127/HĐ
Số QĐXB của NXB: 678/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 29-12-2017.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-2115-6

Thư từ, bài viết... xin gửi về: daidaovanuyen@gmail.com
Bản điện tử trên Internet, xem tại: daidaovanuyen.blogspot.com